

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN



LSD

T010

Căn cứ Khu Lê Hồng Phong

TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM

1950 - 1975



NĂM 2008



7

CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM

1950 - 1975

❖ Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận.

❖ Chỉ đạo biên soạn:

Đồng chí Ngô Minh Chính

Đồng chí Huỳnh Thanh Tâm

❖ Biên soạn:

Đồng chí Trần Thị Hà Nhi.

❖ Biên tập:

Đồng chí Trần Mạnh Tường.

❖ Trình bày và sửa bản in:

Phòng Lịch sử Đảng.

Lời nói đầu

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương Đảng tháng 4 năm 1947 về xây dựng căn cứ kháng chiến, nhiều nơi trong cả nước đã hình thành những căn cứ như Việt Bắc, vùng tự do Liên Khu IV, Liên Khu V, miền Đông, miền Tây Nam bộ và nhiều khu du kích, căn cứ du kích ngay trong vùng địch kiểm soát. Căn cứ Khu Lê Hồng Phong - tỉnh Bình Thuận là một trong những căn cứ địa cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Căn cứ Khu Lê Hồng Phong là một vùng đất không rộng, người không đông, nằm sâu trong vùng địch hậu, luôn bị địch bao vây, phong tỏa,

đánh phá ác liệt. Đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, căn cứ Khu Lê Hồng Phong như cái gai trong con mắt của bọn Mỹ - ngụy, chúng quyết biến mảnh đất này thành bình địa, không còn là chỗ dựa của cách mạng và nhân dân. Nhưng chúng đã nhầm; mọi âm mưu, thủ đoạn từ dụ dỗ, mua chuộc, khủng bố tinh thần đến uy hiếp bằng bom đạn, máy bay, xe tăng, đại bác, chất độc hóa học... vẫn không khuất phục được ý chí, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ và nhân dân vùng đất anh hùng này. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, căn cứ Khu Lê Hồng Phong qua nhiều lần giải thể và tái lập, điều đó đã nói lên tính chất quyết liệt của cuộc chiến không cân sức này. Suốt những năm tháng khốc liệt ấy, căn cứ Khu Lê Hồng Phong không những không bị tiêu diệt mà vẫn tồn tại vững chắc như một tượng đài chiến thắng.

Thực tiễn xây dựng căn cứ Khu Lê Hồng Phong là những trang sử hào hùng, được xây dựng bằng ý chí, nghị lực phi thường, bằng niềm tin mãnh liệt vào Đảng, cách mạng của cán bộ, chiến sỹ và nhân dân nơi đây, đã vượt qua muôn

vàn khó khăn gian khổ, ác liệt hy sinh, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, góp phần vào thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến.

Biên soạn tập sách CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM (1950 - 1975), nhằm nhớ và biết ơn công lao to lớn của những anh hùng liệt sỹ, của cán bộ, chiến sỹ và nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, đã từng sống, chiến đấu và phục vụ chiến đấu quên mình vì sự sống còn của Khu căn cứ. Những đúc kết kinh nghiệm trước đây là bài học quý báu cho ngày hôm nay, cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, động viên cổ vũ ý chí, tinh thần cán bộ, nhân dân trong tỉnh, nhất là thế hệ trẻ.

Tập sách CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM (1950 - 1975) có sự đóng góp tư liệu của nhiều nhân chứng lịch sử và đã được thông qua các cuộc hội nghị xác minh tư liệu, góp ý kiến bản thảo. Tuy nhiên, do nhiều đồng chí, đồng bào đã từng lãnh đạo, sống, chiến đấu trên

vùng căn cứ hiện nay không còn, nên việc tập hợp nguồn tư liệu chính xác gặp khó khăn; do vậy, tập sách CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM (1950 - 1975) sẽ không tránh khỏi những thiếu sót.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất mong nhận được sự góp ý của đồng bào, cán bộ, chiến sỹ trong tỉnh và bạn đọc gần xa, để bổ sung đầy đủ và hoàn thiện trong lần tái bản sau.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, XÃ HỘI CỦA CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG.

1. Sự hình thành tổ chức hành chính căn cứ Khu Lê Hồng Phong.

Trong chiến tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam, việc xây dựng căn cứ địa làm hậu phương tại chỗ là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, góp phần quyết định thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến.

Bình Thuận là tỉnh cuối cùng vùng Cực Nam Trung bộ, sự chi viện của Trung ương trong kháng chiến vô cùng khó khăn và gian khổ. Do đó, ngay từ buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ tỉnh Bình Thuận đã thấy được vai trò, vị trí việc xây dựng căn cứ địa làm hậu phương tại chỗ, coi đó là vấn đề sống còn, bảo đảm nhiều mặt cho cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Có căn cứ, hậu phương tại chỗ mới có chỗ dựa để triển khai bộ máy chỉ huy, chỉ đạo, phát triển lực lượng, sản xuất lương thực, vũ khí, thuốc men, mở trường đào tạo cán bộ, tạo thế đứng vững chắc lâu dài cho cuộc kháng chiến.

Do vị trí của Bình Thuận là một tỉnh nối liền giữa Trung bộ với Miền Đông Nam bộ, Đông Bắc

giáp tỉnh Ninh Thuận, Tây giáp tỉnh Lâm Đồng, Tây Nam giáp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp Biển Đông, nên việc thành lập các căn cứ không những làm hậu phương tại chỗ cho tỉnh, mà còn có tác dụng với các tỉnh Cực Nam Trung bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp (1946 - 1949), địch chiếm đóng những vị trí quan trọng trong tỉnh; còn phần lớn vùng nông thôn, rừng núi do ta làm chủ. Từ năm 1949 trở đi, cuộc kháng chiến ngày càng diễn ra ác liệt, công tác hậu cần tại chỗ của ta gặp rất nhiều khó khăn. Cuối năm 1949, sau khi dồn dân rào làng, lập khu tập trung ở Ninh Thuận, địch bắt đầu tiến hành ở Bình Thuận. Đến tháng 3/1950, chúng đã dồn nhân dân 3 huyện phía Bắc tỉnh (Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong) vào các khu tập trung, lập vành đai trắng, cắt đứt liên hệ giữa các vùng căn cứ kháng chiến với các khu tập trung dân.

Để phù hợp với tình hình mới, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh Bình Thuận phải có tổ chức và phương châm, phương thức hoạt động giữa hai vùng căn cứ kháng chiến và vùng bị địch tạm chiếm.



Bản đồ vùng căn cứ Khu Lê Hồng Phong từ năm 1950 đến năm 1975

1878

1879

1880

1881

1882

1883

1884

1885

1886

1887

1888

1889

1890

1891

1892

1893

1894

1895

1896

1897

1898

1899

1900

1901

1902

1903

1904

1905

1906

1907

1908

1909

1910

1911

1912

1913

1914

1915

1916

1917

1918

1919

1920

1921

1922

1923

1924

1925

1926

1927

1928

1929

1930

1931

1932

1933

1934

1935

1936

1937

1938

1939

1940

1941

1942

1943

1944

1945

1946

1947

1948

1949

1950

1951

1952

1953

1954

1955

1956

1957

1958

1959

1960

1961

1962

1963

1964

1965

1966

1967

1968

1969

1970

1971

1972

1973

1974

1975

1976

1977

1978

1979

1980

1981

1982

1983

1984

1985

1986

1987

1988

1989

1990

1991

1992

1993

1994

1995

1996

1997

1998

1999

2000

2001

2002

2003

2004

2005

2006

2007

2008

2009

2010

2011

2012

2013

2014

2015

2016

2017

2018

2019

2020

2021

2022

2023

2024

2025

2026

2027

2028

2029

2030

2031

2032

2033

2034

2035

2036

2037

2038

2039

2040

2041

2042

2043

2044

2045

2046

2047

2048

2049

2050

2051

2052

2053

2054

2055

2056

2057

2058

2059

2060

2061

2062

2063

2064

2065

2066

2067

2068

2069

2070

2071

2072

2073

2074

2075

2076

2077

2078

2079

2080

2081

2082

2083

2084

2085

2086

2087

2088

2089

2090

2091

2092

2093

2094

2095

2096

2097

2098

2099

2100

Trước yêu cầu của cuộc kháng chiến và khả năng cho phép, chấp hành sự chỉ đạo của Liên Khu ủy Khu V, cuối năm 1950 Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định thành lập Khu căn cứ Lê Hồng Phong (sau này nhân dân, cán bộ và chiến sỹ thường gọi Khu Lê Hồng Phong hoặc Khu Lê), gồm 4 xã: Hồng Trung (Bàu Thiêu, Thạnh An), Hồng Sơn (xã Dân Thạnh cũ), Hồng Hải (xã Quang Cảnh), Hồng Lâm (xã Hòa Thắng)⁽¹⁾. Khu căn cứ cách mạng Lê Hồng Phong là một đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh, do Ban Cán sự Đảng lãnh đạo.

Ban Cán sự Khu căn cứ Lê Hồng Phong ra đời chưa được bao lâu, theo yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới, cần phải phát triển khu căn cứ địa vững mạnh để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược. Tháng 4/1951, Tỉnh ủy chủ trương mở rộng Khu căn cứ Lê Hồng Phong bao gồm phần đất phía Đông huyện

(1) Năm 1950, xã Hòa Thắng được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã: Bình Hưng (có các thôn: Bình Nhơn, Bình Thiện, Hưng Long), Minh Hưng (Thái An, An Hòa, Thanh Sơn), xã Tân Bình (tức Lương Sơn được giải phóng) và thôn Cà Nôi - căn cứ của xã Minh Thắng.

Hàm Thuận và phía Nam huyện Bắc Bình ⁽¹⁾. Toàn Khu căn cứ được chia thành 11 xã, gồm các xã Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Sơn, Hồng Thịnh, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thái, Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Liêm, Hồng Thắng ⁽²⁾; đến năm 1952 đổi thành huyện Lê Hồng Phong. Tháng 5/1954, ta giải phóng một phần xã Lương Sơn (dân số

(1) Tháng 4/1951, tỉnh sáp nhập 3 huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong thành huyện Bắc Bình và giao xã Hòa Thắng cho Khu căn cứ Lê Hồng Phong.

(2) 11 xã gồm:

Xã Hồng Hải gồm các làng: Rạng, Láng Gòn, Trạm.

Xã Hồng Tiến gồm các làng: Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Ghe, Hòn Một.

Xã Hồng Sơn gồm các làng: Long Thạnh, Thạnh An, Trại Mấu.

Xã Hồng Thịnh gồm các làng: Giếng Đế, Triền, Bàu Tàn.

Xã Hồng Trung gồm các làng: Rừng Ô rô, Bàu Thiêu.

Xã Hồng Thanh gồm các làng: vùng rừng Ngang, Rừng Lớn, Hòn Rơm.

Xã Hồng Thái gồm các làng: Thái An, Dốc Găng, Trũng Lợi, Dốc Rế, Rừng Nhu.

Xã Hồng Lâm gồm các làng: Bàu Trắng, Hồ Đất, Xe Lương, Cây Sầm.

Xã Hồng Chính gồm các làng: Bình Thiện, Hòn Hồng, Gò Cà, Láng Chai.

Xã Hồng Liêm gồm các làng: Bàu Sen, Điểu, Đá Bàn, Bàu Chại.

Xã Hồng Thắng gồm các làng: Trũng Lòng Mang, Hưng Long.

khoảng 1.000 người) thành lập thêm xã thứ 12 là Hồng Tân⁽¹⁾.

Tháng 10/1954, thi hành Hiệp định Giơnevơ, ta thực hiện chuyển quân tập kết ra miền Bắc, nguy quyền miền Nam tiếp quản các xã căn cứ Lê Hồng Phong. Các xã phía Bắc Lê Hồng Phong, địch tổ chức thành 3 xã Bình Nhơn, Bình Thiện, Lương Sơn; còn 3 xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng địch tổ chức thành xã Nhơn Thiện. Các xã này trực thuộc quận Hoà Đa. Đồng thời, địch lập Nha Phái viên hành chánh Thiện Phú. Các xã phía Nam Lê Hồng Phong trực thuộc quận Hàm Thuận. Từ năm 1958 đến năm 1961, địch chia quận Hàm Thuận thành 3 quận: Hàm Thuận, Thiện Giáo, Hải Long; các xã căn cứ cũ của ta trực thuộc quận Hải Long.

Từ sau năm 1954, ta sắp xếp lại tổ chức, giao các xã phía Bắc Lê Hồng Phong như: Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Tân, Hồng Thái cho huyện Bắc Bình; các xã phía Nam Lê Hồng Phong gồm: Hồng Liêm, Hồng Sơn, Hồng Trung, Hồng Tiến, Hồng Thịnh, Hồng Hải, Hồng Thanh giao cho Ban Cán sự Miền A chỉ đạo.

(1) Có một số tài liệu thành văn và ý kiến của một số nhân chứng: Từ 1950 - 1954, gọi là Khu Lê Hồng Phong.

Năm 1962, Tỉnh chủ trương thành lập lại huyện Lê Hồng Phong. Huyện Lê Hồng Phong trong chống Mỹ bao gồm các xã do ta làm chủ và các xã địch tạm chiếm. Trong đó, các xã giải phóng như: Hồng Thắng, Hồng Chính, Hồng Lâm, Hồng Trung, Hồng Liêm, Hồng Sơn, Hồng Thanh, Hồng Thịnh; các xã tạm bị chiếm như: Phú Hải, Thạch Long, Khánh Thiện, Lương Sơn, Hồng Thái, Giồng thầy Ba (xã Thiện Nghiệp), Rạng, xóm Trạm, xóm Cháy (xã Thiện Khánh), Gộp (xã Long Phú).

Cuối năm 1966, Tỉnh ủy chủ trương giải thể huyện Lê Hồng Phong, cắt các xã Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Sơn, Hồng Liêm, Phú Hải, Thạch Long, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh, Long Phú giao cho Miền A, thành lập huyện Thuận Phong; các xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Tân (Lương Sơn) sáp nhập với các xã: Chợ Lầu, Liêm Bình, Phan Rí Cửa hình thành lại huyện Hòa Đa. Đến năm 1967, tách Duồng từ huyện Thuận Phong nhập vào huyện Hòa Đa.

Đầu năm 1974, huyện căn cứ Lê Hồng Phong được tái lập gồm các xã: Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng (lúc này xã Hồng Tân đã sáp nhập vào xã Hồng Thắng), Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Sơn, Hồng Liêm.

Đến cuối năm 1974, Tỉnh ủy một lần nữa quyết định giải thể huyện căn cứ Lê Hồng Phong, giao các xã căn cứ Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh cho huyện Thuận Phong (tháng 10/1975, huyện Thuận Phong sáp nhập vào huyện Hàm Thuận) và các xã Hồng Lâm, Hồng Thắng, Hồng Chính giao cho huyện Hòa Đa⁽¹⁾.

2. Đặc điểm tự nhiên, xã hội khu căn cứ Lê Hồng Phong.

Về vị trí, địa hình, Khu Lê Hồng Phong là căn cứ địa của tỉnh Bình Thuận và Cực Nam Trung bộ trong kháng chiến chống Pháp, là khu căn cứ lẫm của hai huyện Hòa Đa, Thuận Phong trong kháng chiến chống Mỹ, nằm trên địa bàn hai huyện Hòa Đa và Hàm Thuận, có diện tích trên 600 km. Phía Đông Nam giáp biển; Tây Bắc là đường quốc lộ 1A (từ Phú Long đến Phan Rí Thành dài 60 km) và Tây Nam giáp thị xã Phan Thiết (nay là thành phố Phan

(1) Sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng (1975), ta tiến hành hợp nhất các xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng thành xã Hòa Thắng; các xã Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh thành xã Hồng Phong. Năm 1976, sáp nhập huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong thành huyện Bắc Bình. Đến tháng 6/1983, Hội đồng Bộ trưởng quyết định thành tách huyện Bắc Bình thành 2 huyện: Tuy Phong và Bắc Bình, đồng thời tách xã Hồng Phong của huyện Hàm Thuận giao cho huyện Bắc Bình.

Thiết). Khu Lê Hồng Phong có bờ biển dài 65km, chạy từ vùng Giếng Nước thuộc làng Phú Hải (nay là xã Hòa Phú - huyện Tuy Phong) đến đá Ông Địa thuộc làng Phú Hải (nay là phường Phú Hải - thành phố Phan Thiết).

Khu căn cứ Lê Hồng Phong phần nhiều là vùng đồi cát, có những khu rừng rậm, nối liền nhau khá rộng với nhiều cây tạp, chiếm phần lớn là cây ô rô, loại cây gai chằng chịt, lợi thế trong việc bố phòng xây dựng căn cứ kháng chiến. Xưa kia, ở đây có nhiều gỗ quý như: giáng hương, sến, gõ, dầu và nhiều cây ăn quả như: nhãn, xay, sâm, ma dương... Có loại cây găng, gũ, thân cây thường có bọng giữ được nước trong mùa mưa, đã giúp cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào có nước sử dụng trong những lúc địch càn quét vào căn cứ. Động vật xưa kia có voi, gấu, nai, heo rừng, cá sấu, thỏ, đò, chồn, nhím, công, gà rừng...; cọp tuy không nhiều, nhưng là mối đe dọa cho cán bộ, chiến sĩ cách mạng và đồng bào ở vùng căn cứ. Đặc biệt, tại các động cát có con dông⁽¹⁾ được sử dụng làm thức ăn, là "kho thực phẩm" của đồng bào và chiến sĩ sống ở căn cứ Khu Lê.

(1) Dông là động vật bò sát mang tên khoa học *Crotaphytus*, thuộc họ cùng kỳ đà, cóc kék, kỳ nhông, thường sống trong hang cát.

Núi ở căn cứ Khu Lê Hồng Phong không cao, nằm lẻ trên các địa bàn, như: núi Tà Dôn (xã Hàm Đức), núi Rễ, núi Ách (xã Hồng Liêm) nằm sát quốc lộ 1A, núi Bầu Thiêu (xã Hồng Phong), núi Bầu Đế, núi Đá Bàn ở trung tâm căn cứ và Hòn Hồng, Hòn Nghê, Hòn Rơm là những núi nhỏ nằm sát biển, có địa thế thuận lợi cho bộ đội và dân quân du kích quan sát, bố phòng đánh địch khi chúng càn quét.

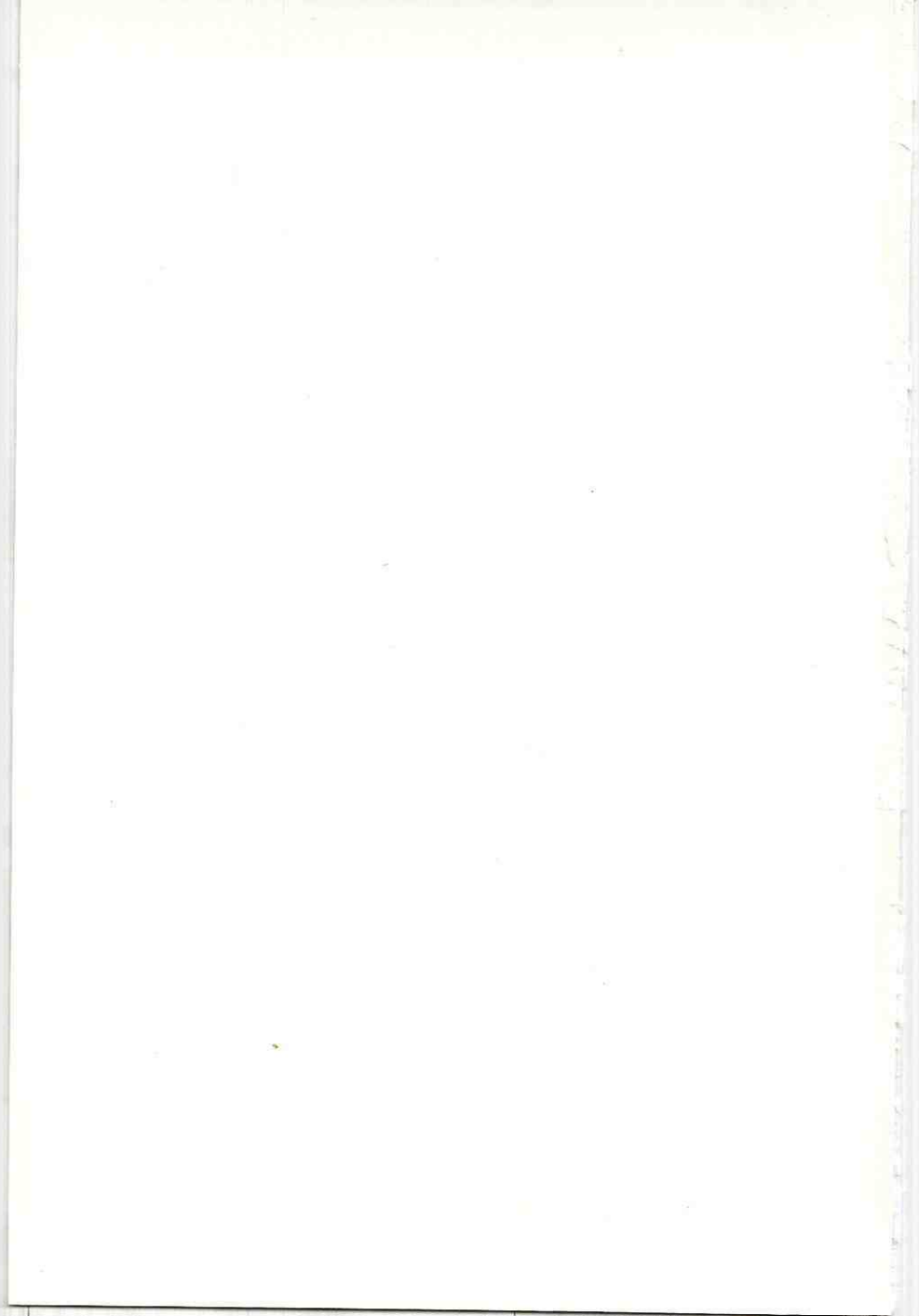
Căn cứ Khu Lê Hồng Phong không có sông ngòi, chỉ có những bầu nước ngọt như: Bầu Trắng (còn gọi là bầu Ông, bầu Bà) rộng 92,52 ha, nơi sâu nhất là 19m; Bầu Thiêu, Bầu Đế, tuy ít nước, có lúc khô cạn, nhưng là nơi cung cấp nước cho các cơ quan kháng chiến và nhân dân sinh sống bám trụ tại căn cứ. Ngoài ra còn có Bầu Tàn, Bầu Me, Bầu Sen và nhiều giếng nước như: Giếng Triền, Giếng Đế, Giếng Chanh, Giếng Hy, Giếng Luyện... cũng là nơi cung cấp nước cho nhân dân, bộ đội trong sinh hoạt và sản xuất. Trong đó, nước Bầu Trắng được ví như "bầu sữa mẹ" vô tận, nuôi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã từng sống và chiến đấu trên vùng đất Khu Lê đầy gian nan và thử thách.

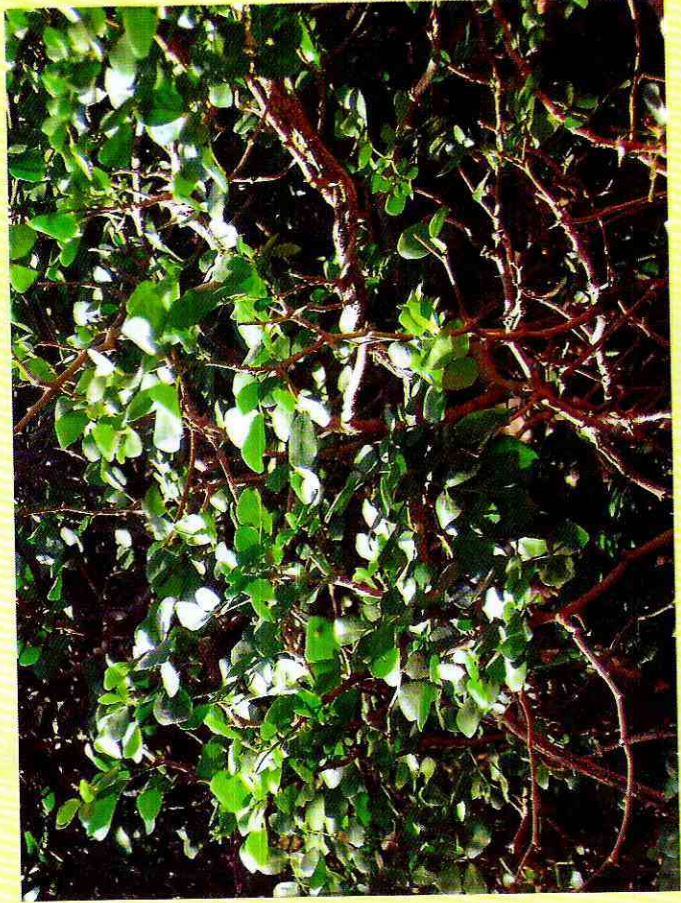
Về kinh tế, Khu Lê là vùng đất cát, đất rẫy, ngoài ra có một ít ruộng làm lúa một vụ (ở Bầu Me), một vài nơi có mạch nước nhả trồng lúa hai vụ (ở

Hồng Sơn, Hưng Long - Hồng Thắng). Do đó, đồng bào Khu Lê sống chủ yếu bằng nghề làm rẫy sản xuất hoa màu, với các loại cây dưa lầy hạt, đậu, mè, mì, lang. Các làng dân cư ven biển vừa làm rẫy, vừa làm biển, làm nước mắm. Dọc bờ biển có nhiều cá, nhất là cá mè, là nơi cung cấp thức ăn cho toàn căn cứ.

Về dân cư, trước thế kỷ 17, vùng đất Khu Lê còn hoang vu. Từ sau thế kỷ 17, nhân dân các tỉnh miền Trung (từ Nghệ An trở vào) trong những đợt "di dân" do Chúa Nguyễn chủ trương và những người chạy lánh nạn chiến tranh, những người yêu nước bị truy bức... họ vào đây khai khẩn đất hoang, dần dần hình thành nên làng, xã. Trước Cách mạng Tháng 8/1945, vùng đất Khu Lê có các làng: Bình Nhơn, Bình Thiện, Long Hưng, Hưng Nhơn (sống bằng nghề làm rẫy, đánh cá) Long Sơn, Thạch Long, Khánh Thiện, Thiện Khánh (sống bằng nghề đánh cá, làm nước mắm, làm rẫy), Long Thạnh, Thạnh An, Ngọc Sơn, Thái An, An Hòa, Thanh Sơn (sống bằng nghề làm ruộng, rẫy) và làng Thiện Nghiệp (ở hướng Nam).

Người dân căn cứ Khu Lê vốn giàu lòng yêu nước, có ý chí chiến đấu kiên cường bất khuất, cần cù lao động, đùm bọc, giúp đỡ nhau khi hoạn nạn khó khăn.





Nhân dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong dùng cây ô rô
bổ phòng và nguy trang nơi ở trong kháng chiến.

Về tôn giáo, nhân dân Khu Lê lấy việc thờ cúng cha mẹ tổ tiên làm trọng, chỉ có khoảng 10-15% dân số theo đạo Phật nhưng chủ yếu tu tại gia, một số ít theo đạo Thiên chúa, Cao đài... Trước cách mạng tháng 8/1945, các làng nơi đây đều có miếu thờ Thành Hoàng (còn gọi là Tiền Hiền), một số nơi có chùa thờ Phật như ở Bình Thiện, Thái An, Thiện Nghiệp, Thiện Khánh. Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ các đền, chùa, miếu bị chiến tranh tàn phá, có nơi bị phá sập không còn dấu vết. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhân dân theo đạo Phật xây dựng lại một ngôi chùa ở xã Hòa Thắng.

Về văn hóa, giáo dục, trước Cách mạng tháng 8/1945, do điều kiện kinh tế khó khăn và bị chính sách kìm hãm của thực dân Pháp, việc học hành của nhân dân Khu Lê rất hạn chế. Ở một số xã có trường học, nhưng với số lượng học sinh rất ít ỏi; số người có bằng Primaire (tốt nghiệp tiểu học) chỉ đếm trên đầu ngón tay; có đến 80% nhân dân còn mù chữ. Sau Cách mạng tháng 8/1945, thực hiện chủ trương "diệt giặc dốt" của Chính phủ, nhân dân hăng hái tham gia phong trào bình dân học vụ, học chữ quốc ngữ, nhờ đó mà trình độ văn hóa được nâng lên. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ta mở một số trường ở các xã căn cứ để dạy học cho con em. Từ năm 1951-

1953, mở Trường trung học bình dân (như cấp trung học cơ sở sau này) ở xã Hồng Sơn, Trường Văn Chính ở Dốc Rẽ (xã Hồng Thái) để đào tạo cán bộ, phục vụ nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mặc dù trong điều kiện chiến tranh ác liệt, nhưng các xã căn cứ vẫn thường xuyên duy trì các lớp bậc tiểu học và các lớp bổ túc văn hóa dạy học cho cán bộ, con em nhân dân vùng căn cứ.

Về giao thông, trước Cách mạng Tháng 8/1945, việc đi lại ở Khu Lê rất khó khăn, chủ yếu là đi bộ theo đường xe trâu, xe bò, đường mòn để giao lưu, mua bán giữa đồng bào các vùng Phan Rí, Lương Sơn, Chợ Lầu, Mũi Né, Dân Thạnh, Xa Ra, Tuy Hòa...⁽¹⁾.

(1) Theo bút tích của cụ Nguyễn Thông viết về Hồ Trảng (tức Bàu Trảng) năm Quý Tuất 1876, ở vùng Khu Lê lúc bấy giờ đã có đường cái quan từ trong Nam ra triều đình Huế. Ở thôn Vĩnh Phú huyện Hòa Đa có trạm Thuận Phú, cách Tỉnh thành (Thuận Thành trấn đóng ở xã Chợ Lầu) 335 trượng. Ở thôn Bình Nhơn có trạm Thuận Động cách trạm Vĩnh Phú 36 dặm về phía Tây Nam, cách Tỉnh thành (Thuận Thành trấn) 6.207 trượng 5 thước. Ở thôn Long Sơn (nay là phường Mũi Né) có trạm Thuận Cương, cách trạm Thuận Động 31 dặm về phía Đông. Ngoài ra ở vùng Bình Nhơn còn có đường xe lương chở lương thực từ Rẫy Mới, Tân Phú đến Bàu Trảng, ra bãi Vũng Môn để đưa lên ghe bầu chở ra kinh đô Huế. Đường xe lương là một con đường đất được phát (chặt) cây rộng xuyên qua rừng, dùng cho xe trâu, xe bò chở lương thực.

Về đường thủy, bắt đầu hình thành sự giao lưu của một số ghe buôn, ghe đón, ghe lựa ⁽¹⁾ từ Phan Thiết, Phan Rí, Mũi Né và các nơi đến biển Bình Thiện mua cá, vận chuyển nông sản. Các ghe lựa từ Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên vào mua cá mòi muối mắm, mua bông xơ về dệt vải và ghe từ Gò Công đến buôn bán gạo ở vùng này. Vào những năm 1950-1953, tỉnh Bình Thuận đã tổ chức đơn vị hàng hải ở Hòa Thắng, dùng ghe (thuyền) chở vũ khí, lương thực, quân trang từ Liên khu V về vùng căn cứ Lê Hồng Phong.

Về thương mại, việc giao lưu buôn bán giữa vùng kháng chiến với vùng địch hậu được thuận lợi. Trong kháng chiến chống Pháp, ở căn cứ khu Lê Hồng Phong đã hình thành các chợ kháng chiến như: chợ Cây Xay (xã Hàm Nhơn), Bàu Thiêu (xã Hồng Trung), Dân Thạnh (xã Hồng Sơn), Tân Bình (xã Lương Sơn), Trại Mấu... Những sản phẩm sản xuất được trong căn cứ như đậu, mè, hạt dưa, cá, mắm... nhân dân đem ra chợ để đổi gạo và các nhu

(1) Ghe lựa: loại thuyền lớn có chõ được dụng cụ muối cá, làm mắm. Ghe đón: loại thuyền lớn có trọng tải từ 5 - 10 tấn từ các nơi đến chờ trên vùng biển Bình Thiện để mua cá.

yếu phẩm cần thiết cho cuộc sống được đưa ra từ vùng tạm bị chiếm. Ở Hồng Trung - trung tâm Khu Lê lúc bấy giờ như một thị tứ, kinh doanh buôn bán các mặt hàng phục vụ nhu cầu của nhân dân, có tiệm vàng, lò làm bánh mỳ, quán hủ tiếu, tiệm hớt tóc, lò rèn... Chợ kháng chiến là nơi trao đổi mua bán và cũng là nơi gặp gỡ giữa gia đình với những người thoát ly tham gia kháng chiến. Thông qua đó, ta liên lạc, nắm tình hình địch, tuyên truyền giác ngộ cách mạng cho đồng bào vùng tạm bị chiếm.

Căn cứ khu Lê Hồng Phong là địa bàn vững chắc bảo đảm an toàn cho các cơ quan lãnh đạo tỉnh Bình Thuận, Ban Cán sự Cục Nam Trung bộ trong kháng chiến chống Pháp và là căn cứ địa của 2 huyện Hòa Đa, Thuận Phong trong kháng chiến chống Mỹ; đồng thời là nơi cung cấp nhân tài, vật lực cho cách mạng.

II. CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC.

1. Căn cứ Khu Lê Hồng Phong - địa bàn đứng chân các cơ quan lãnh đạo kháng chiến.

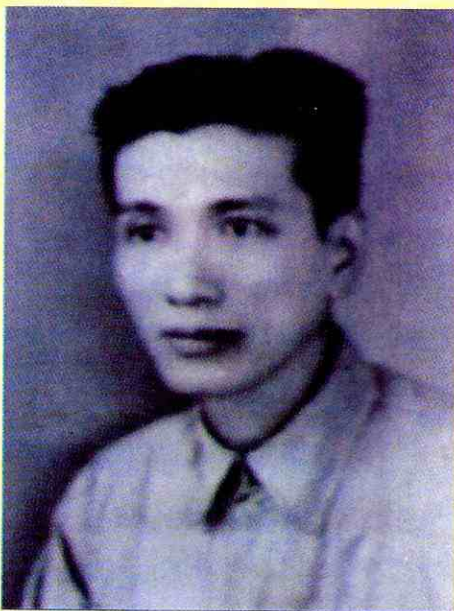
Sau khi tái chiếm Nam bộ, thực dân Pháp mở rộng xâm lược ra các tỉnh Cực Nam Trung bộ. Ngày 30/01/1946, địch từ Ninh Thuận tiến vào đánh chiếm các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý; đến ngày 31/01 chúng đánh chiếm thị xã Phan Thiết. Sau đó, chúng tiếp tục mở những cuộc hành quân đánh chiếm huyện Hàm Thuận, Hàm Tân và Tánh Linh. Đánh chiếm đến đâu, chúng đóng đồn bót và xây dựng chính quyền tay sai đến đó, nhất là tại các thị trấn, quận lỵ, đầu mối giao thông, các khu vực đông dân cư, tạo thành một hệ thống kiểm soát liên hoàn. Để uy hiếp tinh thần của nhân dân, đi đến đâu chúng cũng đốt phá, bắn giết rất dã man.

Trước tình hình đó, ta một mặt triển khai lực lượng đánh địch, mặt khác chủ động sơ tán cơ quan và nhân dân đến những nơi an toàn. Các cơ quan lãnh đạo Tỉnh, huyện Hàm Thuận lần lượt chuyển dời lên Rẫy Nổ, Rừng Già thuộc xã Đồng Tiến (nay là xã Hàm Chính). Sau đó chuyển qua Trại Máu thuộc xã Dân Thạnh (nay là xã Hồng Sơn). Khi thực dân Pháp phản bội Hiệp ước 6/3⁽¹⁾, các cơ quan của tỉnh

(1) Để có thời gian chuẩn bị kháng chiến; ngày 6/3/1946 ta ký với Pháp một Hiệp định phân chia 2 vùng ta và địch, gọi là Hiệp ước 6/3.

rút sâu vào vùng Bàu Thiêu, Ô Rô xây dựng thế đứng chân, lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Ban Chỉ huy Chi đội 1 giải phóng quân (đến giữa năm 1946 là Ban Chỉ huy Trung đoàn 82 và từ năm 1950, Ban Chỉ huy Trung đoàn 812), cùng các đơn vị trực thuộc đều đóng quân tại các khu rừng Ô Rô, Hố Đất, Chai Hào, Bình Thiện và các làng như Tuyền Hòa, Xa Ra, Dân Thạnh, Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Trắng, Thái An, Tân Bình để luyện quân, chuẩn bị chiến đấu chống càn bảo vệ căn cứ. Đồng thời, các cơ quan tỉnh Lâm Đồng sau khi bị Pháp đánh chiếm đầu năm 1946, cũng rút xuống đóng ở rừng Điều, Đá Bàn (xã Hồng Liêm ngày nay) để củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng.

Như vậy, ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (năm 1946), trong khu rừng cát Ô Rô (vùng Đông Bắc huyện Hàm Thuận) đã hình thành một địa bàn đứng chân của các cơ quan lãnh đạo tỉnh, huyện và lực lượng vũ trang. Bên cạnh căn cứ của tỉnh, của huyện, các xã vùng này cũng xây dựng căn cứ trong rừng để nhân dân tránh lánh mỗi khi địch càn đến. Trong căn cứ, ta tổ chức bố phòng canh gác, đào hầm hào trú ẩn; vùng



Đồng chí Đỗ Đơn Thơ,
Bí thư Ban Cán sự Đảng căn cứ Khu Lê Hồng Phong
từ 1950 - 1951.



giáp ranh khu căn cứ ta tổ chức gác bù trên cây cao để báo động khi giặc càn tới ⁽¹⁾. Căn cứ Thái An - nơi đứng chân của huyện Hòa Đa, ngoài dựng bù còn có báo động bằng mõ. Khi tiếng mõ Thái An vang lên báo tin địch tới, người và trâu, bò đều lánh vào rừng, dân quân du kích tổ chức chuẩn bị đánh địch. Tiếng mõ Thái An làm cho quân thù nhiều phen khiếp sợ.

Nhờ có căn cứ, lực lượng cách mạng, tính mạng và tài sản nhân dân được bảo tồn. Các cơ quan lãnh đạo, lực lượng vũ trang của ta có địa bàn đứng chân để ổn định tổ chức, triển khai các hoạt động kháng chiến. Cuộc kháng chiến ngày càng trở nên ác liệt, việc xây dựng một căn cứ vững chắc trở thành yêu cầu cấp bách. Được sự chỉ đạo của Ban Cán sự Cục Nam, tại Hội nghị cán bộ tỉnh cuối năm 1950, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định lấy các vùng tự do an toàn của huyện Hàm Thuận và Hòa Đa thành lập Khu căn cứ đặt tên là Lê Hồng Phong, gồm 4 xã: Hồng Sơn,

(1) Trên các ngọn cây cao ven làng hoặc cánh đồng, ta tổ chức cho tự vệ dựng các cây. Khi địch đến, ta hạ cây xuống, nhân dân biết địch đi càn quét để tránh lánh.

Hồng Trung, Hồng Hải ⁽¹⁾, Hồng Lâm. Ban Cán sự Khu căn cứ do đồng chí Đỗ Đơn Thơ làm Bí thư, kiêm Chủ tịch; đồng chí Phạm Đình Hòe - Phó Bí thư kiêm Phó Chủ tịch; đồng chí An và Bé - Ủy viên Ban Cán sự phụ trách Quân sự.

Khu căn cứ Lê Hồng Phong lúc này có nhiệm vụ xây dựng các xã thành vành đai du kích vững mạnh, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, dân quân du kích, làng chiến đấu; phòng chống, đánh địch bảo vệ tài sản và tính mạng cho nhân dân và các cơ quan lãnh đạo của tỉnh; đẩy mạnh sản xuất, tổ chức các chợ kháng chiến để trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế vùng ta; củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể; phát triển văn hóa - văn nghệ; phát triển đảng viên, củng cố chi bộ Đảng để lãnh đạo, thực hiện tốt nhiệm vụ tỉnh giao.

Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược, chủ trương của trên là cần phải xây dựng khu căn cứ địa vững mạnh. Tháng 4/1951, Tỉnh ủy Bình Thuận

(1) Năm 1951, xã Hồng Hải tách ra thành 3 xã nhỏ: Hồng Thịnh, Hồng Tiến, Hồng Hải.

sáp nhập các huyện Phan Lý, Tuy Phong, Hòa Đa thành huyện Bắc Bình; cắt Hòa Thắng là xã căn cứ phía Nam của huyện Bắc Bình (Hòa Đa cũ) và các xã phía Đông huyện Hàm Thuận mở rộng khu căn cứ Lê Hồng Phong có 11 xã. Năm 1952, hình thành huyện Lê Hồng Phong với khoảng 16.300 dân, diện tích trên 600km. Đến tháng 5/1954, ta thành lập thêm xã Hồng Tân (tức Bình Tân) là vùng mới được giải phóng, đưa dân số Khu căn cứ Lê Hồng Phong lên trên 18.000 người ⁽¹⁾.

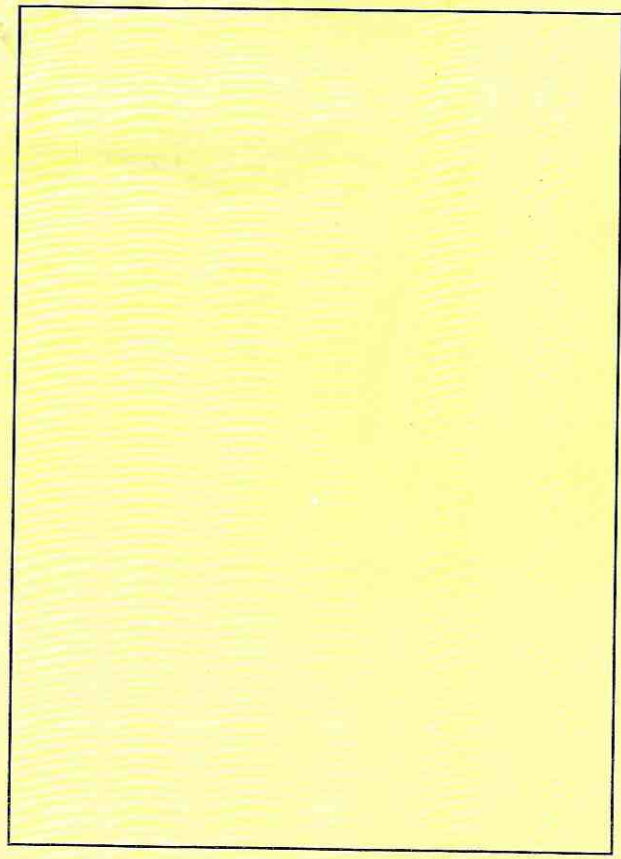
Từ khi Khu căn cứ được mở rộng, Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung thêm cán bộ, hình thành Ban Cán sự Đảng, Ủy ban Kháng - Hành (tức là Ủy ban Kháng chiến Hành chánh), Mặt trận Liên Việt, các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nông hội và quân sự... Đồng chí Đỗ Khắc Kính - Tỉnh ủy viên làm Bí thư; đồng chí Lê Thanh Hải (Mười Râu) - Phó Bí thư; đồng chí Lê Khả - Thường trực Đảng, kiêm Chánh Văn phòng; đồng chí Đỗ Đơn Thơ làm Chủ tịch Ủy ban Kháng - Hành (năm 1953, đồng chí Thơ chuyển đi nơi khác,

(1) Theo Báo cáo tổng quát (trả lời điện số 545/60) của tỉnh Bình Thuận, ký hiệu IIĐa18, Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.

đồng chí Lê Thanh Hải kiêm Chủ tịch); đồng chí Nguyễn Văn Vũ làm Phó Chủ tịch (được một thời gian ngắn, vì bị bệnh); đồng chí Phạm Đình Hòe làm Ủy viên Thư ký kiêm Thường trực Ủy ban. Đồng chí Quang Ngọc Vĩnh - phụ trách Kinh tế Tài chính. Phòng Thông tin - Giáo dục do đồng chí Nguyễn Phúc Dưỡng phụ trách.

Về các đoàn thể, đồng chí Trần Đại Chính (Giáo Nghi) làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt, đồng chí Huỳnh Ngọc Chúc làm Phó Chủ tịch. Hội Phụ nữ do đồng chí Nguyễn Thị Hồng Sơn làm Hội trưởng. Nông dân do đồng chí Hồ Đức Hậu làm Hội trưởng. Thanh niên lúc đầu do đồng chí Nguyễn Thanh Nhàn làm Bí thư, đến tháng 9/1953 đồng chí Nhàn hy sinh, đồng chí Phan Văn Tôn - Thường trực Tỉnh đoàn kiêm Bí thư Huyện đoàn ⁽¹⁾. Đồng chí Phạm Vĩnh làm Huyện Đội trưởng, sau đó đồng chí Vĩnh được rút lên làm Phó Chủ tịch Ủy ban, đồng chí Nguyễn Hữu Thân thay làm Huyện Đội trưởng; đồng chí Lê Quang Dự làm Huyện Đội phó. Bộ đội địa phương có

(1) Theo đồng chí Lê Khả, đồng chí Trung là ủy viên Ban cán sự phụ trách thanh niên



Đồng chí Đỗ Khắc Kính - Tỉnh ủy viên,
Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong
từ 1952 - 1954.



1 đại đội (C218), do đồng chí Lê Quang Dự làm Đại Đội trưởng; khi đồng chí Dự lên làm Huyện Đội phó đồng chí Lê Trọng Vĩnh thay làm Đại Đội trưởng. Công an huyện do đồng chí Tánh phụ trách.

Cơ quan Huyện ủy và Ủy ban Kháng - Hành, Mặt trận Liên Việt đóng tại rừng Tre Huê, gần Bàu Thiêu.

Cùng với việc hình thành bộ máy lãnh đạo cấp huyện, bộ máy lãnh đạo các xã cũng được củng cố. Xã Hồng Trung do đồng chí Phạm Đình Hòe làm Bí thư, đến 1952 đồng chí Bùi Minh Huệ thay làm Bí thư, sau đó đồng chí Mạnh Trình thay làm Bí thư. Xã Hồng Liêm (tách ra từ xã Hồng Trung) do đồng chí Bùi Minh Huệ làm Bí thư. Xã Hồng Sơn do đồng chí Nguyễn Thanh Cần làm Bí thư, sau đó đồng chí Nguyễn Vĩnh Lại (Bảy Lại) làm Bí thư. Xã Hồng Thịnh (tách ra từ xã Hồng Hải) do đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm Bí thư, sau đồng chí Võ Tấn Cương thay làm Bí thư. Xã Hồng Hải do đồng chí Nguyễn Thạch làm Bí thư, sau đó đồng chí Hồ Đức Hậu thay. Xã Hồng Tiến (tách ra từ xã Hồng Hải) do đồng chí Nguyễn Thanh Hoa làm Bí thư. Xã Hồng Thanh do đồng chí Mười Đăng làm Bí thư, sau đồng chí Hồng

Lợi thay làm Bí thư. Xã Hồng Chính (Bình Thiện) do đồng chí Mãn Tấn Hưng làm Bí thư, sau đó đồng chí Lục Văn Tú thay. Xã Hồng Lâm (Bình Nhơn) do đồng chí Lê Dũ làm Bí thư. Xã Hồng Thái do đồng chí Đinh Huy Hoán làm Bí thư, đồng chí Đinh Hoài Văn làm Chủ tịch, đến giữa năm 1953 đồng chí Đinh Hoài Văn làm Bí thư, đồng chí Đinh Đức Phú làm Chủ tịch. Xã Hồng Tân (thành lập tháng 5/1954) do đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh làm Bí thư.

Mỗi xã đều thành lập một chi bộ, mỗi thôn đều có phân chi bộ. Các xã đều có ủy ban kháng - hành. Mặt trận Liên Việt có các đoàn thể thành viên là: Nông dân, phụ nữ, thanh niên và hội mẹ chiến sĩ. Mỗi xã có ban chỉ huy xã đội (gồm xã đội trưởng, 1 đến 2 xã đội phó, chính trị viên, văn thư) và từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội du kích tập trung. Ngoài ra, mỗi thôn còn có dân quân và dân quân gương mẫu.

Khi mở rộng, huyện Lê Hồng Phong có thêm nhiệm vụ là: "Giữ vững và mở rộng vùng căn cứ, phát triển chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu, bảo vệ các cơ quan, lãnh đạo của trên; tăng gia sản xuất, thực hiện nghĩa vụ thuế nông nghiệp;



Vùng Tre Huê (xã Hồng Thịnh), là nơi đóng
cơ quan huyện Lê Hồng Phong trong kháng chiến.



phong trào xây dựng đời sống mới, xây dựng cuộc sống tinh thần vui tươi lành mạnh, lần lượt thu hút dân vùng tạm bị chiếm ra và ở lại vùng kháng chiến, huy động lực lượng dân công phục vụ chiến trường".

Từ năm 1950, căn cứ khu Lê Hồng Phong có vị trí hết sức quan trọng, vừa là nơi đứng chân của các cơ quan tỉnh Bình Thuận, vừa là nơi đóng cơ quan Ban Cán sự Cục Nam Trung bộ (gọi tắt là Ban Cán sự Cục Nam) để chỉ đạo phong trào kháng chiến các tỉnh Cục Nam Trung bộ. Các cơ quan của tỉnh và Cục Nam lúc đầu đóng tại rừng Ô rô. Từ giữa năm 1952 cho đến ngày thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, các cơ quan của tỉnh đóng trải dài từ Triền lên Trại Mấu dài 5 đến 7km. Tỉnh ủy, Mặt trận, Nhà in Hồ Quang Cảnh đóng ở Cóc Chua, Ủy ban Kháng - Hành tỉnh, cơ quan Thông tin... đóng ở Triền, rừng Ô rô; Tỉnh đội đóng ở Rừng Lớn (xã Hồng Thanh); Ban Chỉ huy Trung đoàn 812 đóng tại Hồ Đất (xã Hồng Lâm); Công Binh xưởng tỉnh và Trung đoàn 812 đóng tại rừng Điều (năm 1951 chuyển vào Bình Châu - Hàm Tân); Bệnh viện Trung đoàn 812 đóng ở Rừng Chai (xã Hồng Chính); Ty Tiếp tế tỉnh đóng ở Trại Mấu (xã Hồng Sơn);

Ban Cán sự Cục Nam đóng tại Trũng Thị, Gò Cà, sau dời qua Núi Nhỏ, Bàu Thiêu gần Tre Huê (xã Hồng Trung).

Cơ quan Huyện ủy, Huyện đội, Ủy ban Kháng - Hành huyện Hòa Đa và huyện Bắc Bình (được thành lập từ tháng 4/1951) đóng ở các địa điểm như: Thái An, Dốc Găng, dốc Đồn Gánh, giồng Cây Mít, Trũng Lợi...

Từ năm 1946 đến đầu năm 1950, cơ quan tỉnh Lâm Đồng cũng về đứng chân tại Luyện, Trũng Tây (thuộc xã Lương Sơn ngày nay) để chỉ đạo phong trào kháng chiến tỉnh Lâm Đồng. Từ năm 1950, Khu Lê cũng là nơi cán bộ, chiến sĩ tỉnh Ninh Thuận vào nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe để trở về địa phương chiến đấu và công tác.

Căn cứ Lê Hồng Phong không chỉ là bàn đạp đứng chân vững chắc của các cơ quan lãnh đạo, mà còn là một địa bàn giao tiếp trên trục giao liên chiến lược Bắc - Nam của ta. Trên biển có Trạm Trũng Lòng Mang (ở Hòa Thắng) và đường giao liên trên bộ có các trạm dừng chân cho các đoàn cán bộ Trung ương vào Nam bộ hoặc các đoàn cán bộ Nam bộ ra Trung ương trên lộ trình này.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân dân căn cứ Lê Hồng Phong không những bảo vệ an toàn cho các cơ quan lãnh đạo Cục Nam Trung bộ, của tỉnh Bình Thuận, các lực lượng huyện Hòa Đa, Bắc Bình, mà còn bảo đảm an toàn, thông suốt trục đường giao thông chiến lược của Trung ương, chống được sự chia cắt, cô lập của địch, tạo thành thế liên hoàn nối Nam Trung bộ với Đông Nam bộ trong kháng chiến.

Ngoài ra, căn cứ Lê Hồng Phong còn là bàn đạp, là nơi đứng chân của các lực lượng vũ trang vừa chiến đấu diệt địch bảo vệ căn cứ, vừa tấn công ra phía trước nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng dân, mở rộng vùng căn cứ. Các lực lượng vũ trang bám trụ trên địa bàn căn cứ Lê Hồng Phong đã biết dựa vào lợi thế của thiên nhiên và sự đùm bọc của nhân dân, lập nhiều chiến công xuất sắc trong kháng chiến.

Để ngăn chặn sự đánh phá của địch, ta phát động phong trào du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu, với khẩu hiệu "một người dân là một người lính", dùng hầm chông cạm bẫy để bố phòng;

tổ chức dân quân du kích thôn, xã vót chông bố phòng thành tuyến. Nhà nhà đều có hầm, chuẩn bị nơi cất giấu tài sản, lương thực. Mỗi nhà đều làm một kho dự trữ thức ăn, nước uống, phòng khi địch lùng bắt cần quét dài ngày. Từng xã, từng thôn đều có kế hoạch chuẩn bị nơi sơ tán cho đồng bào (các cụ phụ lão già yếu, phụ nữ có mang và các cháu nhỏ) để tránh lánh địch. Dọc các đường đi chính trong Khu căn cứ và ngoài các ruộng rẫy đều có hầm núp máy bay, hầm chống pháo, chống tăng. Phong trào canh gác, phòng gian bảo mật căn cứ được tổ chức rất chặt chẽ; cán bộ, nhân viên cơ quan được học tập phòng gian bảo mật, các đường vào căn cứ sau khi đi qua không để lối mòn cũ, ban đêm thắp đèn phải che lại. Trên các tuyến đường vào căn cứ, ban đêm du kích bố trí gài mìn, lựu đạn; ban ngày tổ chức những trạm gác ở các đỉnh núi cao, các cây cao để báo động, báo an cho đồng bào và các cơ quan biết mà tránh lánh, cho du kích và bộ đội biết để tổ chức chặn đánh địch. Nhờ làm tốt công tác bảo mật, phòng gian nên bọn Việt gian chỉ điếm trà trộn vào căn cứ thường bị nhân dân phát hiện kịp thời, các cơ quan lãnh đạo được bảo vệ an toàn.



Vọng gác bù (Dốc cây bù, nay thuộc xã Hồng Phong),
là nơi nhân dân dựng bù để báo hiệu khi có địch đi càn.

1862

1862

1862

1862

1862

1862

1862

1862

1862

1862

1862

Đất cằn cứ nhiều nơi không sản xuất được lúa gạo, đồng bào sống chủ yếu bằng củ mì, củ lang, bắp, đậu, dưa, cuộc sống nhiều khó khăn thiếu thốn. Nhưng, nghĩa vụ đóng góp cho kháng chiến để nuôi bộ đội, cơ quan đóng trên địa bàn không thể thiếu, tuy không có quy định, định mức, nhưng người dân với cả tấm lòng, họ đã hăng hái đóng góp cho Đảng, cho cách mạng. Hũ gạo nuôi quân, rẫy mì kháng chiến nhà nào, làng nào cũng có. Tình đoàn kết của nhân dân với cán bộ, bộ đội như cá với nước; Đảng với dân đồng cam cộng khổ, chén cơm sẻ nửa, hạt muối chia đôi, ăn khoai để nhường cơm, nhường gạo cho bộ đội, dân quân du kích và cán bộ đi công tác, chiến đấu. Tình đoàn kết giữa nhân dân với cán bộ, với Đảng vô cùng gắn bó, đùm bọc, thương yêu như ruột thịt của mình. Đoàn thể vận động nuôi thương binh thì nhà nhà đều hưởng ứng. Các cơ quan của tỉnh khi cần cất nhà, làm trụ sở, hội trường thì các cụ phụ lão, thanh niên nhiệt tình tham gia không tính ngày, tính tháng. Khi điều động dân công đi phục vụ chiến trường, đánh đồn, diệt cứ điểm, chỉ tiêu đề ra không thiếu một người. Các cháu thiếu niên tham gia làm liên lạc, báo tin địch đi lùg để cán bộ, nhân dân phòng tránh. Khi địch rút, các cháu lần theo dấu vết lượm về từng viên đạn, trái lựu đạn giao nộp cho dân

quân du kích. Khi phát động phong trào du kích chiến tranh, nhà nhà, người người trong căn cứ đều tham gia vót chông, đào hầm, bố phòng chống địch, bảo vệ an toàn cho căn cứ.

2. Nhân dân căn cứ Lê Hồng Phong tích cực tham gia kháng chiến, hình thành thế trận nhân dân du kích chiến tranh, góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Ngay sau khi tái chiếm Bình Thuận, thực dân Pháp biết vùng Triền, Ô rô là nơi đóng cơ quan lãnh đạo, các lực lượng kháng chiến tỉnh, nên chúng tập trung sức đánh phá ác liệt bằng mọi lực lượng, với mọi thủ đoạn. Những năm đầu, địch mở nhiều đợt càn quét bằng lực lượng bộ binh, có phi pháo yểm trợ; nhiều trận đột kích với lực lượng nhỏ, bí mật thọc sâu vào trung tâm căn cứ; phục kích tại các nơi có nước như: Bàu Trắng, Bàu Thiêu, Triền, Bàu Đế... Kết hợp với hoạt động gián điệp, sử dụng bọn đầu hàng phản bội đột kích vào cơ quan để giết hại cán bộ, gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất. Từ năm 1951 đến năm 1954, địch đánh phá với quy mô lớn, ác liệt hơn, lực lượng từ 1 đến 3 tiểu đoàn, có cơ giới phối hợp, máy bay yểm trợ đánh sâu vào căn cứ. Có trận,

địch dùng bộ binh kết hợp không quân nhảy dù xuống để bao vây tiêu diệt lực lượng ta.

Cùng với đánh phá căn cứ, chúng thực hiện bao vây phong tỏa kinh tế để cô lập vùng căn cứ với vùng tạm bị chiếm. Địch dùng máy bay bắn phá các khu sản xuất của nhân dân, giết hại trâu bò, triệt phá hoa màu, phá hoại nguồn nước sinh hoạt, làm cho dân căn cứ đói khổ, phải chạy về vùng chúng kiểm soát. Tình hình đó đã gây cho nhân dân căn cứ không ít khó khăn, lương thực không đủ để ăn, nước uống thiếu gay gắt, nhà cửa không có để ở, bệnh tật phát sinh. Tuy khó khăn gian khổ, nhưng tấm lòng người dân căn cứ luôn hướng về Đảng, làm theo lời Cụ Hồ, "thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", quyết tâm khắc phục khó khăn, tiếp tục xây dựng căn cứ chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược.

Nghe theo lời kêu gọi của Đảng, hàng trăm thanh niên các xã đã tình nguyện tòng quân, gia nhập bộ đội (đơn vị Trần Quốc Tuấn, đơn vị Quang Trung). Số thanh niên còn lại đều tham gia dân quân, du kích. Mỗi xã căn cứ đều xây dựng 1 trung đội du kích tập trung; các thôn đều có 1 tiểu đội du kích, 1 trung đội hoặc 1 tiểu đội dân quân và các

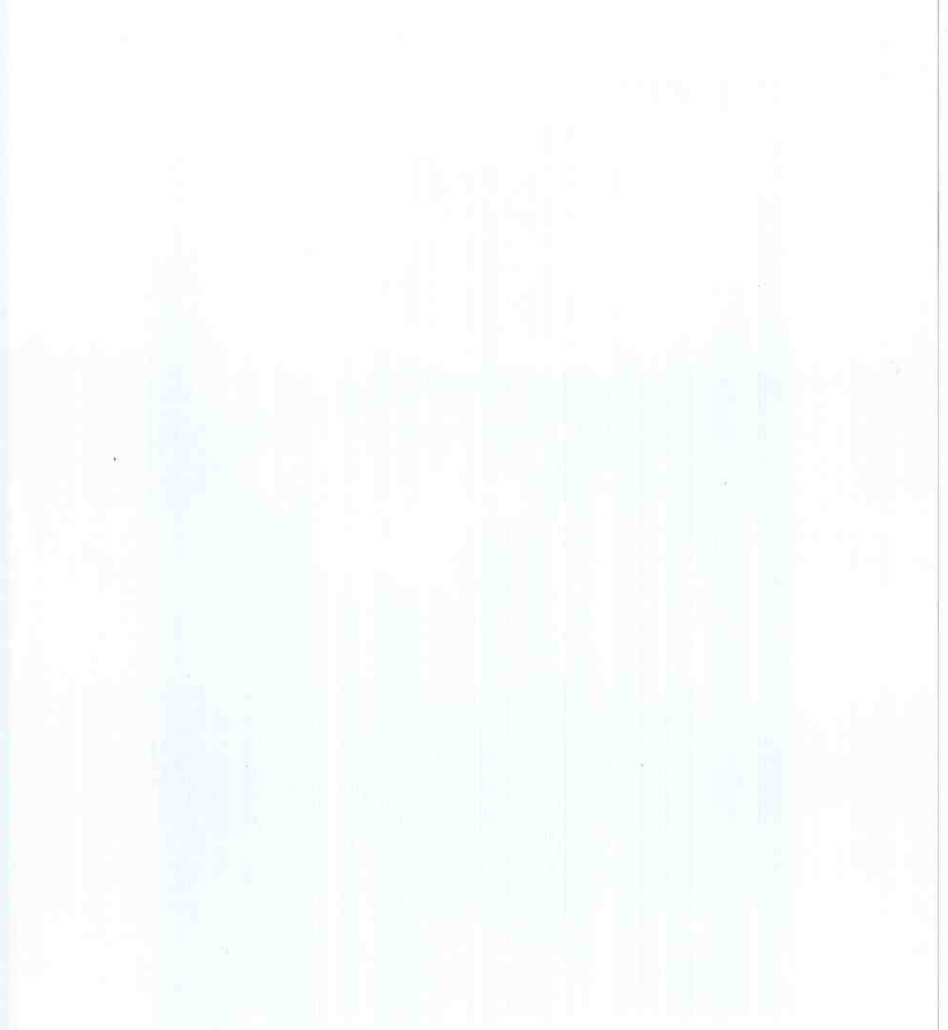
vùng, các nhóm dân cư đều có tổ du kích, dân quân. Lực lượng dân quân, du kích bước đầu đã được trang bị một vài khẩu súng trường, lựu đạn, để làm nhiệm vụ bố phòng tuần tra canh gác, đánh địch bảo vệ căn cứ, bảo vệ nhân dân; có lúc phối hợp cùng bộ đội chống địch càn quét, hoặc tham gia vận tải tiếp tế lương thực, thực phẩm, tải thương, tải đạn phục vụ chiến đấu, tham gia bảo vệ mùa màng. Dựa vào các tuyến bố phòng, lực lượng dân quân, du kích các xã căn cứ vừa độc lập tác chiến, vừa phối hợp với bộ đội đánh nhiều trận, diệt hàng trăm tên địch, bảo vệ an toàn vùng căn cứ cách mạng.

Cùng với việc hình thành Khu căn cứ và huyện Lê Hồng Phong, bộ đội địa phương cũng được thành lập. Lúc đầu bộ đội địa phương có 1 trung đội, đến năm 1952 phát triển thành 1 đại đội (phiên hiệu là 218), đủ sức đảm nhận nhiệm vụ nòng cốt chiến đấu bảo vệ căn cứ, phối hợp cùng các đơn vị chủ lực của tỉnh tấn công-địch phía trước.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, ủy ban kháng chiến hành chánh và các đoàn thể cách mạng, đồng bào các xã căn cứ phát triển mạnh mẽ phong trào du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu với khẩu



Một địa điểm gác mõ ở thôn Thái An,
xã Hồng Thái.



THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

hiệu "Một người dân là một người lính". Từ người già, phụ nữ đến các cháu thiếu nhi đều tham gia làm hàng ngàn mũi chông bố phòng chống giặc, nhiều tuyến bố phòng liên vùng, liên thôn, liên xã; đào nhiều hầm hào chiến đấu, hầm trú ẩn ở khắp nơi trong khu căn cứ để tránh bom, pháo, tránh giặc càn quét. Từng xã, từng thôn đều chuẩn bị địa điểm để sơ tán nhân dân mỗi khi địch càn vào căn cứ; tổ chức cho nhân dân tránh lánh, sẵn sàng chiến đấu và ổn định cuộc sống.

Để đối phó với các cuộc hành quân đánh phá của địch, công tác phá hoại các đường giao thông được chú trọng. Lực lượng du kích là nòng cốt trong việc thực hiện nhiệm vụ đào đường, cắt đứt giao thông, vừa cô lập, vừa phá thế bao vây phong tỏa của địch. Quốc lộ 1A từ Hồng Thái đến Lương Sơn và từ Dân Thạnh ra Lương Sơn liên tục bị ta phá hết đợt này đến đợt khác, làm cho địch lúng túng; có lúc phá xong ta tiếp tục tổ chức mai phục để diệt hoặc tiêu hao bọn địch đi mở đường. Không những phá trên đường bộ, ta còn huy động đồng bào dùng trâu bò kéo cong các thanh ray đường sắt, làm giao thông đường sắt của địch bị ách tắc ở nhiều đoạn.

Qua chiến đấu, lực lượng du kích các xã căn cứ từng bước trưởng thành, có thể tác chiến độc lập, bẻ gãy từng mũi quân giặc càn lên căn cứ, góp phần ổn định đời sống, sản xuất của đồng bào. Du kích đã vận dụng nhiều cách đánh linh hoạt kết hợp với việc gài mìn, cắm chông. Hàng vạn mũi chông, bần chông đã từng là nỗi kinh hoàng của giặc Pháp, buộc chúng phải dè dặt, thận trọng trong những lần hành quân càn quét vào căn cứ.

Công tác phòng gian bảo mật, bảo vệ các cơ quan trong căn cứ Lê Hồng Phong được quán triệt sâu sắc đến từng cán bộ, chiến sĩ, hộ gia đình và được tổ chức khá chặt chẽ. Các ban công an xã, ủy ban kháng chiến hành chánh xã, xã đội, thôn đội đều làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn cho căn cứ. Công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng giữ gìn an ninh trật tự, phòng gian bảo mật, bảo vệ Đảng, chính quyền, tài sản của nhân dân được phát động sâu rộng, thường xuyên và trở thành hoạt động tự giác của quần chúng.

Với tinh thần tự lực cánh sinh, vượt qua gian khổ, khó khăn, Ban Kinh tài huyện đi sát các xã phát động phong trào tăng gia sản xuất, thực hiện tấc đất tấc vàng. Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các cơ quan

đơn vị đứng chân trong căn cứ đẩy mạnh khai hoang, mở rộng diện tích trồng trọt, sản xuất tự túc tự cấp. Năm 1953 diện tích tăng 50 đến 100%. Với khẩu hiệu "Người người tăng gia, nhà nhà tăng gia", nhân dân trồng mỳ, lang, bắp, đậu các loại; khai thác các loại thổ sản để bán, đổi, mua lúa gạo, hàng hoá phục vụ nhu cầu thiết yếu cuộc sống. Phong trào thi đua lao động sản xuất được đẩy lên sôi nổi, mạnh mẽ, hình thức "rẫy kháng chiến" đã được phổ biến trên khắp các thôn, xã căn cứ. Các tổ vận đổi công được xây dựng và đã phát huy hiệu quả. Phong trào tăng gia sản xuất phát triển, hàng hóa nông sản do nông dân làm ra khá phong phú. Để động viên khích lệ nhân dân, ta tổ chức triển lãm nông nghiệp, thu hút nhiều gia đình đem sản phẩm đến trưng bày, như ông Nguyễn Hiệp có củ khoai nọc dài 2m và củ khoai lang nặng 5kg; ông Nguyễn Lâu có củ khoai mỡ nặng phải 2 người khiêng; ông Lê Vũ có củ mì lớn nhất...

Bên cạnh đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất tự túc lương thực, thực phẩm, tỉnh lập xưởng sản xuất giấy viết ở Triền, xưởng dệt vải, xưởng ép dầu đậu phộng ở Trại Mấu để phục vụ bộ đội và nhân dân căn cứ. Ngoài ra, một số mặt hàng thiết yếu cho

cuộc sống được chị em phụ nữ len lỏi vào vùng địch mua đem về căn cứ.

Nhằm tạo điều kiện giao lưu hàng hóa giữa vùng kháng chiến với vùng tranh chấp, ta mở các chợ kháng chiến Tân Bình, Bàu Thiêu, Cây Xay, Dân Thạnh (xã Hồng Sơn) ⁽¹⁾. Trong mua bán hàng hóa, ngoài việc dùng tiền do Ngân hàng Việt Nam phát hành, nhân dân còn dùng tiền Tín phiếu (do Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung bộ phát hành) để trao đổi. Nhiều tờ bạc rách nát, nhưng còn hình Cự Hồ, đều được nhân dân sử dụng. Nhân dân còn đem tiền Tín phiếu đổi cho cơ sở trong vùng địch lấy tiền Đông Dương để mua hàng hóa đưa ra căn cứ cho cách mạng.

Ở Bàu Thiêu, trung tâm căn cứ là nơi buôn bán rất tấp nập, có tiệm may, cắt tóc, sửa đồng hồ, tiệm làm guốc... Hằng đêm, dưới những ánh đèn dầu, đèn chai nhân dân trao đổi, mua bán nhộn nhịp.

Để chống lại âm mưu bao vây kinh tế của địch, ta động viên nhân dân dùng hàng nội hóa. Phong

(1) Toàn tỉnh thành lập 12 chợ kháng chiến ở vùng làm chủ của ta.

trào được phát động rộng rãi, nhiều câu ca dao, bài vè ra đời nhằm động viên phong trào như:

*Năng non khoai úa, lúa vàng,
Sao em bán đậu mua hàng xa hoa.
Nghĩ gần em phải nghĩ xa,
Lúa khoai phòng đói, lúa là giúp Tây.*

Cùng với việc vận động nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chính quyền còn thực hiện chính sách ruộng đất nhằm động viên sức dân. Giữa năm 1949, thực hiện giảm tô 25%, đến cuối năm 1954 mức tô giảm không quá 1/3 và bảo đảm lãnh canh; cuối năm 1952, giữa chủ đất và tá điền phải làm giấy giao kèo theo chủ trương của chính quyền cách mạng. Tuy nhiên, trong Khu căn cứ chỉ có một số xã thực hiện giảm tô (như Hồng Sơn), vì ở đây phần nhiều là đất rẫy; một số vùng như Hưng Long, Bàu Đế, Bàu Tra, Triền có ruộng nước trời, chủ ruộng là những nông dân sản xuất tự túc. Nhờ thi hành chính sách khuyến khích tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm và thực hiện một phần về chính sách ruộng đất của Đảng đã đem lại quyền lợi thiết thực, nên nông dân rất phấn khởi, tích cực sản xuất, làm ra nhiều của cải vật chất phục vụ đời sống hàng ngày, góp phần ủng hộ kháng chiến.

Về tài chính, một phần do tỉnh cấp, một phần do nhân dân đóng góp và từ nguồn thu thuế nông nghiệp (còn gọi là đảm phụ kháng chiến)⁽¹⁾. Sự đóng góp của nhân dân với các hình thức huy động hủ gạo nuôi quân, ngày công kháng chiến... đã trở thành tiềm thức sâu sắc, là tấm lòng yêu nước của nhân dân, gắn bó với Đảng, với cách mạng.

Phong trào ủng hộ "mùa đông binh sĩ" cũng được nhân dân tích cực hưởng ứng, nhất là các mẹ chiến sĩ, các chị phụ nữ. Có người đóng góp bằng tiền, có người đóng góp từng mét vải, từng chiếc khăn. Nhiều chị em phụ nữ ngày đêm miệt mài đan từng chiếc áo, thêu từng cái khăn gửi ra chiến trường để tặng cho chiến sĩ. Tình cảm giữa tiền tuyến và hậu phương mang đậm nghĩa tình.

"Hủ gạo nuôi quân", tấm áo "mùa đông binh sĩ" đã trở thành phong trào quen thuộc, nề nếp đối với đồng bào căn cứ. Từ năm 1951, thực hiện chủ trương đưa thương binh về làng để nuôi dưỡng, nhiều gia đình trong căn cứ đã làm nhiệm vụ này. Các má, các chị nhận đỡ đầu, kết nghĩa, nuôi dưỡng thương

(1) Năm 1953, tỉnh chủ trương thực hiện thuế nông nghiệp (gọi là đảm phụ kháng chiến) trong vùng căn cứ giải phóng như Khu Lê, Hàm Tân, miền Tây Hàm Thuận, mức đóng là 10% sản xuất.

binh. Ngoài ra, các đoàn thể còn vận động thanh nữ lấy thương binh làm chồng, để động viên an ủi, chia sẻ những mất mát hy sinh mà các anh đang phải gánh chịu. Các chị Mót, chị Dịch, chị Lua, chị Dần... đã xung phong lấy thương binh làm chồng. Hàng năm vào các dịp ngày lễ, ngày tết, các mẹ, các chị đến trại thương binh ở Gò Cà (xã Hồng Chính) tặng quà, thăm hỏi động viên, an ủi các anh yên tâm điều trị.

Tình quân dân gắn bó như cá với nước. Mỗi khi bộ đội về Khu Lê hoạt động đều được các má, các chị chăm sóc nuôi dưỡng như người thân ruột thịt của mình. Các anh được các má, các chị chăm lo từ tấm chăn, manh áo đến cả chuyện xây dựng gia đình, vợ con. Những ai đã từng sống và chiến đấu trên vùng đất Khu Lê Hồng Phong sẽ không sao quên được các má Mãn Thị Thạch (má Mực) ở Hồng Chính, má Nguyễn Thị Thiện (má La) ở Hồng Lâm, má Quảng, má Châu... là những người đã làm tốt công tác hậu phương quân đội.

Dịch đánh phá thường xuyên, cuộc sống đồng bào căn cứ tuy gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng từ cuối năm 1949, thực hiện chủ trương của Liên Khu V về "chuyển mạnh sang tổng phản công", với khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến

thắng" nhân dân các xã căn cứ đã tích cực hưởng ứng lệnh tổng động viên nhân tài vật lực cho cuộc tổng phản công sắp tới. Hầu hết các xã đều thành lập "Ban vận động"; có nơi còn sáng kiến lập sổ vàng truyền thống để người dân tự nguyện đăng ký mức đóng góp của mình. Nhân dân sẵn sàng đóng góp tiền bạc, lúa gạo, trâu bò, ruộng đất cho kháng chiến, với những lời động viên nhau: "Bây giờ chịu thiếu thốn một chút, đóng góp cho cách mạng. Độc lập rồi, làm ăn dễ dàng sẽ có lại thôi". Từ đó đã tạo nên một phong trào sôi nổi trong căn cứ.

Từ khi ta mở chiến dịch Hè (10/1950) đánh địch ở Bắc Bình Thuận và chiến dịch Đông Xuân (1950 - 1951) đánh địch ở Ninh Thuận, nhân dân các xã căn cứ tình nguyện đi dân công ngắn hạn, dài hạn, vận chuyển lương thực, hàng hóa từ các nơi về khu căn cứ làm kho cất giấu, chế biến phục vụ bộ đội. Nhiều nữ thanh niên, hội viên phụ nữ xung phong đi dân công hàng tháng trời về các kho lương thực của huyện, tỉnh, của Trung đoàn 812 ở Tam Minh (Hàm Tân), Hồ Đất (Hồng Trung)... xay lúa, sàng gạo cung cấp cho bộ đội. Nhiều chị có con nhỏ đã nhận lúa về xay tại nhà, sau đó đem gạo đến nộp. Ngoài ra, ta còn huy động hàng trăm xe trâu, xe bò về các địa phương lấy lương thực, hàng hóa đưa về căn cứ.

Nhờ vậy mà các kho lương thực, thực phẩm, hàng hóa của tỉnh khá đầy đủ, đảm bảo phục vụ tốt cho các chiến dịch.

Các hoạt động giáo dục, văn hóa-văn nghệ, y tế cũng được chính quyền quan tâm chỉ đạo. Đa số các xã đều có trường học, dạy từ lớp 1 đến lớp 4; Mỗi lớp có từ 20 đến 30 học sinh theo học. Các trường có phong trào dạy và học tốt như: Trường cấp I (nay gọi là trường tiểu học) Láng Chai do thầy giáo Khải; Trường cấp I Trũng Thị do thầy giáo Nhuận; Trường cấp I Gộp, Gò Cà do thầy giáo Lữ, thầy giáo Ân phụ trách... Xã nào có tài chính thì cấp cho giáo viên một ít gạo, tiền; xã nào không có tài chính coi như giáo viên làm nghĩa vụ cho cách mạng. Ngoài các trường phổ thông tập trung, xã tổ chức các nhóm học chữ quốc ngữ rộng rãi cho những người lớn tuổi tại các thôn, xóm. Đầu năm 1951, tỉnh mở Trường Văn hóa (còn gọi là Trường Văn chính) tại Dốc Rễ, thuộc xã Hồng Thái để đào tạo văn hóa, chính trị cho cán bộ huyện, xã, phục vụ cách mạng trước mắt và lâu dài. Đến cuối 1951, địch chiếm đóng Lương Sơn, trường được dời về địa phận xã Hồng Trung. Trường Văn chính của tỉnh đã đào tạo được nhiều cán bộ cho cách mạng.

Về y tế, bên cạnh Trạm xá huyện Hàm Thuận được thành lập tại Triền, nhằm phục vụ cho chiến dịch Đông Xuân 1950 - 1951, sau đó hầu hết các xã đều có trạm y tế do 1 y tá phụ trách, để khám chữa bệnh cho nhân dân.

Để đáp ứng phần nào đời sống tinh thần của nhân dân, giúp mọi người quên đi khó khăn vất vả thường ngày, khơi dậy tinh thần cách mạng, tạo không khí phấn khởi trong thôn xóm, Đoàn Văn công Sao Vàng của tỉnh (được thành lập năm 1947) thường về lưu diễn ở các xã căn cứ. Ngoài ra, nhiều xã còn có đội văn nghệ nghiệp dư thường xuyên tổ chức biểu diễn, phục vụ nhân dân. Trong lực lượng vũ trang, Trung đoàn 812 có phong trào văn nghệ khá sôi nổi. Sau mỗi trận chiến đấu trở về, các chiến sĩ tổ chức "lửa trại" để hát mừng chiến thắng, hát vang bài ca "Hành khúc Trung đoàn 812", các bài dân ca, bài chòi do anh em tự sáng tác sau các chiến thắng đồn Lầu Ông Hoàng, đồn Rạng, đồn Mũi Né, Thạch Long, Ngã Hai... Những đêm văn nghệ không những thu hút đồng bào căn cứ, mà đồng bào vùng tạm bị địch chiếm cũng bắt chước ngăn cấm của địch, tìm mọi cách ra tham dự. Ngoài ra, Tỉnh còn thành lập "Đội phim đèn chiếu" đi phục vụ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong vùng căn cứ.

Khó khăn nhất của đồng bào căn cứ là nguồn nước sử dụng hằng ngày. Từ người dân đến cán bộ, bộ đội đứng chân trên căn cứ đều dựa vào nguồn nước các bàu: Bàu Trũng, Bàu Thiêu, Bàu Trắng và các Giếng Đế, Giếng Triền, Giếng Xó... Kẻ địch cũng biết việc này, nên thường xuyên cho lính phục kích, dùng máy bay bắn phá các bàu, các giếng nước, quyết cắt đứt nguồn nước của nhân dân và bộ đội. Để có nước, có lúc phải đổi cả máu và tính mạng con người. Khu Lê đã giải quyết nước sinh hoạt bằng tấm lòng thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Nhiều lúc thiếu nước đồng bào, bộ đội đã nhường cho nhau từng ngụm nước; nước được ưu tiên cho thương binh, bộ đội, em bé, cụ già; thiếu nước phải uống nước bọng cây, nước trong cây giác, cây găng, cây gũ. Có những lúc không có nước uống đồng bào phải đào củ kim cang, củ tóc tiên để nhai cho đỡ khát.

Nước không có đủ để uống nên càng không có nước để tắm, có lúc cả tháng mới tắm một lần. Từ thực tế đó, một số anh em bộ đội và đồng bào phải tắm bằng lửa (đốt lửa lên ngồi gần, hơi cho ra mồ hôi, rồi kỳ cho ra đất) còn gọi là "tắm lửa". Nên có câu ca dao:

*Lửa hồng đốt cháy thịt da,
Khu Lê tắm lửa ai mà chẳng hay.
Thiếu nước, uống nước bọng cây.
Quân dân một dạ đánh Tây tới cùng.*

Hay gặp lúc trời mới mưa xong, anh em chạy vào đám mỳ cho nước rơi ướt mình rồi kỳ đất; hoặc ngồi dưới một tán cây, rung cây cho nước rơi xuống ướt mình rồi kỳ cọ cho ra đất còn gọi là "tắm rung cây".

Tuy khó khăn trong cuộc sống và sinh hoạt như vậy, nhưng từ năm 1952 - 1953 các chi bộ đảng, ủy ban kháng chiến hành chính, các ban, ngành, đoàn thể cách mạng từ huyện đến các xã căn cứ luôn luôn bám sát nhân dân, tuyên truyền giáo dục động viên nhân dân thực hiện mọi công tác cách mạng, xây dựng căn cứ không ngừng lớn mạnh.

Sau khi tái chiếm lại xã Lương Sơn (1951), Pháp xây dựng thành căn cứ quân sự kiên cố, án ngữ và uy hiếp trực tiếp vùng căn cứ Lê Hồng Phong. Địch thường xuyên dùng máy bay ném bom, bắn phá, càn quét đột kích vào các xã căn cứ. Có tháng chúng càn quét, đột kích từ 3 đến 4 lần, mỗi lần chúng đều giết hại đồng bào, đốt phá nhà

cửa, phá hoại sản xuất, bắn giết gia súc gia cầm, phá hoại nguồn nước uống. Điều đó đã gây cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ ta rất nhiều khó khăn trong cuộc sống.

Ngày 19/01/1953, địch cho nhiều lượt máy bay ném bom, bắn phá các xã Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hồng Trung, Hồng Lâm, Hồng Chính. Sau đó chúng sử dụng xe tăng, bộ binh chia thành 2 cánh, một cánh có xe tăng đánh vào xã Hồng Liêm, hòng cắt đứt đường liên lạc của ta từ căn cứ Lê Hồng Phong đến vùng căn cứ miền Tây tỉnh Bình Thuận, còn một cánh đánh vào các xã còn lại. Nhưng nhờ công tác bố phòng chặt chẽ, dân quân, du kích tổ chức nhân dân tránh lánh kịp thời nên đã bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

Ngày 12/02/1953, địch dùng máy bay Đacôta chở hơn 200 quân, nhảy dù xuống khu vực xã Hồng Sơn, nhằm càn quét các xã Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hồng Trung, Hồng Lâm, Hồng Chính. Quyết tâm đánh địch bảo vệ căn cứ, dân quân, du kích các xã đã phối hợp với lực lượng bộ đội huyện, tỉnh chặn đánh quyết liệt, diệt hơn 40 tên, thu 20 dù, bẻ gãy cuộc càn của địch.

Ngày 14/4/1953, dân quân các xã căn cứ Khu Lê Hồng Phong phối hợp với bộ đội chủ lực tỉnh tấn công tiêu diệt Tiểu khu Mũi Né, phá hủy toàn bộ hệ thống đồn bót, gồm 2 đồn, 11 lô cốt, diệt và bắt sống hàng trăm tên địch, trong đó có tên Bang tá Phan Lý Ngự, thu nhiều vũ khí và quân trang, quân dụng, có 1 khẩu pháo 94 ly⁽¹⁾. Ta làm chủ Mũi Né hơn 10 ngày, huy động đồng bào tham gia, vận chuyển 10 xe trâu chiến lợi phẩm về căn cứ Lê Hồng Phong. Đây là trận chiến thắng lớn ở Cực Nam Trung bộ lúc bấy giờ. Đồng bào căn cứ rất vui mừng phấn khởi, càng tích cực hăng hái tham gia các mặt công tác kháng chiến.

Ngày 26/4/1953, Pháp sử dụng lực lượng bộ binh cấp trung đoàn với hàng chục xe tăng, có pháo binh yểm trợ, mở cuộc càn vào căn cứ Lê Hồng Phong và chiếm đóng lại Mũi Né. Lực lượng dân quân, du kích các xã căn cứ phối hợp với bộ đội tỉnh, bộ đội địa phương huyện đánh trả quyết liệt, diệt hàng chục tên. Nhờ kinh nghiệm tránh lánh địch của đồng bào và đánh trả địch của bộ đội, dân quân du kích, ta đã bảo vệ an toàn các cơ quan lãnh đạo và đồng bào căn cứ.

(1) Khẩu pháo 94 ly thu được ở đồn Mũi Né, năm 1953, khi tập kết, bộ đội chuyển ra Bắc và khẩu pháo được trưng bày tại Bảo tàng Quân đội tại Hà Nội.

Cuối năm 1953, sau khi thực hiện chủ trương "Rèn cán, chỉnh quân" của tỉnh, lãnh đạo huyện Lê Hồng Phong đã chỉ đạo các xã củng cố lại căn cứ, đẩy mạnh phát triển sản xuất, xây dựng lực lượng dân quân, du kích để đủ sức đánh địch và sẵn sàng phối hợp tấn công đồn bót địch. Động viên cao độ sự đóng góp nhân tài, vật lực của nhân dân cho kháng chiến.

Thực hiện chủ trương của huyện, các xã căn cứ đã tập trung sức xây dựng tuyến bố phòng, chống địch càn quét, hình thành nhiều tuyến chông liên thôn, liên xã; tích cực lao động phát triển sản xuất, chăn nuôi, đáp ứng yêu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân và góp phần nuôi dưỡng bộ đội. Đồng thời, ta đã động viên hàng trăm thanh niên thoát ly tham gia kháng chiến; huy động hàng trăm dân công ra phía trước tham gia phá hoại đường sắt, đường quốc lộ IA, làm tê liệt giao thông của địch.

Phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương tấn công Lương Sơn, mở rộng vùng giải phóng. Đêm ngày 5 rạng ngày 06/5/1954, bộ đội chủ lực tỉnh phối hợp với bộ đội địa phương huyện Lê Hồng Phong (C218) và dân quân, du kích các xã căn cứ, Đội Vũ trang Công tác Bình Tân (Lương Sơn) và hơn 400 dân công đã tấn

công cứ điểm Lương Sơn. Ta diệt và bắt sống gần 200 tên (trong đó có tên Trung úy Ngân - Đồn trưởng GI, tên Trung sĩ Lịch - Đồn trưởng SAV, tên Bang tá Cẩm và toàn bộ hội đồng nguy xã Lương Sơn), thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng. Ta vận động quần chúng nổi dậy phá banh khu tập trung, san bằng đồn bót, giải phóng xã Lương Sơn lần thứ hai, đưa dân vào rừng xây dựng căn cứ.

Thừa thắng xông lên, ngày 08/5/1954, bộ đội địa phương huyện Lê Hồng Phong và cán bộ, chiến sĩ Đội Vũ trang Công tác Bình Tân phối hợp tiến đánh bót Sông Lũy. Khi ta nổ súng, địch ở đây không chống cự, bỏ súng xin hàng. Ta bắt một tiểu đội địch, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng và phá sập cầu Sông Lũy.

Sau khi xã Lương Sơn được giải phóng, huyện Bắc Bình giao cho huyện Lê Hồng Phong quản lý, đặt tên là xã Hồng Tân, có trên 2000 dân. Huyện căn cứ Lê Hồng Phong được mở rộng, nối với vùng căn cứ Bình An (huyện Bắc Bình) và Hàm Phú, Hàm Trí (huyện Hàm Thuận), có 12 xã, dân số trên 18.000 người.

Ngày 07/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử toàn thắng, vang dậy năm châu, chấn động địa

cầu, buộc Chính phủ Pháp phải ngồi vào bàn Hội nghị Giơnevơ, chấp nhận ký Hiệp định, chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

Cùng với niềm vui chung của quân và dân cả nước, đồng bào các xã căn cứ huyện Lê Hồng Phong rất phấn khởi, gặp nhau tay bắt mặt mừng, cùng hô vang khẩu hiệu:

- Hoan hô Hiệp định đình chiến.
- Việt Nam hoà bình, độc lập muôn năm.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm !

Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân và dân huyện căn cứ Lê Hồng Phong đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ, ác liệt và hy sinh, một lòng một dạ theo Đảng làm cách mạng; xây dựng khu căn cứ địa cách mạng ngày càng vững mạnh về mọi mặt, là một địa bàn đứng chân vững chắc của các cơ quan lãnh đạo tỉnh, huyện và lực lượng vũ trang. Căn cứ Lê Hồng Phong còn là nơi đóng góp nhiều nhân tài, vật lực cho cách mạng; đồng thời là "lá cờ hiệu triệu" đồng bào vùng tạm bị địch chiếm đứng lên chống giặc, tạo niềm tin vững chắc về sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Huyện căn cứ Lê Hồng Phong xứng đáng là lá cờ tiêu biểu của phong trào

kháng chiến tỉnh Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp. Truyền thống Khu Lê kiên cường, bất khuất vẫn tiếp tục phát huy và phát triển trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

III. NHÂN DÂN CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN, CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1954 - 1975).

1. Sắp xếp lại lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đòi dân sinh, dân chủ (1954 - 1961).

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đã kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Giơnevơ (20/7/1954) chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương và công nhận độc lập, chủ quyền của một nước Việt Nam thống nhất. Theo nội dung Hiệp định Giơnevơ, đất nước ta tạm thời chia làm hai miền, miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra hoàn toàn giải phóng, do Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa quản lý; miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào, do chính quyền Liên hiệp Pháp tạm thời kiểm soát. Sau hai năm (20/7/1954 - 20/7/1956), hai

miền Nam - Bắc Việt Nam sẽ tiến hành Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Theo quy định của Ban Liên hiệp đình chiến, Bình Thuận là vùng có 80 ngày để chuẩn bị chuyển quân tập kết và từ 0 giờ ngày 01/8/1954, lệnh ngừng bắn có hiệu lực. Thi hành Hiệp định Giơnevơ, đầu tháng 8/1954, cán bộ Dân, chính, Đảng và lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận tập trung về Triền, một địa điểm của huyện căn cứ Lê Hồng Phong để học tập Hiệp định Giơnevơ, công bố lực lượng đi tập kết. Đồng thời, ta bố trí một số cán bộ, chiến sĩ bí mật ở lại lãnh đạo đồng bào đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử, đòi quyền dân sinh dân chủ.

Ngày 21/8/1954, Tỉnh tổ chức cuộc mít tinh tại Triền, cán bộ, chiến sĩ và một số nhân dân các huyện Bắc Bình, Hàm Thuận, Lê Hồng Phong, thị xã Phan Thiết... về tham dự. Sau cuộc mít tinh mừng thắng lợi ở Triền, cán bộ huyện, xã về các địa phương sắp xếp ổn định việc ăn ở cho đồng bào, đồng thời phổ biến cho nhân dân hiểu nội dung tinh thần Hiệp định Giơnevơ, lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch nhân Hội nghị Giơnevơ thành công.

Sau khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực, Khu Lê Hồng Phong là nơi được ta và Pháp chọn làm địa điểm tập trung, chuyển quân đi tập kết của ta. Nhưng âm mưu của địch muốn gây khó khăn cho ta, chúng đổi địa điểm vào Tân Thuận (Hàm Tân), sau đó lại thay đổi vào Bà Tô (Bà Rịa). Với tinh thần thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, đến tháng 10/1954, ta hoàn thành việc tập kết ra Bắc.

Trong lực lượng đi tập kết với gần 300 cán bộ Dân, chính, Đảng (Bình Thuận, Lâm Đồng và Ninh Thuận) cùng hơn 1.500 cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang (chủ yếu Trung đoàn 812), có một số ít cán bộ Khu Lê Hồng Phong, như các đồng chí Hồ Viết Hách, Lê Khả, Đỗ Khắc Kính... Còn các đồng chí Lê Thanh Hải và một số đồng chí khác được phân công ở lại, hình thành cơ quan lãnh đạo mới phụ trách từng địa bàn, bám sát nhân dân. Đồng chí Lê Thanh Hải được Tỉnh ủy phân công phụ trách Lê Hồng Phong. Số đông cán bộ lãnh đạo xã, thôn và cán bộ, đảng viên, cốt cán về sống hợp pháp trong dân, vận động và tổ chức quần chúng đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh chống khủng bố, trả thù những người kháng chiến chống Pháp.

Nhưng với âm mưu xâm lược nước ta từ trước, lợi dụng sự suy yếu của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã trực tiếp can thiệp vào miền Nam Việt Nam hùng thực hiện âm mưu cơ bản của chúng: Tiêu diệt phong trào yêu nước của nhân dân ta, thôn tính miền Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, là căn cứ quân sự của Mỹ, chia cắt lâu dài đất nước ta.

Nhằm thực hiện âm mưu đen tối đó, ngay từ đầu đế quốc Mỹ đã tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa Ngô Đình Diệm về nước (6/1954) lập nên chính quyền tay sai thân Mỹ, dựng lên các đảng phái, tổ chức phản động: Đảng Cần lao nhân vị, Phong trào cách mạng quốc gia, Phụ nữ liên đới..., tập hợp các thế lực chính trị thân Mỹ làm hậu thuẫn cho chính quyền tay sai, thực hiện chính sách "tố cộng" quyết liệt.

Tháng 10/1954, ngay sau khi lực lượng của ta đi tập kết rút khỏi Khu Lê Hồng Phong, chính quyền "Liên hiệp Pháp", thực chất là bọn ngụy quyền thân Mỹ đến tiếp quản các xã Khu Lê Hồng Phong. Chúng giao quận Hàm Thuận tiếp quản một số xã của Lê Hồng Phong như Hồng Sơn, Hồng Liêm; Hồng Trung, Hồng Hải, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Tiến...; Quận Hòa Đa tiếp quản các xã Hồng

Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Thái, Hồng Tân⁽¹⁾. Sau khi tiếp quản xong, dịch đến từng vùng dân cư kêu gọi nhân dân về lại các làng, khu tập trung do dịch quy định.

Chống lại âm mưu xóa vùng căn cứ của dịch, nhân dân trong vùng căn cứ cũ lấy cố, chỉ hai năm nữa, hai miền Nam - Bắc sẽ hiệp thương thống nhất đất nước theo quy định của Hiệp định, đề nghị chính quyền cho phép được ở lại bám rẫy, rừng làm ăn sinh sống chờ ngày thống nhất đất nước. Sau nhiều lần đến thúc ép nhân dân về khu tập trung nhưng không thành, chúng thành lập các làng mới theo từng địa bàn như: làng Phú Sơn (gồm Trũng Tre, Bàu Thiêu xã Hồng Trung cũ); Phú Trung (xã Hồng Thịnh cũ); Phú Hòa (từ Dầu Bà Én đến Đá Mẹp xã Hồng Sơn

(1) Đầu năm 1955, dịch sắp xếp lại các đơn vị hành chính, các huyện đổi thành quận. Thành lập mới quận Hải Ninh. Năm 1957, dịch cắt quận Hàm Tân, Tánh Linh thành lập tỉnh Bình Tuy. Năm 1958, cắt một phần đất quận Hàm Thuận, lập quận Hải Long, đóng quận lỵ tại Mũi Né. Năm 1958, Phú Quý trở thành một quận và đến năm 1961, đổi thành Nha hành chính trực thuộc quận Hàm Thuận. Năm 1961, phần đất còn lại của quận Hàm Thuận lập thêm quận Thiện Giáo, đóng quận lỵ tại Ma Lâm và quận lỵ Hàm Thuận từ Phú Trinh chuyển lên Ngã Hai. Như vậy, đến năm 1961 tổ chức của dịch ở Bình Thuận có các quận: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, Hải Ninh, Hải Long, Thiện Giáo, Hàm Thuận và xã Châu Thành Phan Thiết là tỉnh lỵ, trực thuộc quận Hàm Thuận.

cũ); Long Thạnh (từ rừng Ông Rắc đến Gộp xã Hồng Sơn cũ); Phú Thạnh (Bàu Chại, Bàu Sen xã Hồng Sơn cũ); Bình Nhơn (Bàu Trắng, xã Hồng Lâm cũ); Bình Thiện (Quán Thí, xã Hồng Chính cũ); Phú Vinh (từ Rẫy Thơm đến Giếng Đé phía Nam Triền); các xã Hồng Hải, Hồng Tiến, Hồng Thanh cũ chúng tổ chức thành các làng, nhập vào các xã Thiện Khánh, Thiện Nghiệp, Khánh Thiện.

Đến khoảng tháng 7/1955, địch gom các làng vào các xã như: làng Phú Sơn, Phú Trung nhập vào xã Thiện Nghiệp; làng Phú Hòa, Long Thạnh, Phú Thạnh nhập lại thành xã Long Phú, chia thành 5 làng: Long Khê, Long Giang, Long Hiệp, Long Hoa, Long Lâm; làng Phú Vinh nhập vào xã Hòa Vinh. Hai làng Bình Nhơn, Bình Thiện nhập lại thành xã Nhơn Thiện và chia thành các làng Thiện Ái, Nhơn Long, Nhơn Hòa, Nhơn Đức; xã Lương Sơn (gồm Hồng Tân và Bàu Ốc cũ) có 4 làng: Lương Bình, Lương Trung, Lương Tây và Lương Hiệp.

Đồng thời cùng với việc tiếp quản, ở mỗi xã chúng thành lập tổ chức hội đồng hương chính. Thành phần các hội đồng hương chính phần lớn là địa chủ và số người bất mãn với cách mạng trước đây. Tuy nhiên, trong các hội đồng hương chính mới thành lập ở căn cứ Khu Lê Hồng Phong cũ, phần lớn

là cơ sở của ta như: Hội đồng hương chính xã Lương Sơn có 3 người đều có cảm tình với cách mạng; Hội đồng hương chính xã Nhơn Thiện là cơ sở của ta đưa vào... Ngoài ra, chúng còn lập một Nha Phái viên Hành chánh Thiện Phú đóng ở Nhơn Thiện và một đồn quân vụ, đóng tại Yếu khu Bàu Thiêu, phụ trách 3 xã: Nhơn Thiện, Thiện Nghiệp và Long Phú, nhằm khống chế phía Bắc khu căn cứ Lê Hồng Phong cũ. Đồng thời, chúng dựng lên các tổ chức phản động, như Phong trào cách mạng quốc gia, Hiệp hội nông dân, Phụ nữ liên đới, Thanh niên cộng hòa, đảng Cần lao nhân vị... để làm hậu thuẫn cho chính quyền tay sai thân Mỹ. Chúng bắt ép thanh niên vào tổ chức thanh niên chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang, canh giữ các làng.

Sau khi tiếp quản các xã căn cứ Lê Hồng Phong, địch tiến hành khủng bố, trả thù những người kháng chiến cũ, những người yêu chuộng hòa bình. Chúng liên tục mở các đợt "tố cộng", "diệt cộng", bắt buộc những gia đình có người đi tập kết phải ly khai, nhân dân phải chống lại cách mạng, đấu tố lẫn nhau. Chúng kiểm soát nhân dân gặt gao, nhất là những gia đình có liên quan đến cách mạng, chúng gọi là gia đình "thành phần", có bảng đỏ treo trước nhà để phân biệt, không cho ai liên hệ với những gia đình này. Ban đêm, những gia đình "thành phần" không

được đi lại từ nhà này qua nhà khác. Chúng bắt những gia đình có người thân thoát ly tham gia cách mạng, ban đêm phải đi gác cầu, gác trụ sở, đi làm tạp dịch cho bọn ác ôn. Yếu khu Bàu Thiêu, Nha Phái viên hành chánh Thiện Phú là nơi giam cầm, tra tấn rất dã man cán bộ và người dân Khu Lê yêu nước. Chúng đã gây nên không biết bao nhiêu đau thương tang tóc. Chị em phụ nữ Khu Lê đã thốt lên những lời than vãn nào nùng: "Khăn tang trắng điểm chợ chiều, bao nhiêu đôi núi, bấy nhiêu căm thù".

Sau khi hoàn thành việc tập kết ra Bắc, cơ quan lãnh đạo tỉnh đóng ở Núi Ông - Tánh Linh, nên Khu Lê Hồng Phong không còn là căn cứ của tỉnh như trong kháng chiến chống Pháp. Đến khoảng tháng 11/1954, Tỉnh ủy chủ trương cắt các xã: Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Thái, Hồng Tân (Lương Sơn) chuyển về lại huyện Bắc Bình; các xã Nam Lê Hồng Phong như: Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hồng Trung, Hồng Hải, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Tiến giao về cho Miền A⁽¹⁾ do đồng chí Huỳnh

(1) Tháng 7/1955, Tỉnh ủy quyết định đổi Miền Đông (được thành lập từ 1953) thành Miền A. Miền A được chia thành 3 mãng: Mãng I: từ Núi Rễ (Hồng Liêm) đến chân núi Tà Dôn (xã Hồng Sơn). Mãng II: từ Xa Ra, Tuy Hòa đến Phú Long, Phú Hải. Mãng III: từ Rạng (xã Thiện Khánh) đến Thiện Nghiệp, Mũi Né. Đến năm 1962, Miền A đổi thành Đông Hải. Đến năm 1966, Đông Hải đổi thành huyện Thuận Phong.

Hà làm Bí thư Ban Cán sự và các đồng chí Hồ Đức Hậu, Nguyễn Ngọc Cao, Nguyễn Vĩnh Lại, Nguyễn Ngọc Thiết làm ủy viên. Đầu năm 1955, Tỉnh ủy điều đồng chí Lê Thanh Hải - Bí thư huyện Lê Hồng Phong sang làm Bí thư Huyện ủy Bắc Bình. Cơ quan Huyện ủy đóng ở Dốc Găng.

Để phù hợp với yêu cầu tổ chức chỉ đạo trong tình hình mới, các huyện thành lập các Miền ⁽¹⁾, mỗi Miền thành lập Ban Cán sự Đảng. Các xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng (Hòa Thắng ngày nay), Hồng Thái và Lương Sơn là những xã căn cứ của Lê Hồng Phong trước đây thuộc Miền 4, do đồng chí Tiểu Oai Nghi làm Bí thư Ban Cán sự, đồng chí Nguyễn Được, Nguyễn Hàng Thuyên,⁽²⁾ Lê Ngư, Nguyễn Hạp làm ủy viên.

Sau khi phân công cán bộ về nắm các địa bàn, các xã tập hợp các đảng viên trung kiên thành lập chi bộ, mỗi chi bộ có từ 3 đến 4 đảng viên; các đồng chí đảng viên bị lộ chuyển vào hoạt động đơn tuyến, đồng thời xây dựng 3 loại cơ sở: cơ sở chính trị, cơ sở tiếp tế và cơ sở giao liên; tổ chức các đường dây giao

(1) Huyện Bắc Bình tổ chức thành 4 miền; huyện Hàm Thuận chia thành 5 miền v.v....

(2) Nguyễn Hàng Thuyên sau đó được cho ra hợp pháp, rồi về làm tay sai cho địch.

liên hợp pháp và bất hợp pháp. Mỗi xã đều hình thành hợp thứ liên lạc với huyện.

Lúc bấy giờ, cơ quan Tỉnh ủy đóng ở Tánh Linh, việc chỉ đạo các huyện phía Bắc tỉnh gặp nhiều khó khăn. Khoảng tháng 6/1955, Tỉnh ủy chuyển cơ quan về Khu Lê Hồng Phong (cũ) để chỉ đạo phong trào. Nhưng sau đó, nhận thấy điều kiện nơi đây không phù hợp với cuộc kháng chiến chống Mỹ, tháng 10/1955 chuyển về lại căn cứ ở miền Đông Tánh Linh.

Như vậy, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Khu Lê Hồng Phong tuy không còn là căn cứ của tỉnh, nhưng các xã thuộc căn cứ Khu Lê Hồng Phong cũ vẫn là vùng căn cứ của huyện Bắc Bình và Miền A.

Tháng 7/1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố không ký Hiệp định nên không thi hành và trắng trợn chống Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, hô hào "lấp sông Bến Hải, Bắc tiến", khủng bố những ai nói đến hòa bình, thống nhất.

Tháng 8/1955, tại Rừng Ngang (Lê Hồng Phong), Ban Cán sự Liên tỉnh III và Tỉnh ủy Bình Thuận tổ chức Hội nghị để bàn về nội dung, hình thức đấu tranh đòi địch thực hiện Hiệp thương tổng

tuyển cử thống nhất đất nước⁽¹⁾. Hội nghị có các đồng chí Trần Lê (Bí thư Ban Cán sự Đảng Liên tỉnh III, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận), Võ Dân, Lê Văn Hiền (Ủy viên Ban Cán sự Đảng - Liên tỉnh III), đồng chí Nguyễn Gia Tú (Phó Bí thư Tỉnh ủy) và một số đồng chí Tỉnh ủy viên tỉnh Bình Thuận tham dự. Sau hội nghị, Tỉnh chủ trương mở một đợt phát động quần chúng đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử, chống địch bắt bớ trả thù những người kháng chiến cũ. Hình thức đấu tranh là làm đơn kiến nghị đòi yêu sách, đồng thời biểu dương lực lượng. Sau khi tiếp thu chủ trương trên, các đồng chí cán bộ, cốt cán phân công nhau đi các nơi tập hợp nhân dân để phát động, hướng dẫn viết kiến nghị và vận động nhân dân ký vào bản kiến nghị, cử người đại diện trực tiếp lên Bang tá, Nha Phái viên Hành chánh để đưa yêu sách.

Ngày 11/9/1955, dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự Miền 4, đại diện cho nhân dân xã Lương Sơn là các cụ già có uy tín trong các làng, trao bản kiến nghị đòi Hiệp thương tổng tuyển cử, có hàng trăm

(1) Năm 1949, Ban Cán sự Cục Nam trực thuộc Liên Khu V lãnh đạo các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận và Lâm Đồng. Đầu năm 1955, Trung ương quyết định thành lập Liên tỉnh III, trực thuộc Liên khu V, chỉ đạo các tỉnh: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Đồng.

chữ ký cho Bang tá Thắng, Nha Phái viên Hành chánh xã Lương Sơn. Tên Thắng ra lệnh cảnh sát bắt giữ đại diện của nhân dân đưa về Hòa Đa. Được tin trên, cốt cán, đảng viên trong xã đã tập hợp hàng trăm người gồm già trẻ, trai gái các làng Mã Lăng, Xóm Ruộng, Lương Trung..., có cả vợ con một số binh sĩ Sư đoàn 5 (miền Bắc di cư vào) ở Lương Sơn cũng tham gia, rầm rộ kéo về Nha Bang tá. Thấy khí thế đấu tranh của đồng bào, Nha Phái viên Hành chánh Lương Sơn điện cho đồn Pô - Lô - Tông ở Dốc Lở lên cứu viện. Đồn Pô - Lô - Tông cho một tiểu đội lính đến ứng cứu. Cơ sở ta chặn bọn lính, tranh thủ giải thích, tên chỉ huy và lính đồng ý không can thiệp và quay trở về lại đồn. Thắng lợi bước đầu, đồng bào kéo đến đồn đấu tranh "đòi Hiệp thương tổng tuyển cử, đòi thả những người bị bắt vô cơ...". Trước khí thế mạnh mẽ của quần chúng, bọn địch trong đồn hoảng sợ bỏ chạy. Đoàn đấu tranh chiếm Nha Phái viên Hành chánh, đi diễu hành khắp nơi trong xóm chợ Lương Sơn. Đến 12 giờ trưa, một số chị em có con nhỏ và người già yếu trở về nhà, đoàn biểu tình ít dần. Khoảng 14 giờ, tên Lê Đức Nhự - Quận trưởng quận Hòa Đa, tên Sâm - Chi trưởng công an, tên Sơn - Đại úy, Tham mưu trưởng Sư đoàn 5 cho công an, cảnh sát, binh lính đến phối hợp với lính đồn Pô-Lô-Tông đàn áp cuộc biểu tình. Một cuộc

đấu lý giữa đồng bào với tên quận trưởng diễn ra gay gắt. Đồng bào lấy nội dung trong bản Hiệp định Giơnevơ ra chất vấn, làm chúng đuối lý, chỉ biết lắc đầu nói "đã nhiễm đầu óc cộng sản quá nhiều rồi". Đến 17 giờ, địch thấy số người tham gia biểu tình còn ít, chúng tiến hành đàn áp, giải tán cuộc biểu tình. Nhiều người bị địch đánh thương nặng và chúng bắt một số cơ sở, cốt cán đem về quận Hòa Đa. Ta tiếp tục tổ chức cơ sở hằng ngày đem cơm nước, thuốc... lên quận thăm hỏi, chăm sóc những người bị địch bắt và tổ chức tương trợ sản xuất cho gia đình họ.

Ngày 13/9/1955, nhân dân xã Nhơn Thiện (gồm các xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng của ta), dưới sự chỉ đạo trực tiếp của hai đồng chí Nguyễn Được, Lê Ngự đã cử đại diện đến Nha Phái viên Hành chánh Thiện Phú gặp Bang tá Mỳ trao kiến nghị đòi Hiệp thương tổng tuyển cử. Thấy lực lượng quân chúng kéo đến đông, tên Bang tá Mỳ hoảng sợ, theo đường biển chạy về hướng Phan Rí Cửa. Sau đó, quận Hòa Đa huy động lính bảo an, cảnh sát xuống Nhơn Thiện đàn áp nhân dân và bắt 40 người. Được tin cảnh sát bắt người vô cố, sáng ngày 14/9/1955, ta huy động hơn 700 người, tổ chức thành hai bộ phận: một bộ phận đấu tranh trực diện

với tề xã, nha phái viên; một bộ phận đông đảo hơn tổ chức đặt chướng ngại vật tại Dốc Dung ngăn chặn không cho địch chở người bị bắt đưa về quận Hòa Đa. Hơn 7 giờ, địch chở những người bị bắt (hầu hết là thanh niên) lên quận bị đồng bào chặn lại. Các chị em phụ nữ đã có sáng kiến hốt cát bỏ vào đầu xe, có chị nằm ngăn trước đầu xe, không cho xe chạy, có chị nhảy lên xe kéo người bị bắt xuống. Địch và ta giằng co quyết liệt. Trước tình hình đó, địch ở quận Hòa Đa lo sợ, chúng điều thêm một đại đội bảo an và nhiều cảnh sát tăng cường đến xã Nhơn Thiện để đàn áp cuộc đấu tranh. Chúng đánh chị Nguyễn Thị Chép đến trụ thai, đánh nhiều người bị thương, nhưng quần chúng vẫn không lùi bước. Cuối cùng, chúng chỉ chở được 6 người về quận Hòa Đa.

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân xã Hồng Trung bị tên Lê Văn Tròn, một người đã tham gia kháng chiến chống Pháp về đầu hàng và cộng tác với địch, điên cuồng chống phá. Tên Tròn chỉ điểm bắt hàng chục cán bộ, quần chúng cốt cán, dẫn địch khai hầm lương thực, hầm vũ khí của ta cất giấu trong căn cứ. Trước tội ác của tên Tròn, tổ Thanh niên do anh Năm Nhánh phụ trách gồm có các anh Tông, Dài, Lâu, Bé đã lên kế hoạch diệt tên ác ôn này. 9 giờ tối ngày 25/9/1955, anh Năm Nhánh

đến báo với tên Tròn là xóm bên tổ chức sòng bạc lớn và phát hiện người rải truyền đơn cho Việt cộng, nếu bắt được sẽ có tiền thưởng để đánh bạc. Tên Tròn theo anh Năm đến địa điểm ta phục kích, anh Năm đẩy tên Tròn ngã xuống đất, 4 thanh niên ập đến diệt hấn. Diệt tên Lê Văn Tròn là cuộc diệt ác đầu tiên của nhân dân Hồng Trung những năm đầu chống Mỹ cứu nước. Nó thể hiện ý chí của nhân dân vùng lên đấu tranh chống sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù. Tên Tròn bị diệt có tác động thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở địa phương, đồng thời đã gây tiếng vang lớn, làm thối động bọn nguy quân, nguy quyền, bọn tay sai phản động, hạn chế bớt tính hung hăng của bọn tề ấp, bọn đầu hàng phản bội cách mạng.

Sau các đợt đấu tranh trực diện bị địch đàn áp, Ban Cán sự Miền A và Miền 4 (Bắc Bình) hướng dẫn các làng viết đơn kiến nghị, ký tên theo vòng tròn vào bản kiến nghị đòi thi hành Hiệp định Giơ ne vơ để địch không tìm ra người đứng đầu và thay đổi phương pháp tổ chức quần chúng xuống đường. Nội dung các bản kiến nghị đều yêu cầu chính quyền Sài Gòn không được trả thù những người kháng chiến cũ, không gom dân vào khu tập trung, để dân tự do đi lại, làm ăn, tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước đúng thời gian quy định.

Trong khí thế chung, nhân dân các xã thuộc căn cứ Khu Lê Hồng Phong cũ đều tổ chức đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Ở Miền A, các đoàn biểu tình nối tiếp nhau, kéo đến cơ quan hành chánh địch đưa kiến nghị. Một số nơi chuẩn bị hai đoàn: đoàn chính đi trước, đoàn dự bị đi sau. Từ Long Sơn đến Suối Nước, Bàu Me, Bàu Tàng từng đoàn người tiến về Mũi Né. Có nơi, đồng bào buộc Hội đồng Hương chính xã dẫn đoàn biểu tình đến Nha Bang tá, Nha Hành chánh để đấu tranh như ông Thu Vân-Thư ký Hội đồng Hương chính xã Phú Trung dẫn đoàn ở Triền; các ông Nguyễn Hùng, Bùi Thân Thiện-Hội đồng Hương chính Long Sơn, dẫn đoàn Long Sơn. Nhờ có công tác chuẩn bị tốt, nên các đoàn có thể tiếp ứng cho nhau, đoàn này bị địch bắt, đoàn khác lại tiếp tục đấu tranh. Đoàn ở làng Suối Nước do ông Lê Minh Dân làm trưởng đoàn bị địch bắt cùng 4 người khác, lập tức đoàn thứ hai do ông Xưa lãnh đạo, tiến lên hô khẩu hiệu: "Không được bắt người vô cớ, phải thi hành Hiệp định", buộc địch phải thả 4 người, còn ông Dân bị chúng thủ tiêu.

Diễn hình nhất là cuộc đấu tranh có sự phối hợp của nhân dân các địa phương: Bàu Me, Bàu Sen, Bàu Ron, Bàu Thiêu khiêng xác anh Phạm Chút đi

đấu tranh. Sáng ngày 14/10/1955, địch bắn chết anh Phạm Chút ở Bàu Sen. Được sự hướng dẫn, phát động của các đồng chí Võ Thạch, Huỳnh Thị Cân... đồng bào khiêng xác anh Chút ra đồn Rạng đòi địch bồi thường nhân mạng. Bọn lính hốt hoảng đóng cửa đồn. Bà con khiêng xác anh Chút xuống Nha Phái viên Hành chánh Mũi Né, nhưng bị địch chặn các nẻo đường, đoàn người quay lại để xác anh Chút trước cửa đồn Rạng hô vang khẩu hiệu: "Đả đảo bọn giết người". Đến trưa, nhân lúc đồng bào tản đi ăn cơm, còn lại ít người, địch tập trung lực lượng đàn áp, cướp xác anh Chút đưa vào đồn Rạng phi tang.

Mặc dù bị địch đàn áp khủng bố, nhưng đồng bào ở các xã căn cứ Lê Hồng Phong cũ vẫn vững vàng tiếp tục đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ và giúp đỡ, nuôi dưỡng cán bộ ta ở lại rừng hoạt động bí mật. Cơ sở, cốt cán vẫn tiếp tục giữ liên lạc, hoạt động cách mạng.

Cùng với đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, cán bộ, đồng bào Miền 4 và Miền A cũng kiên quyết tẩy chay trò hề "trưng cầu dân ý", truất phế Bảo Đại (04/3/1955), "bầu cử quốc hội" ngày 23/10/1955, lập chính quyền tay sai của Mỹ do Ngô Đình Diệm đứng đầu. Đây là thủ đoạn

của Mỹ nhằm xóa bỏ Chính phủ tay sai thân Pháp tại miền Nam, vô hiệu hóa Hiệp định Giơnevơ, chia cắt lâu dài đất nước ta. Ngày 23/10/1955, đông đảo cử tri các xã đã tẩy chay trò hề này bằng nhiều cách: tránh lánh đi làm ăn xa, bầu chậm trễ, bầu bất hợp lệ, xé rách phiếu hoặc bỏ truyền đơn, bản kiến nghị đòi hiệp thương vào thùng phiếu, cãi lộn gây ẩu đả ở một số khu vực bỏ phiếu... Nhưng với trò gian xảo, cuối cùng Ngô Đình Diệm vẫn đắc cử. Ngày 26/10/1955, Diệm làm Quốc trưởng, lập Chính phủ Việt Nam cộng hòa. Y thẳng tay loại số tay sai thân Pháp, đưa số phản động thân Mỹ vào nắm chính quyền các cấp.

Qua đợt đấu tranh đòi Hiệp thương tổng tuyển cử, lực lượng cách mạng nhiều nơi bị lộ, địch khủng bố ráo riết. Phần lớn cán bộ hoạt động hợp pháp ở các địa phương phải ra rừng sống, hoạt động bí mật; một số phải chuyển vùng đi nơi khác. Số cán bộ hoạt động bí mật trước đây cũng bị địch phát hiện. Từ cuối 1955, phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn, tổn thất; có nơi không còn phong trào, có nơi nhân dân bị địch khủng bố rất nặng nề.

Sau đợt đấu tranh đòi địch thi hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà của ta, đến cuối 1955 địch dồn số đồng bào ở Dốc Găng, Trũng Lợi,

Dốc Rễ về xóm Cát Lợi - xã Lương Sơn; đồn đồng bào ở Dốc Đòn Gánh, Thái An về 4 làng phía Tây Chợ Lầu; đồn đồng bào trong căn cứ Hồng Liêm ra Quốc lộ 1.

Trước tình hình đó, tháng 5/1956, Tỉnh ủy Bình Thuận mở Hội nghị tại Xa Lôn (thuộc huyện Di Linh) kiểm điểm rút kinh nghiệm việc chỉ đạo đấu tranh đòi Hiệp thương vừa qua. Hội nghị nhận định, ta chưa hướng phong trào giữ đúng phương châm: có lý, có lẽ, có chừng mực, đã để bộc lộ lực lượng. Hội nghị chủ trương: Xây dựng cơ sở cốt cán mật trong các đối tượng ít liên quan đến người thoát ly, tập kết, theo phương thức ngấm cách, bắt rễ sâu chuỗi, đưa cơ sở vào xây dựng và nắm các tổ chức hợp pháp, bán hợp pháp, tập hợp quần chúng bằng mọi hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp. Lãnh đạo quần chúng đòi dân sinh dân chủ là chính, đồng thời chống địch khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ, đòi lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc và tuyên truyền về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ⁽¹⁾.

Đối với địch, sau khi đánh phá phong trào cách mạng của ta trong năm 1955, sang năm 1956, chúng

(1) Năm 1955, Mặt trận Dân tộc thống nhất đổi thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

càng đánh phá dữ dội hơn. Đặc biệt, khi tiến hành chiến dịch "tố cộng, diệt cộng" giai đoạn 2 (cuối 1955 đầu 1956), chúng tiến hành khủng bố, bắt bớ tù đày, bắn giết cán bộ, cốt cán, đồng bào với khẩu hiệu "Thà giết lầm hơn bỏ sót". Trọng điểm của chúng là vùng căn cứ giải phóng Hàm Tân, Lê Hồng Phong (cũ) và vùng đồng bằng Hàm Thuận..., trong đó Nhơn Thiện là điểm "tố cộng" đầu tiên.

Để thực hiện mưu đồ đó, chúng tăng thêm lực lượng bảo an, cảnh sát và đưa một đoàn binh định do tên Lô làm Đoàn trưởng, cùng với Hồng Đức và Hoàng Tiến là hai tên đã từng tham gia kháng chiến, nay đầu hàng phản bội, về Nhơn Thiện tiến hành mở đợt "tố cộng" thí điểm. Mặt khác, chúng củng cố lại bộ máy tề ngụy xã, ấp, khu, liên gia và ghép 5 gia đình thành một nhóm (gọi là ngũ gia liên bảo) để kiểm soát, quản lý chặt từng gia đình, từng người dân. Chúng phân loại các gia đình ra 5 thành phần⁽¹⁾ để phân biệt đối xử. Trong đó, gia đình có người đi tập kết, gia đình có người ở lại miền Nam hoạt động cách mạng, chúng gọi là "gia đình Cộng sản", là "gia đình thành phần". Để dễ theo dõi, chúng treo trước

(1) 5 thành phần là: gia đình có người đi tập kết, gia đình có người đi trốn rừng (hoạt động cách mạng), gia đình cầu an, gia đình quốc gia, gia đình tề đoàn xã hội.

mỗi nhà một tấm bảng có màu sắc khác nhau: bảng đỏ gia đình Cộng sản, bảng vàng gia đình tề đoan, bảng xanh gia đình quốc gia. Đối với quần chúng cốt cán, chúng chia ra làm 6 loại: "tập kết, thoát ly, tình nghi, tiêu cực, kháng chiến cũ, ở tù ra" để có đối sách trừng trị từng loại cụ thể. Ở trong làng, chúng phân biệt đối xử với từng loại gia đình như: gia đình bảng đỏ không được quan hệ và ngăn cấm không cho ai đến quan hệ; gia đình bảng vàng chúng cho theo dõi; gia đình bảng xanh tự do đi lại quan hệ giao thiệp... Tối đến, chúng ban bố lệnh "giới nghiêm", "thiết quân luật" từ 21 giờ đến 5 giờ sáng, ai có việc gấp, khi đi phải có đèn.

Cùng với thực hiện các biện pháp quản lý hành chánh gặt gao, địch đã liên tục mở các lớp "tổ cộng" bắt buộc những cán bộ, đảng viên không đi tập kết, ở lại gia đình, những gia đình có người thân đi tập kết, hoặc hoạt động cách mạng đều phải đi học. Chúng bắt những người đi học phải làm tờ đầu thú, làm phản tỉnh, làm tờ ly khai Đảng, ly khai chồng con, em và những người thân mà chúng gọi là Việt cộng. Chúng bắt những gia đình có người thân hoạt động nằm vùng phải cam kết kêu gọi người thân về đầu hàng, đầu thú. Thâm độc hơn là chúng bắt buộc những người cùng học phải khai báo, tố giác lẫn

nhau, bắt con phải tố cha mẹ, anh phải tố em, vợ phải tố chồng... Chúng bắt những người đảng viên phải đập lên cờ Đảng, xé cờ Đảng, nói xấu Cộng sản. Ngoài ra, chúng còn treo giải thưởng bằng một khoản tiền lớn cho ai bắt được Việt cộng. Mặt khác chúng lừa mị mua chuộc những người nhẹ dạ, đồng thời thẳng tay đàn áp khủng bố khốc liệt những người chúng cho là ngoan cố. Qua các đợt học tập tố cộng, chúng bắt bớ tra tấn tàn nhẫn hàng trăm quần chúng cốt cán cách mạng.

Ngày 27/02/1957, Tiểu khu Bình Thuận thành lập "Liên đoàn Công tác lưu động Bàu Thiêu" do tên Hồng Đức làm Liên Đoàn trưởng. Liên đoàn này muốn biến Lê Hồng Phong - vùng căn cứ cũ thành nơi truy bức cán bộ, đảng viên, đồng bào hòng làm nhụt ý chí chiến đấu của cán bộ, đảng viên và quần chúng nơi đây. Trong 8 tháng, "Liên đoàn" và Nha Hành chánh Mũi Né mở hàng trăm buổi học "tố cộng". Qua đó chúng khám phá, truy bắt nhiều cơ sở cốt cán. Phong trào cách mạng bị đánh phá ác liệt hơn từ khi tên Võ Xuân Viên (là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy) về đầu hàng giặc (03/7/1957). Đêm 04/11/1957, trước đông đảo đồng bào Nhơn Thiện, địch đưa Võ Xuân Viên ra tố giác cơ sở, buộc tội những người đã từng nuôi giấu, bảo vệ y. Viên tố:

"Gia đình Lê Thị Hiền - tiếp tế cho Việt cộng nhiều nhất; Lê Văn Ngư - anh của Hiền là cán bộ nằm vùng". Viên vừa bước xuống, chị Hiền vội lên khán đài nói to: "Tôi xin hỏi ông Viên vài điều, nếu ông biết Việt cộng không chánh nghĩa, tại sao ông theo Việt cộng làm đến Thường vụ Tỉnh ủy, dụ dỗ đồng bào, trong đó có anh Ngư, làm cho gia đình tôi bị quốc gia nghi kỵ, liên lụy khổ đau. Các ông đói, đồng bào cho ăn, nay lại tố cáo ? Sao ông không dẫn anh Ngư về quy chánh..."⁽¹⁾. Ở Bà Thieu, khi tên Viên tố: "Việt cộng tàn ác", một cụ già liền đứng lên chất vấn: "Ông Viên nói thế, vậy ông làm đến Thường vụ Tỉnh ủy thì tội ác đến mức nào?". Viên ấp úng cúi mặt. Sau gần 2 tháng tố cộng khắp Khu Lê Hồng Phong, theo sự tố giác của Viên, nhiều cán bộ, cơ sở cốt cán và quần chúng cách mạng bị bắt bớ, tù đày, tra tấn; cơ sở bị vỡ, phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn. Đối với những gia đình "thành phần Cộng sản" thì chúng khống chế, quản lý gắt gao. Một số gia đình cách mạng bị chúng tịch thu tài sản. Tỉnh trưởng Lưu Bá Châm đến Nhơn Thiện tuyên bố: "Nếu dân còn nghe lời Việt cộng, thì Nhơn Thiện này không còn một người".

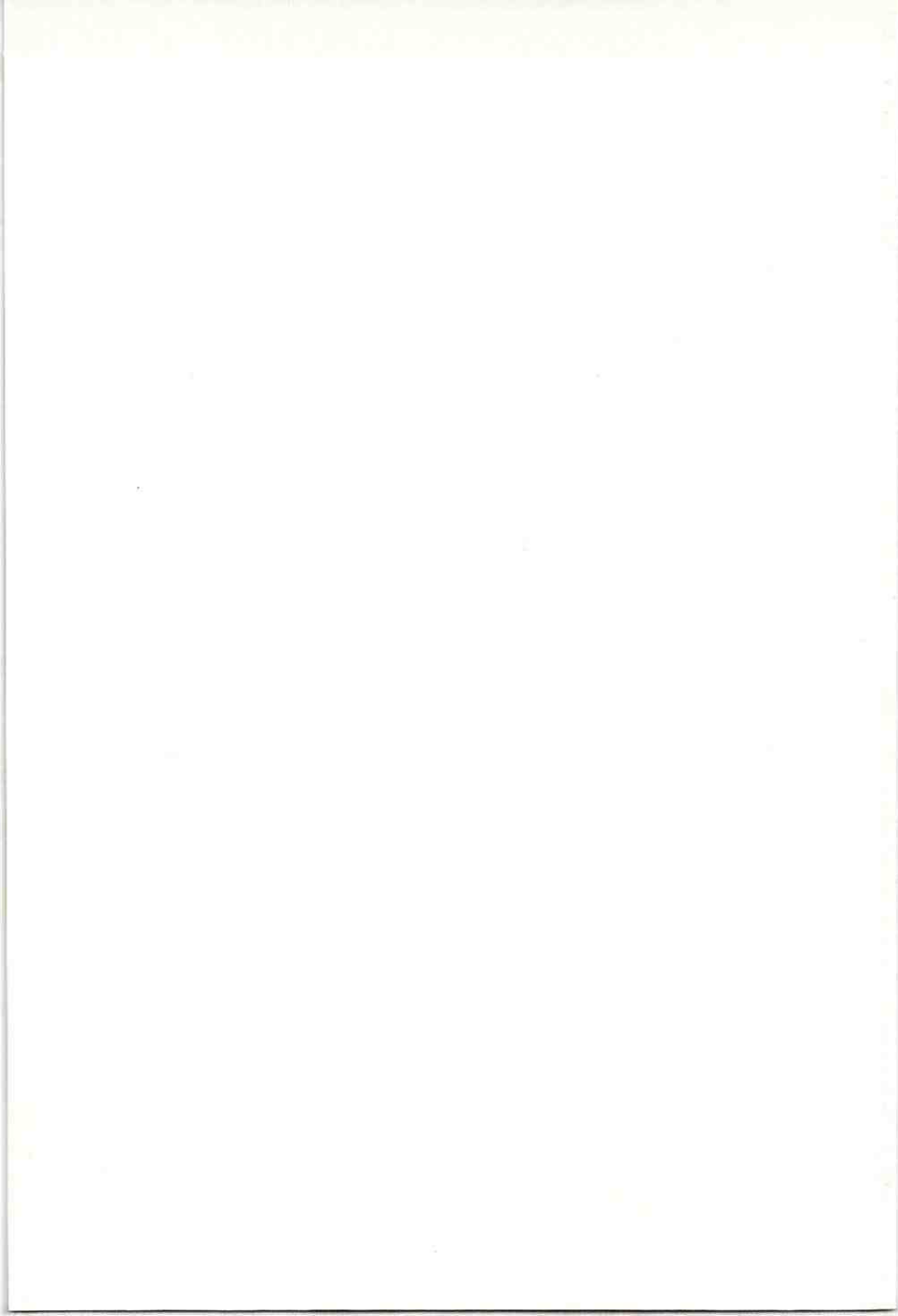
(1) Bà Lê Thị Hiền là vợ đồng chí Nguyễn Tương, đảng viên từ năm 1931, đại biểu Quốc hội khóa I, Chủ nhiệm Việt Minh và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đi tập kết ra miền Bắc tháng 10/1954.

Với chính sách "tố cộng, diệt cộng" tàn bạo của kẻ thù, hàng trăm cán bộ, đảng viên, hầu hết cán bộ chủ chốt về sống hợp pháp trong dân ở các địa phương lần lượt bị địch bắt, bị tù đày. Trước những thủ đoạn tra tấn tàn bạo của kẻ thù, phần lớn cán bộ, đảng viên bị bắt vẫn giữ được khí tiết, không khai báo cơ sở, một lòng kiên trung với cách mạng. Song, cũng có người do không chịu nổi cực hình tra tấn đã đầu hàng, phản bội khai báo, cầu an, cam chịu làm tay sai, tiếp tay địch, gây nhiều tổn thất cho cách mạng. Ngày 08/3/1956, Hồ Thuận, Võ Công đã phản bội, dẫn cảnh sát ngụy vào bao vây căn cứ xã Hồng Trung tại lán Ông Diên, bắt đồng chí Đinh Quế - Bí thư xã, bắn chết đồng chí Trần Nhật Quang. Ngày 04/01/1957, Lê Hữu Lý - cán bộ Miền A phản bội dẫn địch đánh vào căn cứ tại Rừng Rít, bắn chết đồng chí Huỳnh Hà - Bí thư và Hồ Đức Hậu - Phó Bí thư, trong lúc các đồng chí trong Ban Cán sự đang họp bàn giao giữa đồng chí Võ Khánh Tồn thay đồng chí Huỳnh Hà làm Bí thư Miền A.

Với chính sách "tố cộng, diệt cộng" địch không những tăng cường bắt bớ, khủng bố những người kháng chiến cũ, mà còn bày trò phá hoại hạnh phúc gia đình cán bộ cách mạng. Một mặt, chúng khủng bố khống chế, mặt khác dụ dỗ mua chuộc. Chúng ép

buộc chị em phụ nữ có chồng đi tập kết, hay ở lại hoạt động, phải ly khai chồng, đồng thời khuyến khích, khen thưởng cho bọn ác ôn, bọn bình định, cảnh sát, sĩ quan, binh lính nào lấy được vợ "Việt cộng". Trước những âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của địch, do bị khống chế ép buộc, do hoàn cảnh kinh tế và nhiều lẽ khác đã có một số chị bị sa ngã, nhưng hầu hết chị em đều vững vàng.

Cùng với việc tổ chức học tập tổ cộng, truy lùng bắt bớ, đánh phá cơ sở bên trong, địch tăng cường huy động lực lượng bảo an, dân vệ lùng sục đánh phá vào căn cứ ở ngoài rừng để truy tìm cán bộ, phát hiện kho tàng của ta. Nhiều cuộc truy lùng diễn ra hàng ngày, hàng trăm cán bộ, đảng viên và cơ sở cách mạng bị bắt bớ, tù đày, tra tấn, đánh đập dã man. Sự liên lạc giữa cơ sở bên trong với các đồng chí cán bộ ở lại hoạt động ngoài rừng bị đứt; hoạt động của cán bộ thoát ly gặp rất nhiều khó khăn, không có lương thực, thực phẩm để ăn. Sống và hoạt động trên một vùng cát khô, rừng thấp mà phải thực hiện phương châm "đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng" rất khó khăn gian khổ. Có trường hợp cán bộ bị lạc từ 5 đến 7 ngày giữa rừng Ô rô, nhịn đói, nhịn khát, phải ăn trái rừng sống qua ngày, chờ đồng đội và phải luôn đối phó với lũ cọp đói trong rừng.





Giếng Bà Thiêu
ở căn cứ Khu Lê Hồng Phong.

Để khắc phục tình hình đó, ta phải chuyển phương thức hoạt động theo đơn tuyến với phương châm "nứt nhánh, khâu chuỗi". Cơ sở phải thay tên đổi họ, dùng bí danh, biệt hiệu để liên lạc hoạt động, như: các anh Sáu Tà Bo, Trần Mẫn, Lê Nhịn, Mai Dần, chị Lê Thị Hiền... (ở Hồng Chính) lấy biệt hiệu là: Cá thu, cá ngừ, cá mè, cá nục, cá đối, cá cơm...; các anh Trần Tạng, Trần Ôn, Huỳnh Sen, Nguyễn Được, chị Nguyễn Nhỏ, Trần Thị Ké, Huỳnh Thị Ếch, Nguyễn Thị Giác... (ở Hồng Lâm) dùng biệt hiệu là gạo nếp, gạo tẻ, đậu trắng, đậu đen, đậu xanh, dứa, bắp...; các anh Nguyễn Châu Sâm, Nguyễn Côi, Trần Phiến, Nguyễn Thiện... (ở Hồng Thắng), dùng biệt danh là cây cau, cây trầu, cây chuối ...

Đầu năm 1957, Khu ủy Khu VI chủ trương chuyển đại bộ phận cán bộ lãnh đạo ra sống hợp pháp, tạo điều kiện hoạt động công khai, với phương châm là cán bộ xã, thôn chuyển trước, cán bộ huyện, tỉnh chuyển sau. Theo tinh thần đó, phần lớn các đồng chí cán bộ trên địa bàn Lê Hồng Phong cũ đổi vùng chuyển vào thế hợp pháp. Những đồng chí trụ lại căn cứ, sống tránh lánh là chính. Một số gia đình cách mạng, cơ sở trung kiên các xã căn cứ cũ do địch o ép đã chạy ra rừng sinh sống. Sau một thời gian thực hiện chủ trương chuyển vùng công tác, hầu hết

cán bộ chủ chốt cũng bị lộ, bị địch bắt tù đầy, một số nơi không còn cán bộ lãnh đạo, trở thành vùng trắng.

Khi đồng chí Võ Khánh Tôn về làm Bí thư Miền A, đến tháng 7/1957, Tỉnh giao hai xã Hồng Lâm, Hồng Chính của Bắc Bình về cho Miền A. Ban Cán sự được củng cố lại do đồng chí Võ Khánh Tôn làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Được, Lê Ngự làm ủy viên và phân công: Đồng chí Võ Khánh Tôn phụ trách chung và phụ trách xã Hồng Trung, Xa Ra, Tuy Hòa; đồng chí Nguyễn Được phụ trách Gộp, Hồng Liêm, Hồng Lâm, Hồng Thắng, Tăng Phú (xã Hòa Phú), đồng thời làm Bí thư xã Hồng Lâm; đồng chí Lê Ngự phụ trách Rạng, Mũi Né, Hồng Chính. Đến tháng 11/1957, đồng chí Nguyễn Được, Lê Ngự bị địch bắt (do cơ sở phản), Ban Cán sự chỉ còn đồng chí Võ Khánh Tôn và hai cán bộ là đồng chí Trương Vũ Đức và Nguyễn Văn Nhâm. Đầu năm 1958, tỉnh rút đồng chí Võ Khánh Tôn về Hàm Thuận, đồng chí Nguyễn Ngô (Sáu Ninh) từ Hàm Tân về thay làm Bí thư Ban Cán sự Miền A.

Tháng 12/1957, đồng chí Trần Văn Tình (Sáu Tình) từ Hàm Tân chuyển ra Bắc Bình, được phân công đến công tác ở xã Nhơn Thiện (Hòa Thắng). Lúc này cơ sở ở đây không còn hoạt động, bộ phận công tác chỉ còn 2 đồng chí Trần Văn Tình và Trần Cung.

Từ năm 1958, dịch tiếp tục "tố cộng" đợt III, đánh phá phong trào ác liệt hơn. Đây là thời kỳ phong trào quần chúng và các tổ chức Đảng ở Khu Lê Hồng Phong cũ gặp nhiều khó khăn. Với Luật 10/59, chúng đặt những người Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Nhiều đảng viên còn lại tiếp tục bị bắt, như: đồng chí Nguyễn Hạp (Hai Hạp) ở Lương Sơn, Nguyễn Thành Danh, Đinh Huy Hoán ở Hồng Thái; Huỳnh Thái Cần, Ngô Nở, Ngô Nhạn, Lê Duy Hiến... Ngày 09/12/1959, chúng bắn chết 2 cán bộ xã Hồng Trung là Nguyễn Văn Thời và Trần Ngọc Thuận tại Đường Ngang. Đến cuối 1959 đồng chí Trần Cung hy sinh.

Trong hai năm 1958, 1959, số cán bộ bám trụ hoạt động ở Khu Lê Hồng Phong cũ hy sinh, bị bắt gần hết, chỉ còn lại một số ít hoạt động bất hợp pháp như: đồng chí Lê Thanh Hải, Trần Văn Tình, Đặng Bá Sang, Nguyễn Ninh (Ngô), Nguyễn Văn Nhâm, Trương Vũ Đức.... Huyện Bắc Bình chỉ còn vài cơ sở đơn tuyến ở Nhơn Đức, Nhơn Thiện (Hòa Thắng) và Hiệp Hòa (Hồng Thái). Quần chúng cốt cán bên trong không liên lạc được với bên ngoài. Trong khi đó, dịch thực hiện kiểm soát gắt gao, hàng ngày đồng bào đi làm rẫy chỉ được đem cơm vắt hoặc cơm nấu để trong nồi, chúng không cho đem gạo, sợ đồng bào tiếp tế cho cách mạng.

Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn ác liệt đó, bên cạnh số cơ sở cốt cán nằm im không dám tiếp xúc với cách mạng, cũng còn một số cơ sở cốt cán như: chị Dương Thị Huệ, Phan Thị Thuận, Nguyễn Thị Bích,... len lỏi đưa từng lon gạo, lon nước ra rẫy rồi nhin ăn nhường phần cho cán bộ. Nhiều gia đình để cả rẫy mì tiếp tế cho cách mạng. Rẫy mì của chị Bích, chị Lê Thị Hiền là kho lương thực của cán bộ Miền A. Nhờ vậy mà các đồng chí hoạt động thoát ly còn lại, có điều kiện tiếp tục bám địa bàn, móc nối xây dựng cơ sở bên trong.

Tháng 5/1958, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương xây dựng lại căn cứ địa cách mạng, thành lập lực lượng vũ trang, tự vệ ở đồng bằng và miền núi. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Thuận, Huyện ủy Bắc Bình, Miền A tiếp tục bố trí cán bộ bám địa bàn, móc nối cơ sở bên trong. Đồng chí Trần Văn Tình được phân công bám trụ ở Nhơn Thiện, đồng chí Đặng Bá Sang bám trụ ở Lương Sơn, Hiệp An, đồng chí Cao Cẩn bám trụ ở Hiệp Hòa, Hiệp Thành, v.v... Sau nhiều ngày đêm nằm phục, chờ đợi đồng bào đi qua để móc nối, liên lạc, đồng chí Trần Văn Tình móc nối, gây dựng được cơ sở, lập được đội công tác ở xã Nhơn Thiện gồm các đồng chí: Nguyễn Hược, Nguyễn Thành (Mẫn), Lê Nhịn, Huỳnh Na, Lê Điền,

Nguyễn Hồng, do đồng chí Trần Văn Tình làm mũi trưởng. Từ đó, đội công tác tiếp tục móc nối, xây dựng cơ sở trong xã, tổ chức hộp thư, hình thành các mối liên lạc, nắm tình hình báo tin, tiếp tế lương thực. Giữa năm 1959, đồng chí Phạm Hoài Chương được Tỉnh ủy phân công phụ trách bộ phận công tác đặc biệt về Nhơn Thiện xây dựng vùng căn cứ bí mật và hỗ trợ cho phong trào chính trị nơi đây.

Cuối năm 1959, sau khi được Liên tỉnh III phổ biến tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương⁽¹⁾, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương "Tích cực móc nối cơ sở, củng cố phong trào đấu tranh của quần chúng...". Tinh thần Nghị quyết 15 Trung ương Đảng như luồng sinh khí mới, tiếp thêm sức mạnh cho phong trào cách mạng phát triển. Những tháng cuối năm 1959, lực lượng cơ sở ở Hồng Lâm, Hồng Chính phát triển khá mạnh có tác động đến Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh thúc đẩy phong trào phát triển, hình thành các tổ trung kiên, nòng cốt, tự vệ mật.

(1) Tháng 01/1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là "lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc phong kiến, xây dựng chính quyền cách mạng của nhân dân".

Ngày 02/9/1959, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định thành lập đơn vị lực lượng vũ trang đầu tiên của tỉnh trong kháng chiến chống Mỹ, lấy tên là "Đơn vị 2/9" do đồng chí Phạm Hoài Chương phụ trách. Đơn vị 2/9 có nhiều người là con em Nhơn Thiện (xã Hòa Thắng ngày nay). Những thanh niên ở Nhơn Thiện thoát ly tham gia cách mạng đầu tiên trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ xâm lược đó là các anh: Huỳnh Kích, Trần Ngọc Anh (Nã), Trần Thơ, Nguyễn Hùng, Lê Nhịn (Tâm), Huỳnh Na, Biền Hanh, Lê Đức Thiện, Lê Văn Minh, Nguyễn Đoàn Tụ, Biền Lên, Biền Vọng, Nguyễn Tương, Nguyễn Văn Hối (Thiếu), Trung, Mạo, Sang (anh Sang về lại gia đình bị địch bắt ở tù, anh Mạo về lại, sau này thoát ly, hy sinh) ⁽¹⁾.

Chỉ trong một thời gian ngắn, đơn vị 2/9 đã lập chiến công xuất sắc, tiêu diệt Chi khu quận lỵ Hoài Đức (31/7/1960), phá khu Dinh điền Bắc Ruộng, diệt và làm bị thương 300 tên địch, thu hàng trăm súng, đưa hơn 4.000 đồng bào dân tộc về lại buôn làng cũ.

(1) Theo đồng chí Phạm Hoài Chương: 20 thanh niên ở xã Nhơn Thiện tham gia kháng chiến lúc đầu không có Lê Nhịn mà có Biền Lợi, Lai, Thiếu, Thân... Sau đó đồng chí Tương về Văn phòng Tỉnh ủy, đồng chí Thiếu, Lai về giao liên tỉnh, số còn lại thuộc đơn vị 2/9.

Tiếp đến ta tiêu diệt đồn Cỏ Môm (27/9/1960), phá khu tập trung Gia Le, giải phóng hàng trăm đồng bào dân tộc khỏi ách kềm kẹp của địch, làm chủ núi rừng, xây dựng căn cứ.

Trước tình hình phát triển của phong trào, Tỉnh ủy chủ trương "đẩy mạnh hoạt động chính trị có vũ trang, nhanh chóng phát triển xuống đồng bằng, diệt ác, phá kềm giành quyền làm chủ, xây dựng chính quyền tự quản, phát triển thực lực cách mạng, mở rộng phong trào" ⁽¹⁾. Theo tinh thần đó, tháng 11/1960 Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương "Tấn công tiêu hao, tiêu diệt địch, phá vỡ bộ máy nguy quyền, làm vô hiệu hóa bộ máy tề điệp, diệt bọn ác ôn, tạo điều kiện cho nhân dân vùng lên đồng khởi, giải phóng dân, xây dựng lại căn cứ, động viên nhân tài vật lực cho cách mạng".

Thực hiện chủ trương giải phóng đất, giải phóng dân, mở rộng vùng căn cứ, Tỉnh quyết định tấn công Nha Thiện Phú là Nha Phái viên Hành chính phụ trách 2 xã Nhơn Thiện, Long Phú (nay là xã Hoà Thắng và Hồng Phong thuộc huyện Bắc

(1) Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thuận Hải, trang 53.

Bình). Tỉnh thành lập Ban Chỉ huy trận đánh gồm các đồng chí: Phạm Hoài Chương - Trưởng ban Quân sự Tỉnh, làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Lê Thanh Hải (Mười Râu) - Bí thư Huyện ủy, làm Chính trị viên; đồng chí Hồ Hồng và đồng chí Nguyễn Minh Quyết làm Chỉ huy phó.

Sau một thời gian theo dõi nắm được quy luật hoạt động của địch, 15 giờ 45 phút ngày 09/12/1960, một bộ phận đơn vị 2/9 phối hợp với Đội Công tác Nhơn Thiện cải trang, dùng 02 xe chở khách làm phương tiện chuyển quân, tập kích vào đồn bảo an Nha Thiện Phú và trụ sở Hội đồng xã Nhơn Thiện. Ta diệt tại chỗ tên Thiếu úy Tư - Đồn trưởng và tên Lô - Thư ký Hội đồng xã, bắn bị thương tên Trung sĩ Đỗ Công Cán phụ trách an ninh 2 xã và nhiều tên khác, bắt cảnh cáo gần 30 tên tề xã, ấp, thu 7 súng, tài liệu và chiến lợi phẩm. Sau đó, ta tổ chức mít tinh, có hàng trăm đồng bào tham dự, đồng chí Lê Thanh Hải trực tiếp nói chuyện với bà con vùng căn cứ cũ, khơi dậy lòng yêu nước, chí căm thù giặc. Phấn khởi trước thắng lợi, 30 thanh niên tham dự mít tinh, hăng hái tình nguyện thoát ly gia nhập lực lượng vũ trang. Trận đánh Nha Thiện Phú thắng lợi, tuy ta không giữ được lâu, nhưng đã làm địch hoang

mang dao động. Đây là trận đánh địch đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ trên chiến trường Lê Hồng Phong cũ, chấm dứt thời kỳ đấu tranh chính trị đơn thuần, mở ra thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang. Chiến thắng làm nức lòng nhân dân, phát triển một giai đoạn mới của phong trào cách mạng địa phương.

Như vậy, giai đoạn 1954 - 1960 là những năm thử thách gay go quyết liệt đối với nhân dân khu Lê Hồng Phong. Từ một vùng căn cứ kháng chiến, có Đảng lãnh đạo, có chính quyền và đoàn thể cách mạng, có lực lượng vũ trang, bán vũ trang đã trở thành vùng địch kiểm soát. Kẻ thù dùng mọi thủ đoạn âm mưu và cả Luật 10/59 phát xít để đánh phá phong trào cách mạng, đàn áp khống chế nhân dân, hòng tách dân ra khỏi cách mạng, làm cho cách mạng không còn chỗ dựa. Nhưng, với truyền thống cách mạng và lòng yêu nước nồng nàn, đồng bào vùng căn cứ kháng chiến cũ vẫn luôn giữ vững niềm tin đối với Đảng, đối với cách mạng; rèn luyện ý chí kiên trung, bất khuất, vượt qua gian khổ, khó khăn, xây dựng và bảo tồn lực lượng; tiếp tục xây dựng căn cứ, góp phần tích cực vào công cuộc kháng chiến.

2. Thành lập lại huyện Lê Hồng Phong làm căn cứ kháng chiến, góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - Ngụy (1962 - 1966).

Sau chiến thắng Nhơn Thiện, phong trào cách mạng khu căn cứ kháng chiến cũ càng phát triển nhanh chóng. Thanh niên trong vùng địch tạm chiếm ra chiến khu tham gia lực lượng vũ trang tỉnh và đội công tác, mũi công tác ngày càng nhiều.

Để phát động phong trào quần chúng bên trong, ta tổ chức diệt bọn ác ôn có nợ máu trong thời kỳ địch thực hiện "tố cộng". Đội vũ trang công tác diệt một số tên cảnh sát và tề xã ở Nhơn Thiện; tên Nữ ở Hiệp Hòa, tên phó Thiên ở Hiệp An, Lê Được (năm 1961) ở Lương Sơn, tên Chứa - cảnh sát ở Bàu Thiêu, tên Ngôn ở Giồng Triền, tên Lê Văn Hai (Tiêu) ở Bàu Ghe ... Hoạt động diệt ác đã làm bộ máy kèm của địch ở các xã căn cứ cũ giảm hiệu lực.

Cơ sở cách mạng ở Thiện Ái, Nhơn Hòa, Nhơn Đức, Nhơn Long... phát triển khá nhanh, phong trào đấu tranh của quần chúng đã chuyển lên một bước mới. Thông qua phong trào, những cơ sở tích cực, đủ tiêu chuẩn được kết nạp vào Đảng và hình thành tổ

chức Đảng. Ở Nhơn Thiện thành lập Xã ủy (có 3 chi bộ ở 3 làng Thiện Ái, Nhơn Hòa, Nhơn Đức) do đồng chí Trần Văn Tình làm Bí thư, Huỳnh Thạnh (Chà), Nguyễn Thành (Mấn), Nguyễn Phương làm ủy viên. Chi bộ làng Thiện Ái (Hồng Chính) có 3 đảng viên, do đồng chí Phan Đại làm Bí thư. Riêng làng Nhơn Long (Hồng Thắng) lúc này chưa có đảng viên. Xã Hồng Thanh lập chi bộ gồm 5 đảng viên, do đồng chí Phạm Ngọc Đăng làm Bí thư, Ngô Thương - Phó Bí thư. Chi bộ xã Hồng Trung có 4 đảng viên, do đồng chí Bùi Thân Thiện làm Bí thư, Hà Ngọc Lân (Luồng) - Phó Bí thư. Chi bộ xã Hồng Thịnh do đồng chí Lê Nguyên phụ trách, sau đó đồng chí Nguyễn Tấn Đạt được cử làm Bí thư Chi bộ.

Để làm nòng cốt cho hoạt động vũ trang, hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, đồng thời tạo điều kiện xây dựng vùng căn cứ cách mạng của tỉnh, ngày 25/7/1961 huyện Bắc Bình quyết định thành lập đơn vị vũ trang tập trung lấy tên là đơn vị "Quang Trung", sau đó đổi tên là đơn vị 440 do đồng chí Phan Văn Hiếu (Sáu Thảo) chỉ huy. Lễ thành lập được tổ chức tại rừng Thái An, quân số lúc đầu có 10 đồng chí, sau phát triển lên 30 đồng chí, hầu hết là con em đồng bào căn cứ Lê Hồng Phong cũ.

Ngày 13/9/1961, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp cùng lực lượng địa phương huyện (C440) tấn công địch ở Trường Bia - Lương Sơn, diệt 2 ác ôn (Bân và Bôi), bắt sống 1 trung đội địch, thu toàn bộ vũ khí. Sau đó ta vũ trang tuyên truyền vào xã Nhơn Thiện, địch hốt hoảng rút chạy về quận Hòa Đa, xã Nhơn Thiện được giải phóng. Khi ta giải phóng Nhơn Thiện, địch ở Bàu Thiêu rút chạy về quận Hải Long (Mũi Né). Nhân dân Nhơn Thiện và Bàu Thiêu (Hong Phong) nổi dậy phá banh khu tập trung, san bằng Nha Phái viên Hành chính Thiện Phú (đóng ở Bàu Thiêu). Hàng trăm thanh niên hăng hái tình nguyện thoát ly tham gia cách mạng, gia nhập quân giải phóng, tham gia vào đội công tác các xã.

Sau khi xã Nhơn Thiện được giải phóng, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với lực lượng địa phương, các đội công tác liên tục tấn công địch, vũ trang tuyên truyền vào các vùng Bàu Thiêu, Bàu Đế, Suối Nước, Long Sơn, Bàu Me, Bàu Tàng, Bàu Điền... Lính bảo an ở đây bỏ chạy, bọn dân vệ và bộ máy tề ngụy tan rã, nhân dân các vùng nói trên chuyển vào rừng xây dựng căn cứ, lập lại xã, thôn, hình thành vùng căn cứ liên hoàn. Sau khi giải phóng hai xã Nhơn Thiện và Thiện Nghiệp, ta tổ chức lại thành 6 xã (lấy tên truyền thống như trong kháng

chiến chống Pháp): Hồng Lâm (Bình Nhơn), Hồng Chính (Bình Thiện), Hồng Thắng (Hưng Long), Hồng Trung (Bàu Thiêu), Hồng Thịnh (Bàu Tàng, Bàu Me, Bàu Sen), Hồng Thanh (Rừng Ngang).

Tháng 02/1962, các xã tiến hành tổ chức Hội nghị đại biểu nhân dân, thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng và các đoàn thể cách mạng: Nông dân, phụ nữ, thanh niên; lực lượng công an và xã đội. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể được đẩy mạnh.

Chi bộ xã Hồng Chính có 6 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Thành làm Bí thư, đồng chí Võ Lai làm Phó Bí thư phụ trách Công an. Ông Trần Khánh Mỹ làm Chủ tịch Mặt trận, ông Nguyễn Đôn làm Phó chủ tịch, ông Trần Bàu làm Ủy viên Thư ký, ông Phan Cơ - ủy viên làm Xã Đội trưởng. Hội Phụ nữ xã do chị Nguyễn Thị Ngự làm Hội trưởng; Hội Nông dân do anh Huỳnh Thỏ làm Hội trưởng; Hội Thanh niên giải phóng do anh Võ Di làm Xã Đoàn trưởng. Xã được tổ chức thành 4 thôn: thôn 1 ở khu vực rừng Hầm và rừng Chùa, thôn 2 ở khu rừng Gò Cà, thôn 3 thuộc vùng rừng Rẫy Hậu và thôn 4 thuộc khu Rừng Lớn ⁽¹⁾.

(1) Đến cuối năm 1963, xã Hồng Chính còn lại 2 thôn, 3 và thôn 4, chuyển thành xã Hồng Thanh.

Xã Hồng Lâm hình thành một chi bộ, có 11 đảng viên, do đồng chí Huỳnh Thạch làm Bí thư, đồng chí Trần My làm Phó Bí thư. Ông Huỳnh Thích làm Chủ tịch, ông Lê Điểm làm Phó Chủ tịch, ông Huỳnh Sen làm Ủy viên Thư ký, ông Trần Công My làm Trưởng Công an xã, ông Nguyễn Phượng làm Xã Đội trưởng, chị Nguyễn Thị Thiêm làm Hội trưởng Phụ nữ, ông Trần Tạng làm Hội trưởng Hội Nông dân. Hội Thanh niên giải phóng do các anh, chị Huỳnh Thanh Chương, Nguyễn Thị Lừa, Nguyễn Xê, Nguyễn Thị Phương phụ trách. Xã tổ chức thành 2 thôn: thôn 1 thuộc vùng rừng Hồ Đất và thôn 2 thuộc khu vực Rừng Rú.

Xã Hồng Thắng do ông Nguyễn Huệ làm Chủ tịch, ông Lê Quang Vịnh làm Phó Chủ tịch (sau đó làm Chủ tịch), ông Võ Trường Sanh làm Trưởng Công an xã, ông Trần Thiện làm Xã Đội trưởng. Hội Nông dân giải phóng do ông Nguyễn Tường phụ trách. Hội Phụ nữ giải phóng do chị Lê Thị Xá phụ trách. Hội Thanh niên giải phóng do chị Nguyễn Thị Trung phụ trách. Xã chỉ có 01 đảng viên, không đủ điều kiện thành lập chi bộ. Xã tổ chức thành 2 thôn: thôn 1 là khu rừng Nhu và thôn 2 là khu rừng Xác Mấu.

Xã Hồng Trung thành lập 01 chi bộ gồm 4 đảng viên, do đồng chí Bùi Thân Thiện làm Bí thư, đồng chí Hà Ngọc Lân (Luông) làm Phó Bí thư; Ông Hà Minh Chánh (tức Lộng) làm Chủ tịch Mặt trận xã; ông Hà Trung Thành làm Xã Đội trưởng. Sau đó ông Tám Sói thay ông Hà Minh Chánh giữ chức Chủ tịch Mặt trận xã, ông Long Gia thay ông Hà Trung Thành làm Xã Đội trưởng. Ông Hai Tuân phụ trách Thông tin tuyên truyền. Hội phụ nữ xã do chị Năm Thường phụ trách. Anh Bảy Vương phụ trách Xã đoàn - Văn nghệ và Văn hóa xã.

Xã Hồng Thịnh do ông Nguyễn Văn Hoa làm Chủ tịch, ông Phan Văn Thu làm Phó Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Tấn Đạt được cử làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Nguyễn Thăng Long làm Xã Đội trưởng.

Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, nhân dân các xã tích cực xây dựng căn cứ vững mạnh, ổn định thế ăn ở, bước đầu tổ chức bố phòng, xây dựng và phát triển lực lượng dân quân du kích. Mỗi xã có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội du kích, mỗi thôn có từ 1 tổ đến 2 tiểu đội dân quân.

Để chỉ đạo phong trào cách mạng trong các vùng giải phóng, khoảng tháng 5/1962, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định thành lập lại huyện Lê Hồng

Phong. Huyện Lê Hồng Phong phía Bắc giáp với Bắc Sơn (lấy con Sông Lũy làm ranh giới), phía Đông Nam giáp biển, phía Tây Nam giáp huyện Hàm Thuận và Miền A (năm 1966 đổi thành huyện Thuận Phong)⁽¹⁾. Huyện căn cứ Lê Hồng Phong gồm các xã: Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh. Sau một thời gian ta nhập thêm 02 xã Hồng Sơn⁽²⁾, Hồng Liêm (các xã giải phóng của Miền A) và các xã vùng tạm bị chiếm gồm Phú Hải, Hồng Thái, Lương Sơn, Bàu Ốc, Gộp, Tà Nung, Rạng, Mũi Né. Đến tháng 12/1962, huyện Lê Hồng Phong có gần 4.000 dân vùng giải phóng (lúc này dân số các xã giải phóng toàn tỉnh khoảng 7.400 người). Đến tháng 10/1966, huyện Lê Hồng Phong có thêm các xã: Chợ Lầu, Liêm Bình, Phan Rí Thành, Phan Rí Cửa.

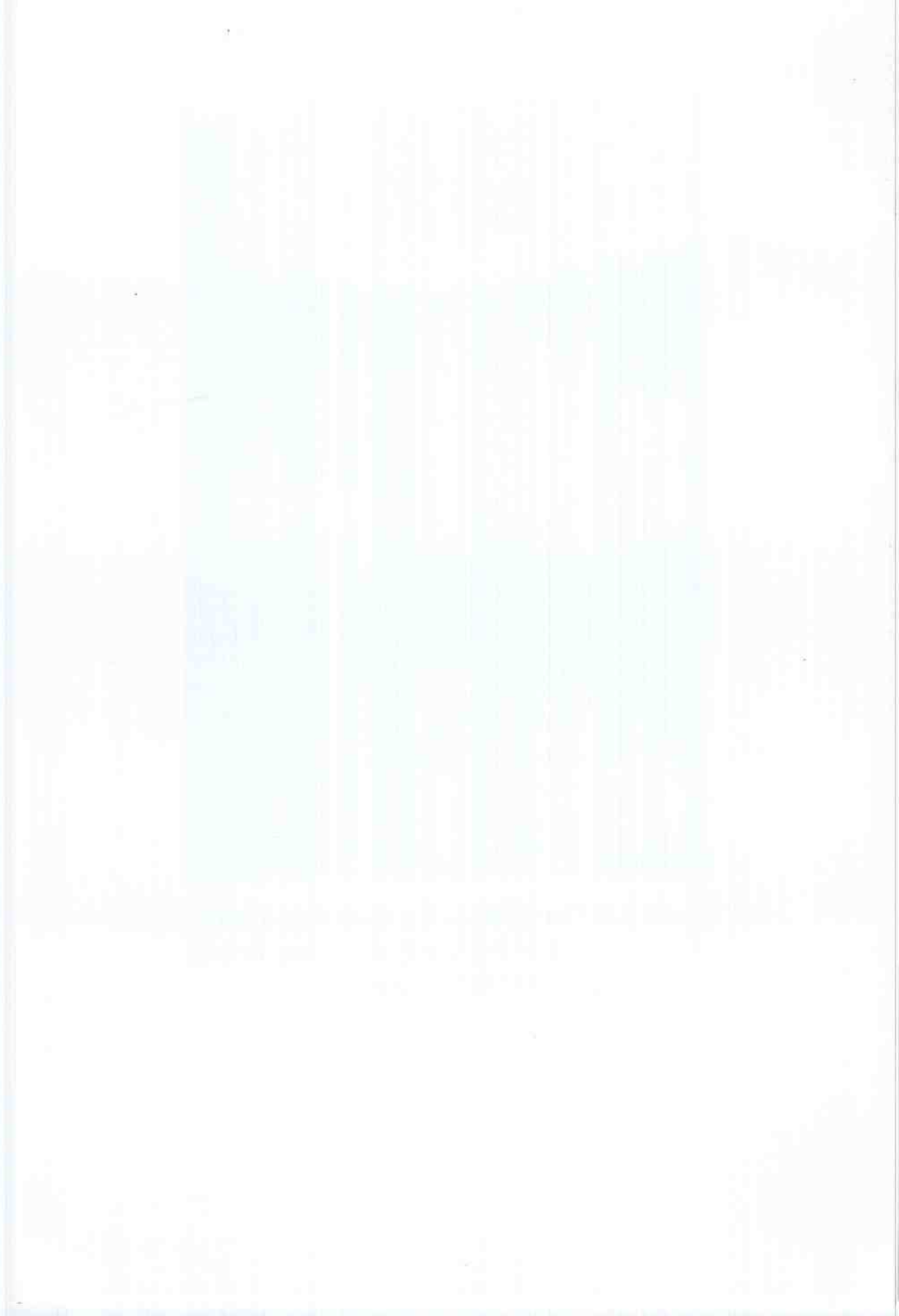
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện từ 1962 đến 1964 gồm có các đồng chí: Lê Thanh Hải - Thường vụ Tỉnh ủy - Bí thư, Nguyễn Thanh Tâm (Bảy Tâm, Rợ) làm Phó Bí thư, 2 đồng chí Trần Văn Tình và

(1) Bờ Nam Sông Lũy chạy ra biển, cắt ngang núi Tà Dôn ra Đá Ông Địa thuộc huyện Lê Hồng Phong; từ bờ Bắc Sông Lũy trở ra gồm 2 huyện Tuy Phong, Phan Lý và một số xã còn lại của huyện Bắc Bình, thành lập Ban Cán sự Bắc Sơn.

(2) Một số dân xã Hồng Sơn bỏ ấp chiến lược Xóm Chùa, ra lập căn cứ Hồng Sơn.



Đồng chí Lê Thanh Hải - Ủy viên Ban Thường vụ
Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong
từ 1962 - 1964.



Trần Cung (Ba Cung) - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy. Huyện ủy viên gồm có các đồng chí Đặng Bá Sang, Nguyễn Anh Dũng (Dũng Râu) ⁽¹⁾. Đến giữa năm 1964, đồng chí Lê Thanh Hải từ trần, Tỉnh ủy bổ sung đồng chí Trần Văn Tình vào Tỉnh ủy viên, làm Bí thư Huyện ủy, rút đồng chí Nguyễn Thanh Tâm (Bảy Tâm, Rợ) chuyển về tỉnh công tác. Năm 1965, Huyện ủy bổ sung các đồng chí Bảy Lam (làm Trưởng Công an huyện, đồng thời làm trưởng trại giam), Nguyễn Quốc Thịnh, Lê Đình Nguyên vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Đầu năm 1966, đồng chí Nguyễn Anh Dũng chuyển công tác khác, đồng chí Vũ Bảo được bổ sung vào Huyện ủy và bầu các đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh, Lê Đình Nguyên vào Ban Thường vụ Huyện ủy.

Cơ quan làm công tác tham mưu cho Huyện ủy gồm có các ban: Ban Tổ chức - Tuyên huấn do đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh làm Trưởng ban, đồng chí Trần Am (Ba Quang) làm trợ lý công tác tổ chức, đồng chí Thanh làm trợ lý Tuyên huấn. Ban Thông tin do đồng chí Trần Cửu Nhị làm Trưởng ban, đồng chí Hồ Đức Mộng làm Phó ban. Ban Giáo dục có

(1) Lúc đầu đồng chí Hùng Tạng làm Huyện Đội trưởng, sau đó tỉnh rút đồng chí Tạng và điều đồng chí Nguyễn Anh Dũng về thay làm huyện đội trưởng.

đồng chí Ân là cán bộ chuyên trách. Ban Binh vận do đồng chí Phan Đài phụ trách. Ban Kinh tài có các đồng chí Tú Minh, Hùng, Ba Tân, do đồng chí Đặng Bá Sang - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy phụ trách chung.

Tổ chức Mặt trận và các đoàn thể huyện cũng được hình thành. Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam huyện do ông Giáo Nghi làm Chủ tịch. Hội Phụ nữ giải phóng do chị Lê Thị Hiền làm Hội trưởng, trong Ban Chấp hành phụ nữ huyện có chị Tư Cúc, chị Tư Khởi. Thanh niên giải phóng do đồng chí Mãn Tấn Dũng (Mãn Vũ) làm Bí thư. Hội Nông dân giải phóng có các đồng chí Ngô Nhạn, Nguyễn Được, Nguyễn Thị Cạn, Bùi Thân Thiện.

Về lực lượng vũ trang, Ban Chỉ huy Huyện đội do các đồng chí Nguyễn Anh Dũng, Vũ Bảo làm Huyện Đội trưởng, đồng chí Trần Cung (Ba Cung) làm Chính trị viên, đồng chí Đông Bắc làm Huyện đội phó. Bộ đội địa phương C440 gồm 3B, quân số 56 người, do đồng chí Phan Văn Hiếu (Sáu Thảo) làm Đại Đội trưởng, đồng chí Vũ Bảo làm chính trị viên. Các cơ quan của huyện (Huyện ủy, huyện đội, kinh tài, bệnh xá, trại giam công an...) đều đóng ở rừng Ô Rô.

Sau khi hình thành tổ chức bộ máy cấp huyện, các xã cũng được củng cố. Toàn huyện có 6/7 xã vùng giải phóng thành lập được chi bộ, với 22 đảng viên và 21 đoàn viên sinh hoạt ở 9 phân đoàn xã, trực thuộc Huyện đoàn. Mặt trận Dân tộc giải phóng xã làm cả chức năng của chính quyền và lãnh đạo các đoàn thể xã. Mỗi xã đều có du kích tập trung, dân quân các thôn. Đến tháng 12/1962, toàn huyện có 7 xã đội (17 cán bộ); 12 thôn đội (21 cán bộ); du kích thoát ly 40 người, 76 du kích không thoát ly, 403 dân quân rộng rãi, làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bố phòng, bảo vệ nhân dân, cơ quan và vùng giải phóng. Còn các xã do địch kiểm soát có 1 đảng viên, 22 cơ sở trung kiên, 84 cơ sở, 105 cảm tình và 18 du kích bí mật.

Về công tác giáo dục, ở các xã vùng giải phóng, huyện mở trường dạy học cho con em trong căn cứ. Đến năm 1963, toàn huyện Lê Hồng Phong có 9 trường, với 27 lớp, 318 học sinh theo học. Cùng với công tác giáo dục, công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được huyện quan tâm. Toàn huyện có 6 y tá, 4 hộ sinh, 1 y sĩ; bệnh xá huyện do 1 y sĩ phụ trách. 4 xã tổ chức tủ thuốc nhân dân và nhân dân đã chú ý dùng thuốc nam trong điều trị bệnh. Về phong trào văn hóa, văn nghệ, các xã căn

cứ thành lập được 15 đội văn nghệ, biểu diễn phục vụ cho hàng ngàn lượt người xem, gây ảnh hưởng chính trị tốt trong quần chúng nhân dân.

Về kinh tế, huyện động viên nhân dân sản xuất tự túc nhằm giải quyết lương thực tại chỗ. Bên cạnh đó, ta thành lập chợ để trao đổi hàng hóa giữa các vùng giải phóng với nhau, vừa trao đổi hàng hóa với đồng bào vùng địch kiểm soát. Huyện thành lập chợ tại xã Hồng Trung để đồng bào các xã giải phóng đem đậu, mè, hạt dưa và đồng bào trong vùng địch đem gạo, đường, vải ra trao đổi mua bán.

Địch biết căn cứ Lê Hồng Phong phát triển vững mạnh sẽ có ảnh hưởng đến vùng tạm bị chiếm, nên chúng kiên quyết xóa bỏ. Trong 2 tháng (8 và 9/1962), địch tổ chức liên tiếp nhiều cuộc càn quét vào huyện căn cứ Lê Hồng Phong. Lực lượng địch từ 1 tiểu đoàn đến 1 trung đoàn, có cơ giới, xe tăng, trọng pháo, máy bay, tàu thủy yểm trợ đánh vào Bàu Thiêu, Bàu Đế, Gò Cà, Hòn Hồng, Hố Đất, Rừng Ngang, Rừng Diểu, Ô Rô... Với biện pháp "đốt sạch, cướp sạch, phá sạch" để dồn dân vào các ấp chiến lược, chúng đã triệt phá vườn tược, trường học ở Long Lâm; phá chùa, đập tượng Phật ở xã Hồng Chính, bắn giết đồng bào, bỏ thuốc độc xuống giếng nước và huy động thuyền máy xúc dân cùng tài sản

của đồng bào ven biển... Trong một trận càn bất ngờ vào xã Hồng Chính, địch đã dồn hơn 300 đồng bào về khu tập trung ở Mũi Né (quận Hải Long). Từ ngày 01/9 đến 06/9/1962, địch càn vào Nhơn Thiện xúc trên 600 dân ⁽¹⁾; từ ngày 14 - 16/9/1962, khoảng 1 trung đoàn địch tiếp tục càn sâu vào rừng Điểu, Ô Rô; gom đồng bào Bàu Me, Bàu Thiêu về Giồng Thầy Ba. Tiếp đến từ 25/9 đến 27/12/1962, địch tổ chức 4 cuộc càn, với lực lượng từ 1 đến 2 đại đội càn vào Bàu Tàn, Triền, đốt một số nhà dân, bắt một số người, có cả người già và trẻ em. Trong một thời gian, bằng nhiều thủ đoạn thâm độc địch đã xúc 1.700 dân vùng giải phóng đưa về vùng tạm bị chiếm, phần lớn là người già, phụ nữ, trẻ em và người đau bệnh.

Trong những lần càn quét của địch vào căn cứ, bộ đội địa phương (440), du kích và đồng bào tham gia chống càn hết đợt này sang đợt khác, đã gây cho địch nhiều tổn thất, giữ được vùng căn cứ giải phóng. Ở các xã sau khi bị địch càn xúc dân, việc bố phòng cất giấu tài sản, tránh lánh địch có tiến bộ, do đó các cuộc càn sau, địch không xúc được dân và tài sản cũng ít bị cướp phá. Toàn huyện tổ chức lại bố

(1) Theo Báo cáo tháng 7,8/1962 của tỉnh Bình Thuận, Ký hiệu II Da 3 (1962), lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.

phòng, rào hơn 10km, đắp gần 4,5km đường, cắm 5 tuyến chông dài 7,5km, đào gần 700 hầm chông (có cắm chông sắt, chông bàn), đào 310 hầm chống cơ giới, 232 hầm chống phi pháo dọc đường. Trong phong trào bố phòng khá nhất là xã Hồng Lâm, đã làm 12 tên địch bị sập hầm chông trong lúc đi càn quét, buộc địch phải rút lui.

Phong trào thi đua làm chông bố phòng chống giặc bảo vệ căn cứ được nhân dân hăng hái tham gia sôi nổi, mạnh mẽ. Nơi nào cũng tổ chức làm chông, nhà nhà làm chông, người người làm chông chống giặc. Từ đó, nhân dân trong căn cứ truyền nhau câu thơ:

“Đi ngang Hồ Đất, Gò Cà,

Tai nghe tiếng rựa cụ già vót chông.

Đêm đêm bên bếp lửa hồng,

Trẻ, già, trai, gái làm chông diệt thù”.

Còn ở các xã vùng địch tạm bị chiếm của huyện Lê Hồng Phong như Lương Sơn, Hồng Thái, các đội vũ trang công tác phối hợp cùng với đại đội 440, tăng cường các hoạt động, xây dựng cơ sở du kích mật để đánh địch bên trong. Đội công tác thường xuyên đột vào ấp vận động bà con phá ấp chiến lược và mua lương thực chuyển ra căn cứ.

Phong trào đấu tranh của quần chúng chống phá áp chiến lược, chống địch kiểm soát, đòi tự do đi lại vẫn tiếp tục duy trì. Quần chúng ở các khu, ấp chiến lược Tà Nung, Bàu Ốc, Gộp (Long Phú) lần lượt bỏ khu tập trung chạy về vùng giải phóng.

Với quyết tâm đưa 300 đồng bào bị địch dồn về Mũi Né trở lại căn cứ, Chi bộ Đảng và Mặt trận xã Hồng Chính đã tìm cách liên lạc, móc nối với cơ sở trong khu tập trung để bí mật vận động nhân dân. Sau một thời gian chuẩn bị, đêm 03/9/1963 (âm lịch)⁽¹⁾, đồng chí Nguyễn Thành - Bí thư Chi bộ xã, đồng chí Mãn Ngọc Hy - Xã Đội phó và tiểu đội du kích (11 đồng chí) đột nhập vào khu tập trung Mũi Né, quận lỵ Chi khu Hải Long, bắt liên lạc với cơ sở bên trong, đưa ra hơn 300 đồng bào và đồ đạc trở về vùng căn cứ an toàn. Với thành tích này, lực lượng du kích xã Hồng Chính đã được Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng ba. Từ tháng 9 đến tháng 12/1962, huyện Lê Hồng Phong có 691 quần chúng bỏ khu áp chiến lược ra vùng giải phóng, xây dựng căn cứ chống lại kẻ thù.

(1) Theo báo cáo từ 20/9 - 12/1962 - Ký hiệu II Da2 (1962) có trên 300 quần chúng ở Nhơn Thiện bị dồn về khu tập trung ở Mũi Né được du kích hỗ trợ đã bỏ khu tập trung chạy về vùng giải phóng trong một đêm.

Sang năm 1963, địch tiếp tục thực hiện kế hoạch Stalay-Taylor, liên tiếp mở các cuộc càn quét mang tên chiến dịch Sơn Dương I, Sơn Dương II, Bình Lâm I, Bình Lâm II đánh phá vùng giải phóng. Chúng kết hợp nhiều lực lượng như bộ binh, pháo binh, xe tăng, trực thăng và sử dụng các chiến thuật như Phụng Hoàng, vô môi, bủa lưới, phóng lao, trên đe dưới búa, tát nước bắt cá, đổ nước bắt đế ... để dồn dân về các ấp chiến lược, nhằm dập tắt phong trào đấu tranh của quần chúng, tiêu diệt lực lượng ta và cô lập cách mạng với quần chúng.

Ở huyện Lê Hồng Phong, 10 tháng đầu năm 1963, địch càn 11 cuộc lớn nhỏ vào các xã, thời gian ít nhất là 1 đến 2 ngày, dài từ 6 đến 7 ngày. Ngoài ra chúng còn mở nhiều cuộc đột kích, phục kích các nơi đồng bào đi lấy nước, gây cho ta một số khó khăn và tổn thất. Như ngày 06/11/1963, trực thăng bắn chết 13 đồng bào đang sản xuất và đi lấy nước giữa đồng cát trắng làng Hưng Long, xã Hồng Thắng. Cuộc chiến giữa ta và địch ở Lê Hồng Phong ngày càng giằng co quyết liệt và phức tạp hơn. Đến tháng 8/1964, địch bắt đầu dùng máy bay rải chất độc hóa học xuống các rẫy làm hư hại hoa màu, phá hoại sản xuất. Tình hình gặp nhiều khó khăn, nhất là lương thực, thực phẩm và nước uống - nhu cầu đời sống hàng ngày của nhân dân vùng căn cứ.

Lãnh đạo huyện Lê Hồng Phong chỉ đạo các Chi bộ Đảng, Mặt trận Dân tộc giải phóng và đoàn thể cách mạng ở các xã căn cứ tổ chức nhiều buổi sinh hoạt, cùng với nhân dân thảo luận bàn bạc, khẳng định quyết tâm chiến đấu chống Mỹ cứu nước. Tìm những biện pháp giải quyết những khó khăn về lương thực, thực phẩm, nước uống, sản xuất và xây dựng căn cứ.

Từ thực tế ở huyện Lê Hồng Phong và các vùng giải phóng khác trong tỉnh, Hội nghị Tỉnh ủy từ ngày 10 đến 12/12/1962 đã đề ra Nghị quyết, phương châm đấu tranh đối với vùng dã phá kèm là: "nắm chắc đấu tranh vũ trang, đấu tranh bất hợp pháp, tranh thủ đấu tranh chính trị trong điều kiện có thể và có lợi. Đẩy mạnh hơn nữa việc bố phòng, xây dựng làng chiến đấu chống địch, canh gác báo tin kịp thời, cất giấu tài sản; du kích, lực lượng vũ trang kiên quyết bám đánh địch bảo vệ tài sản, tính mạng nhân dân. Về tổ chức, trong nhân dân chia thành 2 bộ phận: bộ phận 1 (gồm những người đau ốm, già yếu, trẻ em) chuẩn bị tinh thần ở lại đấu tranh với địch, không để địch dồn vào áp chiến lược, không để chúng cướp phá tài sản; bộ phận thứ 2 cần tránh lánh khi định càn, đó là gia đình cán bộ, du kích, số bị lộ, số khỏe mạnh (nam, nữ). Bộ phận này phải nắm bắt

thế bất hợp pháp trong việc ở, sản xuất và vũ trang chống địch là căn bản".

Tiếp thu Nghị quyết tháng 12/1962 của Tỉnh ủy và chủ trương Hội nghị dân quân du kích của tỉnh tháng 02/1963, các địa phương, cơ quan, đơn vị trong huyện mở hội nghị học tập Nghị quyết du kích chiến tranh cho cán bộ và nhân dân; động viên đông đảo quần chúng tham gia bố phòng xây dựng xã, thôn chiến đấu. So với cuối năm 1962, phong trào nhân dân tham gia bố phòng, xây dựng xã chiến đấu ở Lê Hồng Phong từ năm 1963 được đẩy lên một bước, trở thành phong trào quần chúng, diện bố phòng rộng hơn. Tiêu biểu như xã Hồng Liêm với số dân 192 người (năm 1963) đã xây dựng thành xã chiến đấu, có khả năng ngăn chặn, hạn chế càn quét của địch, trở thành lá cờ đầu của phong trào nhân dân du kích chiến tranh của huyện Lê Hồng Phong. Nhờ bố phòng xây dựng xã chiến đấu, kết hợp với du kích đánh địch nên đã hạn chế một phần càn quét đánh phá của địch, bảo vệ được tài sản, tính mạng của dân. Như vậy trong năm 1963, nhân dân các xã căn cứ Lê Hồng Phong đã vượt qua những khó khăn thử thách bước đầu; đoàn kết cùng nhau xây dựng căn cứ, phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh; hăng hái thi đua lao động sản xuất, đóng góp sức người sức của cho kháng chiến.

Đối với địch, sau cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm (tháng 11/1963) và cuộc đảo chính Dương Văn Minh đầu năm 1964, việc tranh chấp quyền lực trong nội bộ nguy quyền tay sai đã làm cho thế của địch bị sa sút. Bộ máy kìm kẹp ở cơ sở lỏng rã, tinh thần binh lính giảm sút. Tình hình bất lợi của địch đã tạo điều kiện cho phong trào cách mạng các địa phương có bước chuyển biến mới.

Để chủ động tấn công địch nhằm đánh bại kế hoạch bình định lập ấp chiến lược của chúng, Tỉnh ủy Bình Thuận đề ra nhiệm vụ năm 1964-1965 là "động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nỗ lực chủ động tranh thủ thời cơ liên tục tấn công địch, phá từng mảng lớn ấp chiến lược, giải phóng đại bộ phận nông thôn. Bao vây chia cắt cô lập địch ở thị xã, thị trấn, tạo ra những cơ sở, điều kiện lớn nhằm làm thay đổi cục diện trên chiến trường giành nhiều thắng lợi lớn quyết định, góp phần đánh bại kế hoạch bình định của địch". Cụ thể là: Củng cố và phát triển mạnh mẽ phong trào du kích chiến tranh trên cả 3 vùng. Tích cực phát triển dân quân du kích, xây dựng thôn, xã chiến đấu liên hoàn, chú trọng xây dựng vùng mới giải phóng, đủ sức chống địch càn quét bảo vệ vùng giải phóng... Xây dựng vững chắc vùng căn cứ miền núi làm chỗ dựa vững chắc cho

tính... Xây dựng vùng căn cứ giải phóng đồng bằng làm căn cứ trực tiếp, chỗ dựa, bàn đạp, đứng chân của các lực lượng vũ trang phục vụ cho yêu cầu chiến đấu phá ấp, phá kèm giải phóng nhân dân ⁽¹⁾.

Thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh ủy đề ra, dựa vào tình hình thực tế của địa phương, huyện Lê Hồng Phong chỉ đạo cho các xã căn cứ phát động toàn dân tập trung sức thực hiện hai nhiệm vụ chính là: "Xây dựng vững chắc căn cứ phía sau, tích cực tấn công địch ở phía trước". Cụ thể: Phát động, động viên toàn dân tích cực củng cố và phát triển các tuyến bố phòng liên hoàn, xây dựng căn cứ vững chắc. Tăng cường phát triển củng cố lực lượng dân quân du kích vững mạnh, đủ sức đánh địch càn quét bảo vệ căn cứ và sẵn sàng tấn công địch ở phía trước. Đẩy mạnh sản xuất, động viên nhân dân đóng góp sức người sức của phục vụ cách mạng, phát triển các hoạt động xã hội, xây dựng vùng căn cứ vui tươi lành mạnh.

Triển khai nghị quyết của trên, các Chi bộ Đảng, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng và ban, ngành, đoàn thể các xã căn cứ đã tổ chức học tập cho quần chúng, đảng viên, cán bộ; động viên nhân dân

(1) Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy tháng 5 /1963, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

sắp xếp thể ăn ở thích hợp, hăng hái tham gia vót chông bố phòng đánh địch; mở đại hội mừng công, đại hội dân quân du kích, đại hội nông dân, phụ nữ, thanh niên... Qua đó, Mặt trận và các đoàn thể, các chi bộ xã vùng giải phóng được chính đốn một bước về mặt tổ chức. Đầu năm 1963, 7 xã vùng giải phóng của huyện đã thành lập Ủy ban Mặt trận xã (Hong Sơn, Hong Lâm, Hong Chính, Hong Thịnh, Hong Trung, Hong Thắng, Hong Liem) ⁽¹⁾ có 59 ủy viên; 10 ủy ban mặt trận thôn, có 66 ủy viên; 11 nhóm mặt trận với 65 hội viên; 7 ban chấp hành phụ nữ xã, có 25 ủy viên; 10 phân hội phụ nữ có 22 ủy viên; 94 tổ phụ nữ có 484 hội viên; một ban chấp hành xã

(1) - Xã Hong Chính có 4 thôn: Hòn Hong, Gò Cà, Rẫy Hậu, Xẩm; 257 gia đình, gồm 1.643 người. Đến cuối năm 1963 mới tách thôn 4 thành lập xã Hong Thanh.

- Xã Hong Lâm có 2 thôn: Nhơn Hòa, Nhơn Đức, 83 gia đình, gồm 650 người.

- Xã Hong Trung có 2 thôn: Bàu Thiệu, Tre Huê, 91 gia đình, gồm 448 người.

- Xã Hong Thịnh có 2 thôn: Triền, Bàu Tàng, 50 gia đình, gồm 322 người.

- Xã Hong Liem có 2 thôn: Diểu, Đá Bàn, 48 gia đình, gồm 238 người.

- Xã Hong Sơn (Long Hiệp, Long Hoa, Trại Chanh, Giếng Đẽ) có 48 gia đình, gồm 172 người.

- Xã Hong Thắng (Nhơn Long) có 49 gia đình, gồm 189 người.

đoàn thanh niên, có 3 ủy viên, 8 tổ thanh niên có 45 đoàn viên; 10 tổ thiếu nhi có 52 đội viên. Cơ sở ở vùng tạm bị chiếm có 01 ban cán sự, 3 ủy viên, 01 đảng viên, 01 đoàn viên, 13 cơ sở trung kiên, 85 cơ sở và 129 cảm tình. Toàn huyện có 98 đảng viên, trong đó vùng kèm có 01 đảng viên. Ở các xã vùng căn cứ, một đảng viên lãnh đạo 62 quần chúng ⁽¹⁾. Đến cuối năm 1963, tách thôn 3 và 4 xã Hồng Chính thành lập xã Hồng Thanh, xã có 01 chi bộ 5 đảng viên, do đồng chí Phạm Ngọc Đăng làm Bí thư kiêm Chủ tịch Mặt trận xã, đồng chí Ngô Thương làm Phó Bí thư Chi bộ và đồng chí Hồng Lợi làm Phó Chủ tịch Mặt trận xã.

Về lực lượng vũ trang trong huyện, ngoài Đại đội 440 là lực lượng tập trung, 7 xã vùng giải phóng ta thành lập 7 xã đội (21 cán bộ) và 10 thôn đội (24 cán bộ). Bên cạnh đó, lực lượng du kích có 52 người, tự vệ chiến đấu 110 người và 446 dân quân. Như vậy, tính chung toàn huyện cứ 31 người có 01 người tham gia du kích hoặc tự vệ. Còn lực lượng an ninh tuy không đông đảo như lực lượng quân sự, nhưng các xã, thôn đều tổ chức Ban an ninh góp phần giữ

(1) Theo Thống kê lực lượng chính trị và vũ trang- ký hiệu IIa13 (1963) lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Bình Thuận.

trật tự và đánh phá biệt kích, gián điệp của địch. Ở huyện có 01 cán bộ chuyên trách công tác an ninh, giúp cấp ủy huyện chỉ đạo các địa phương và phụ trách trại giam huyện. Lực lượng du kích các xã đã phát huy nhiều sáng kiến, lấy đạn cối, đạn pháo, bom mìn lép của địch chế tạo nhiều loại vũ khí đánh địch. Trong 2 năm (1964-1965), dân quân du kích các xã căn cứ dựa vào tuyến bố phòng đánh địch hàng trăm trận, diệt nhiều tên địch, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét, đột kích của chúng, bảo vệ vùng căn cứ. Trong đó, du kích Hồng Liêm, Hồng Sơn hoạt động khá hơn cả.

Bên cạnh việc đánh địch càn quét, bảo vệ vùng căn cứ, du kích các xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Sơn, Hồng Liêm còn tích cực tham gia tấn công địch ở phía trước; hỗ trợ phong trào quần chúng trong các ấp chiến lược diệt ác, trừ gian, phá ấp, phá kèm giành quyền làm chủ.

Để góp phần cùng toàn miền Nam đánh bại "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - Ngụy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lê Hồng Phong, với quyết tâm thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Thuận là: "Tranh thủ thời cơ thuận lợi, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, vũ trang, đập tan các âm mưu địch, nhất là âm mưu củng cố các ấp chiến lược, đánh phá căn cứ;

mở rộng diện làm chủ và diện tranh chấp; củng cố và mở rộng vùng căn cứ, thu hẹp vùng kiểm soát của địch"⁽¹⁾. Ban Chỉ huy C440 hạ quyết tâm tiêu diệt địch, giải phóng mảng phía trước dọc theo quốc lộ IA từ Tuy Hòa (Hàm Đức) đến xã Hồng Thái.

6 giờ sáng ngày 24/7/1964, mở màn tấn công địch đợt 1, C440 phối hợp cùng với lực lượng vũ trang tỉnh, du kích và các đội công tác phía trước tập kích vào ấp chiến lược Tà Nung (Hồng Sơn). Ta diệt gọn 1B bảo an của C443, đánh tan 1B dân vệ khác, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá banh ấp chiến lược. Phản ứng lại hoạt động của ta, ngày 26/7/1964 địch sử dụng 2 tiểu đoàn cộng hòa và 2 đại đội bảo an chia làm 5 cánh càn quét vào các xã giải phóng Hồng Sơn, Hồng Trung, Hồng Thịnh, Hồng Chính, Hồng Lâm. Cánh thứ nhất từ quốc lộ IA càn vào Bàu Sen đến Bàu Thiêu, cánh thứ 2 từ Giồng Thầy Ba càn vào Bàu Thiêu, cánh thứ 3 từ Xa Ra càn lên xã Hồng Sơn, cánh thứ 4 và cánh thứ 5 từ Phú Hải, Lương Sơn càn xuống Bàu Trắng, sau đó đánh vào căn cứ xã Hồng Lâm. Bộ đội địa phương huyện và du kích các xã giải phóng liên tục bám đánh địch từ

(1) Nghị quyết Tỉnh Ủy Bình Thuận tháng 6/1964 mở 2 đợt hoạt động đánh địch. Đợt 1 từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8/1964 và đợt 2 từ tháng 10/1964.

26/7 đến 08/8/1964, diệt trên 100 tên, bắn rơi 1 trực thăng tại Suối Nước - Hòn Rơm.

Từ cuối tháng 9 đầu tháng 10/1964 trở đi, toàn chiến trường bước vào hoạt động đợt 2. Mở đầu cho đợt hoạt động, Ban Chỉ huy Tỉnh đội quyết định tập trung lực lượng đánh tiêu diệt đồn Gộp, phá ấp chiến lược Gộp nhằm mở rộng vùng giải phóng ra toàn xã Hồng Sơn.

Đồn Gộp đóng trên đồi đất cao, nằm phía Đông quốc lộ IA và Nam cầu Bằng Lăng thuộc xã Hồng Sơn, huyện Lê Hồng Phong, có 1 đại đội bảo an chiếm giữ. Địch xúc hết dân các vùng xung quanh về lập thành ấp chiến lược Gộp (Long Hoa) nằm dọc theo chân đồi và quốc lộ IA. Trong ấp chiến lược, chúng bố trí một trung đội dân vệ canh giữ cùng với bọn tề, điệp ác ôn kèm kẹp nhân dân. Sau khi theo dõi, phát hiện hàng đêm đại đội bảo an của địch thường bỏ đồn xuống nằm trong ấp, do đó phương án đánh đồn được chuyển thành đánh địch trong ấp.

Rạng sáng ngày 13/10/1964, bộ đội địa phương và du kích các xã phối hợp cùng lực lượng vũ trang tỉnh tấn công vào ấp chiến lược Gộp (Long Hoa). Sau 30 phút giành giật nhau từng căn nhà, con đường và mô đất, ta làm chủ trận địa, diệt và bắt gọn đại

đội bảo an 441, cùng 1 trung đội dân vệ, thu toàn bộ vũ khí, phá banh ấp chiến lược Gộp. Thừa thắng, lực lượng vũ trang hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá banh ấp chiến lược Tà Nung, Tùỳ Hòa, Xa Ra.

Cùng với mũi vũ trang, mũi binh vận cũng đạt được những thắng lợi nổi bật. Đầu năm 1965, được sự chỉ đạo của Ban Binh vận tỉnh (trực tiếp là đồng chí Nguyễn Thiết Khanh), Ban Binh vận huyện Lê Hồng Phong do đồng chí Phan Đài phụ trách, đã giao cho chị Trần Thị Tính vận động Trung đội Dân vệ số 32 đóng ở Bàu Ốc do anh Nguyễn Phú (Phú Tượng) chỉ huy làm binh biến. Đêm 01/02/1965 (tức đêm 30 tết năm Ất Ty) được sự hỗ trợ của Đại đội 440, cơ sở trong B 32 dân vệ đã nổi dậy bắt ác ôn, phá ấp chiến lược Bàu Ốc (thuộc xã Lương Sơn) và mang toàn bộ vũ khí ra vùng giải phóng tham gia kháng chiến. Ấp chiến lược Bàu ốc hoàn toàn giải phóng. Nhiều anh em trong trung đội sau này trở thành cán bộ, đảng viên của Quân đội Nhân dân Việt Nam, một số đã anh dũng hy sinh. Đây là trung đội phản chiến đầu tiên ở Bình Thuận và Cực Nam Trung bộ.

Sau đợt hoạt động Đông Xuân 1964 - 1965, tỉnh chủ trương mở đợt hoạt động Hè năm 1965. Trọng điểm đợt hoạt động Hè là khu vực từ ấp chiến lược

Giồng Thầy Ba, Bà La, Rạng (thuộc 2 xã Thiện Nghiệp, Thiện Khánh - nam Lê Hồng Phong) đến các xã Phú Hải, Phước Thiện Xuân, Phú Long thuộc quận Hải Long. Diện trực tiếp là Bắc Lê Hồng Phong với yêu cầu chuyển thế tranh chấp ở 4 ấp Chợ Lầu, giải phóng xã Lương Sơn, Phú Hải. Ban Chỉ huy đợt hoạt động gồm có các đồng chí Lê Văn Hiền Bí thư Tỉnh ủy - Chính trị viên Tỉnh đội; đồng chí Lê Đình Nguyên - Tỉnh Đội trưởng, Nguyễn Văn Lâu - Tham mưu phó Tỉnh đội và đồng chí Nguyễn Ninh- Bí thư Ban Cán sự Miền A (Đông Hải), Trần Văn Tình - Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong.

Với quyết tâm đánh địch giải phóng nhân dân, Ban Thường vụ Huyện ủy Lê Hồng Phong chỉ đạo bộ đội địa phương C440, các đội vũ trang công tác và du kích mật bên trong ấp chiến lược, tích cực tham gia đợt cao điểm Hè 1965, tấn công địch, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá ấp chiến lược. Các xã căn cứ vận động thanh niên nhập ngũ và tham gia dân công ra phía trước, phục vụ cao điểm Hè 1965.

Đêm 03/4/1965, bộ đội địa phương huyện Lê Hồng Phong (C440) phối hợp lực lượng vũ trang tỉnh (C486), C450 (của Đông Hải), du kích các xã căn cứ và một số cán bộ chính trị của huyện tấn công ấp

chiến lược Giồng Thầy Ba và ấp Rạng, diệt gọn các trung đội dân vệ ở hai ấp này, thu toàn bộ vũ khí. Sáng ngày 04/4/1965, C440 và cán bộ chính trị huyện Lê Hồng Phong vào ấp làm công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng. Địch từ Phan Thiết, Mũi Né chi viện bằng đường biển, đường bộ đánh vào. Lực lượng C440 và C486 (của tỉnh) bị địch bao vây buộc phải đánh mở đường rút ra ngoài. Trong trận này có 20 đồng chí là bộ đội, du kích, cán bộ chính trị huyện hy sinh.

Sau một thời gian củng cố, lực lượng C440 hạ quyết tâm giải phóng ấp chiến lược kiểu mẫu xã Lương Sơn. Ngày 29/5/1965, C440 và dân quân du kích Lương Sơn đánh tập kích vào ấp ban ngày, tiêu diệt trung đội dân vệ, bắt ác ôn và kêu gọi bọn tề điệt xã ra đầu hàng, thú tội trước nhân dân. Đồng bào nổi dậy phá banh ấp chiến lược, phần đông nhân dân Lương Sơn về lại làng xóm cũ làm ăn sinh sống. Một số đồng bào vùng căn cứ Lê Hồng Phong bị dồn về Lương Sơn, cũng trở về căn cứ; một số gia đình ra cất nhà ở Bùng Bình (giáp ranh căn cứ). Ta lập thêm xã mới lấy tên là xã Hồng Tân. Ủy ban tự quản và các đoàn thể xã được thành lập, tổ chức nhân dân sản xuất và tuần tra canh gác bảo vệ vùng giải phóng.

Sau ngày giải phóng xã Lương Sơn, C440 và các đội công tác tiếp tục vào các ấp Hiệp Hòa, Hiệp An, Hiệp Bình (Hồng Thái) phát động quần chúng và làm công tác binh vận. Địch hoang mang dao động, sau đó chúng rút bỏ các ấp, ta giải phóng Hiệp Hòa, Hiệp Bình, Hiệp An không tốn một viên đạn. Vùng giải phóng huyện Lê Hồng Phong được mở rộng, tạo thế liên hoàn với vùng giải phóng huyện Hàm Thuận, chạy dài theo hai bên quốc lộ IA từ Xa Ra, Tuy Hòa đến Hiệp Hòa (Lê Hồng Phong) hơn 50 km.

Đến cuối tháng 6/1965, dân số vùng giải phóng huyện Lê Hồng Phong có 17.221 người, trong đó vùng mới giải phóng như xã Hồng Tân 5.220 người, xã Hồng Hải 3.673 người, Giồng Thầy Ba 787 người (thuộc xã Hồng Thịnh) và Gộp 600 người thành một thôn của xã Hồng Sơn. Tất cả những nơi mới giải phóng, ta thành lập ủy ban tự quản xã. Riêng xã Hồng Hải ta hình thành Ban quân quản. Ủy ban các xã nơi ít là 3 người, nơi nhiều 7 người⁽¹⁾. Đến tháng 6/1965, huyện Lê Hồng Phong có 10 xã giải phóng gồm: Hồng Lâm, Hồng Trung, Hồng Chính, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Thắng, Hồng Sơn, Hồng

(1) Theo báo cáo quý II/1965 của Tỉnh Bình Thuận - Ký hiệu II Da3 (1965) trang 22 - Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.

Liêm, Hồng Hải, Hồng Tân ⁽¹⁾. Tại các xã còn tạm bị chiếm như Phú Hải, Thạch Long, Khánh Thiện ta đã xây dựng được 27 cơ sở và 32 cảm tình cách mạng.

Như vậy, trong năm 1965, chúng ta đã giành được những thắng lợi cơ bản. Vùng căn cứ được giữ vững, vùng giải phóng được mở rộng; tổ chức Đảng, mặt trận, đoàn thể giải phóng được củng cố và hoạt động sôi nổi; lực lượng vũ trang và dân quân du kích phát triển. Các hoạt động văn hóa, giáo dục được tổ chức tốt hơn trước. Các xã căn cứ có điều kiện củng cố, xây dựng căn cứ địa vững mạnh về mọi mặt, góp phần bảo vệ vùng giải phóng.

Để dân có ruộng đất sản xuất, chính quyền các xã mới giải phóng tiến hành tổ chức chia công điền, công thổ, ruộng vắng chủ, ruộng của ác ôn cho nông dân thiếu ruộng, mỗi hộ từ 3 đến 5 sào. Ngoài ra ta còn vận động một số địa chủ kháng chiến hiến điền, san sẻ ruộng cho dân nghèo, tạo điều kiện cho mọi người dân đều có ruộng cày. Nhờ đó lao động sản xuất trong vùng căn cứ giải phóng phát triển. Nhằm giúp đỡ lẫn nhau trong lao động sản xuất, chính quyền các xã căn cứ giải phóng đã tổ chức, xây dựng các tổ vần đổi công, tổ đoàn kết sản xuất. Địch dù

(1) Theo Báo cáo quý II/1965 của tỉnh Bình Thuận - Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.

có thường xuyên cần quét, bắn phá và rải chất độc hóa học phá hoại hoa màu, đồng bào vùng căn cứ giải phóng càng hỗ trợ nhau trong sản xuất. Địch đánh phá ban ngày, ta sản xuất ban đêm. Để sản xuất ban đêm, đồng bào đã có sáng kiến làm đèn thấp sáng vừa đủ nhìn thấy, tránh được sự phát hiện của máy bay địch. Trong sản xuất, ta phát động phong trào "rẫy mì, rẫy đậu chống Mỹ" được nhân dân trồng khắp nơi, từ Rừng Bú, Hố Đất, Gò Cà, Vùng Chùa đến Rừng Nhu... Đi đôi với sản xuất, nhân dân căn cứ còn phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm để cải thiện đời sống. Các em thiếu nhi còn có phong trào "Con gà chống Mỹ" gửi tặng các chú thương binh, các chú bộ đội giải phóng.

Để tiếp tục động viên sức dân, trong năm 1965 ta triển khai phát động nông dân học tập thư kêu gọi của Đảng. Sau khi Tỉnh triển khai thí điểm ở 2 thôn xã Hồng Sơn, đến cuối năm 1965, trong 10 xã căn cứ huyện Lê Hồng Phong đã có 1.839 nông dân học tập thư Đảng (chưa tính số dân 2 thôn thí điểm xã Hồng Sơn). Qua học tập, đã nâng cao nhận thức của người dân đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Có gia đình là tầng lớp trung nông, trước đây ít đóng góp, nhưng nay cũng đã ủng hộ 50 ngàn đồng cho cách mạng.

Cùng với chiến đấu, lao động sản xuất, công tác văn hóa giáo dục, y tế cũng được huyện chú ý phát triển. Từ 1962 - 1965, mỗi xã căn cứ đều tổ chức các lớp học văn hóa, nhóm học xóa mù. Với phương châm người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, nhiều nhóm học bổ túc được hình thành đã giúp cho nhân dân vùng căn cứ giải phóng xóa dần nạn mù chữ và nâng cao trình độ văn hóa. Năm 1965, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương mở trường sư phạm đào tạo giáo viên cấp tốc cho vùng giải phóng. Cuối năm 1965, lớp đầu tiên được tổ chức, có 30 giáo sinh tham dự, do 02 thầy Vũ Hồng và Ngô Triều Sơn phụ trách (nhân dân trong căn cứ vẫn gọi bằng tên thân thương là trường thầy "Triều Sơn"). Những giáo viên ra trường về các địa phương, đơn vị làm nòng cốt trong phong trào học văn hóa tại căn cứ. Từ năm 1966 trở đi, do địch đánh phá vùng căn cứ giải phóng ác liệt, ta không còn điều kiện tổ chức các lớp học như trước đây.

Về phong trào văn nghệ, năm 1964 huyện rút một số thanh niên các xã và một số thanh niên các cơ quan có năng khiếu, thành lập đội văn nghệ nghiệp dư. Đội văn nghệ huyện cùng đội văn nghệ các xã ⁽¹⁾ với nhiều tiết mục tự biên, tự diễn như: ca,

(1) 7 xã căn cứ thành lập 7 đội văn nghệ, có 103 thanh niên tham gia.

múa, kịch... đã tổ chức biểu diễn phục vụ đồng bào vào những ngày lễ kỷ niệm, ngày tết hoặc những đợt sinh hoạt chính trị, góp phần động viên tinh thần chiến đấu, sản xuất và phục vụ tiền tuyến của đồng bào. Không chỉ biểu diễn phục vụ cho đồng bào căn cứ, các đội văn nghệ còn đi biểu diễn trong các xã phía trước từ Hồng Thái đến Lương Sơn, thu hút đồng bào các ấp chiến lược ra xem rất đông. Nhân các buổi sinh hoạt văn nghệ, ta vận động thanh niên các vùng tranh chấp, vùng tạm bị chiếm thoát ly và đã có hàng trăm thanh niên ở Lương Sơn, Hồng Thái... tình nguyện tham gia cách mạng. Cùng với phong trào "tiếng hát át tiếng bom", phong trào thanh niên "vui khỏe để chiến đấu" thi đấu giao hữu bóng đá, bóng chuyền giữa các xã vào lúc rảnh rỗi, ngày lễ, ngày tết diễn ra sôi nổi; làm cho vùng căn cứ giải phóng thêm vui tươi, hào hứng phấn khởi hơn trước.

Công tác y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng được chú ý. Huyện có trạm y tế, do 01 y sỹ làm Trạm trưởng và một số y tá để cứu chữa cho bộ đội, du kích và đồng bào bị thương, bị bệnh. Mỗi xã có 1 y tá cấp thuốc trị bệnh cho đồng bào. Với tinh thần khắc phục khó khăn, thiếu thốn, cán bộ y tế từ xã đến huyện đã kết hợp phương pháp chữa trị đông, tây y để phòng bệnh và chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

Đồng thời huyện phát động phong trào dùng thuốc nam trong nhân dân, góp phần giải quyết vấn đề thiếu thuốc ở căn cứ.

Cùng với việc bố phòng đánh địch⁽¹⁾, sản xuất, ổn định cuộc sống, xây dựng căn cứ phát triển về mọi mặt, nhân dân ở vùng căn cứ giải phóng còn tham gia đi dân công vận tải hàng và phục vụ chiến trường. Trong hai năm 1964-1965, đã có hàng trăm lượt người tham gia đi dân công dài hạn từ 1 đến 2 tháng. Nhiều người xung phong đi liên tục hết đợt này sang đợt khác. Hàng trăm nam nữ thanh niên thoát ly vào bộ đội, vào công tác ở các cơ quan của tỉnh, huyện. Riêng quý II/1965, nhân dân vùng căn cứ giải phóng tham gia đi dân công, vận tải hàng và phục vụ chiến trường hàng ngàn ngày công; động viên được 50 nam, nữ thanh niên thoát ly tham gia cách mạng.

Như vậy, trong những năm thành lập huyện Lê Hồng Phong (1962 - 1966), ta liên tục tấn công địch, vừa giữ được vùng căn cứ vừa mở rộng vùng giải phóng. Chính quyền cách mạng và các tổ chức

(1) Năm 1965, xã Hồng Sơn xây dựng 4 tuyến chông bố phòng từ cầu Bằng Lăng đến núi Xã Thổ; từ Giếng Chanh qua núi Tà Dôn; từ Giếng Đế ra cầu Ông Tằm và từ hướng Ma Lâm đến thôn 4 (Hồng Sơn).

đoàn thể quần chúng tiếp tục được củng cố, lãnh đạo nhân dân thực hiện mọi mặt công tác cách mạng, góp phần xây dựng vùng căn cứ giải phóng vững mạnh về mọi mặt, tạo thế cho lực lượng vũ trang làm chỗ dựa tấn công địch. Nhân dân hăng hái tham gia chiến đấu, đóng góp sức người, sức của cho cách mạng, cùng quân dân trong tỉnh liên tục tấn công tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đưa phong trào cách mạng tiếp tục phát triển.

3. Giải thể huyện Lê Hồng Phong, các xã giải phóng trở thành căn cứ của huyện Hòa Đa, Thuận Phong tiếp tục tấn công địch (1966 - 1973).

a) Nhân dân các xã căn cứ tiếp tục góp phần đánh bại “chiến tranh cục bộ” của Mỹ - ngụy (1966-1968).

Cuộc tiến công và nổi dậy mạnh mẽ của quân dân miền Nam trong năm 1964, đầu năm 1965 đã làm thất bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Để cứu vãn tình thế, tránh cho chính quyền tay sai sụp đổ, đế quốc Mỹ nhanh chóng thay đổi chiến lược, chuyển sang thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" đưa quân Mỹ, quân chư hầu và phương tiện chiến tranh vào miền Nam. Thông qua chiến lược quân sự "tìm diệt và bình định" của Oét-mô-len, chúng hy vọng giành thắng lợi hoàn toàn ở miền Nam bằng quân sự.

Ở Bình Thuận, cuối năm 1965, Lữ đoàn 173 dù của Mỹ đến càn quét hai huyện Hoài Đức, Tánh Linh. Từ năm 1966, quân Mỹ đóng chốt ở Cánh ESEPIC, Lầu Ông Hoàng, Bà Gò, Tân Nông, Nồng Cà Tang, Hố Chùa, Mương Mán, núi Tà Dôn... Chúng tập trung lực lượng lớn thực hiện "cuộc phản công chiến lược", mở nhiều cuộc càn quét quy mô lớn vào vùng căn cứ giải phóng, nhằm "tìm diệt" lực lượng của ta, lấn chiếm các vùng mới giải phóng. Đồng thời thực hiện "bình định" bên trong, dồn dân lập ấp chiến lược, củng cố bộ máy ngụy quyền các cấp. Đối với vùng căn cứ giải phóng Lê Hồng Phong lúc này là một trong những trọng điểm đánh phá của Mỹ - ngụy. Chúng dùng mọi thủ đoạn, lực lượng, phương tiện chiến tranh để san bằng, tiêu diệt căn cứ lồm này. Các trận địa pháo của Mỹ ở Nồng Cà Tang, Tân Nông, Lầu Ông Hoàng, Tà Dôn, Gộp và pháo hạm ngoài biển (đủ các loại pháo từ 105 ly đến 403 ly) ngày đêm bắn phá các xã căn cứ. Trên trời, máy bay đủ loại C47, L19, OV10 trinh sát, ném bom bắn phá; các loại trực thăng (tàu gạo) quần đảo các khu rừng, khu rẫy, nhằm phát hiện đường đi, những nơi nghi có lực lượng ta để bắn phá giết hại cán bộ và nhân dân.

Từ tháng 8/1966, địch dùng nhiều lượt máy bay "Đacôta" rải chất độc vào các khu rừng, khu rẫy căn

cứ Lê Hồng Phong làm cho hoa màu, cây cỏ chết rụi. Cuối năm 1966, lần đầu tiên Mỹ sử dụng máy bay B52 ném bom rải thảm xuống vùng căn cứ Lê Hồng Phong từ xã Hồng Liêm, Hồng Trung đến xã Hồng Lâm. Có thể nói trong những năm 1966-1967, trên mảnh đất căn cứ Lê Hồng Phong không ngày nào không có tiếng bom đạn và tiếng máy bay địch quần đảo, bắn phá. Khu căn cứ như một vùng đất chết, tưởng chừng không một sinh vật nào sống được. Địch kết hợp hoạt động càn quét, pháo kích với các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, dụ hàng, do thám, gián điệp đã làm cho việc ăn ở, sản xuất của nhân dân vùng căn cứ và vùng mới giải phóng của ta không ổn định, hạn chế nhiều hoạt động của cán bộ, du kích và bộ đội. Cuộc sống của đồng bào và bộ đội ta ở Khu Lê hết sức khó khăn, căng thẳng.

Sau khi Mỹ đổ quân vào miền Nam và tỉnh Bình Thuận, căn cứ Nghị quyết Trung ương Cục, sự chỉ đạo của Khu ủy Khu VI và dựa vào tình hình thực tế, Tỉnh ủy Bình Thuận đã chỉ đạo: "động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thi đua vượt lên hàng đầu. Vượt mọi khó khăn gian khổ, liên tục tấn công tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Kiên quyết đập tan các cuộc càn quét, bình định lấn chiếm của địch. Phát triển phong trào du kích chiến tranh mạnh mẽ,

góp phần cùng phong trào chung phục vụ cho yêu cầu phá ấp chiến lược, giành dân mở rộng vùng giải phóng, xây dựng vùng căn cứ vững chắc. Tăng cường công tác phát triển xây dựng tổ chức Đảng, Mặt trận và các đoàn thể cách mạng. Động viên sức người, sức của phục vụ cho yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới".

Nghị quyết Tỉnh ủy Bình Thuận tháng 7/1966 đề ra nhiệm vụ đối với vùng căn cứ và giải phóng là: Nhanh chóng xây dựng vùng căn cứ và giải phóng thành hậu phương vững mạnh theo một quy mô lớn hơn và với một tốc độ nhanh hơn, nhằm đảm bảo các yêu cầu xây dựng lực lượng, bồi dưỡng sức dân, tăng thêm sức để tấn công địch ở phía trước và sẵn sàng chủ động đánh bại mọi âm mưu địch hòng lấn chiếm, càn quét, bắn phá, gom tát dân, phá hoại sản xuất; đánh bại các hoạt động do thám gián điệp, mua chuộc lừa mị, uy hiếp hù dọa chiêu hồi, chiêu hàng, chiến tranh tâm lý của địch.

Yêu cầu đối với vùng mới giải phóng là giải phóng đến đâu giữ đất, giữ dân đến đó, quyết không cho địch lấn chiếm hoặc xức tát dân ra vùng địch tạm kiểm soát, ra sức xây dựng về mọi mặt, biến thành hậu phương vững chắc cho cách mạng, cung cấp nhân tài vật lực cho tiền tuyến, đồng thời là chỗ dựa

và hỗ trợ đắc lực về mọi mặt cho việc tấn công địch ở vùng tranh chấp và vùng địch kèm kẹp.

Cụ thể là: thực hiện tốt công tác phát động quần chúng, động viên tòng quân, đi dân công đóng góp cho cách mạng, xây dựng khối đoàn kết. Đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh lên quy mô rộng và mức độ cao để kịp thời đối phó với tình hình chiến tranh ngày càng ác liệt hiện nay. Xây dựng mỗi làng thành một đơn vị chiến đấu, mỗi người dân trở thành người chiến sỹ (vừa sản xuất vừa đánh giặc). Phải lập được thế chiến đấu vững chắc trên cơ sở gắn liền việc sản xuất với đánh địch bảo vệ tài sản tánh mạng nhân dân, bảo vệ sản xuất. Chăm lo đời sống cho nhân dân, thực hiện một số điểm về chính sách ruộng đất như đã quy định để bồi dưỡng sức dân đẩy mạnh kháng chiến ⁽¹⁾.

Để phù hợp với tình hình mới khi Mỹ đã đưa quân vào chiến trường Bình Thuận, nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phong trào kháng chiến, tạo thuận lợi cho huyện Thuận Phong và Hòa Đa có căn cứ tạo bàn đạp tấn công ra phía trước, cuối năm 1966 Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định giải thể huyện Lê Hồng

(1) Trích Nghị quyết Tỉnh ủy tháng 7/1966 - Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận - Ký hiệu IIĐb1 (1966).

Phong ⁽¹⁾, giao các xã Hồng Lâm (sau đó tách thành 02 xã: Hồng Lâm 1 và Hồng Lâm 2), Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Tân cho huyện Hòa Đa; đồng chí Trần Văn Tình - Tỉnh ủy viên, nguyên Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy Hòa Đa. Huyện ủy gồm có các đồng chí: Trần Văn Tình, Đặng Bá Sang, Nguyễn Quốc Thịnh, Vũ Đình Bá, Vũ Bảo, Trần Lực, Nguyễn Thị Cạn, Nguyễn Khiêm, Trần Văn Túc (cuối năm 1966 đồng chí Túc hy sinh, đồng chí Quốc - Bí thư Chi bộ xã Hồng Thái được bổ sung vào Huyện ủy). Đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh và đồng chí Nguyễn Khiêm vẫn phụ trách các xã căn cứ của huyện. Đồng chí Vũ Bình Phong thay đồng chí Nguyễn Anh Dũng làm Huyện Đội trưởng, đồng chí Trương Minh Biên làm Đại đội trưởng C.440. Các xã Hồng Trung, Hồng Liêm, Hồng Sơn, Hồng Thanh, Hồng Thịnh giao về cho huyện Thuận Phong, do đồng chí Nguyễn Ninh làm Bí thư. Đến tháng 9/1967, đồng chí Trần Trung Việt thay làm Bí thư. Tháng 11/1967 đồng chí Việt hy sinh, đồng chí Nguyễn Thanh Tâm (Bảy Tâm)

(1) Thời gian này, tỉnh giải thể Ban Cán sự Bắc Sơn, thành lập lại các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong. Đồng thời cắt một số xã của huyện Lê Hồng Phong nhập vào Miền A, thành lập huyện Thuận Phong.



Đồng chí Trần Văn Tình (Sáu Tình),
Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong
từ 1964 - 1966.



thay làm Bí thư; đồng chí Lê Đức Thuận làm Phó bí thư; đồng chí Trần Văn Năm làm Huyện Đội trưởng.

Như vậy, các huyện Hòa Đa và Thuận Phong đều có 2 vùng: vùng căn cứ và vùng địch tạm chiếm. Ở các xã căn cứ của 2 huyện đều giữ nguyên bộ máy tổ chức, gồm có Chi bộ xã, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng và các đoàn thể giải phóng. Chi bộ ít nhất có 3 đảng viên và chi bộ nhiều nhất có 26 đảng viên⁽¹⁾; cấp ủy mỗi chi bộ lớn từ 3 đến 5 đồng chí.

Về lực lượng vũ trang, Đại đội 440 - bộ đội địa phương huyện Lê Hồng Phong được chuyển thành bộ đội địa phương huyện Hòa Đa. Để có lực lượng bảo vệ các xã căn cứ, ngày 02/9/1966, huyện Hòa Đa thành lập thêm 01 trung đội độc lập lấy tên là Trung đội 2/9 (còn gọi là B 2/9), do đồng chí Nguyễn Thành Tâm làm Trung đội trưởng, Nguyễn Văn Lai làm Trung đội phó, đồng chí Tầm làm Chính trị viên (khi đồng chí Tầm hy sinh, đồng chí Bùi Tâm thay thế). Lực lượng B 2/9 phần nhiều là du kích các xã căn cứ và có Đại đội 440 tăng cường. Trung đội độc

(1) Đến tháng 12/1968, chi bộ xã Hồng Trung có 3 đảng viên; chi bộ xã Hồng Thanh có 16 đảng viên; chi bộ xã Hồng Thịnh có 8 đảng viên; chi bộ xã Hồng Liêm có 21 đảng viên; chi bộ xã Hồng Sơn có 26 đảng viên; chi bộ xã Hồng Thái có 16 đảng viên...

lập đóng quân ở các xã căn cứ, phối hợp với du kích chống càn bảo vệ căn cứ và tham gia đột áp đánh địch. Đến đợt Tổng tấn công Xuân Mậu Thân 1968, trung đội B 2/9 được sáp nhập vào Đại đội 440.

Về lực lượng dân quân, du kích, mỗi xã căn cứ có từ 1 đến 2 tiểu đội. Ngoài ra, tại các xã phía trước ta cũng thành lập 01 đội vũ trang công tác và lực lượng du kích mật trực tiếp bám ấp, bám dân, xây dựng cơ sở, diệt ác, trừ gian.

Trước tình hình địch đánh phá ác liệt, các cơ quan và Trạm xá huyện Hòa Đa chuyển về rừng Thái An, rừng Nhu; huyện Thuận Phong đóng ở rừng Hồng Liêm, Bệnh xá đóng ở rừng Ô Rô. Trong thời gian này, ta chủ trương cho những người già yếu, phụ nữ có con mọn tạm thời tản cư ngược vào vùng địch tạm chiếm. Số khỏe mạnh ở lại quyết tâm bám căn cứ "một tấc không đi, một ly không rời".

Để đối phó với cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, chống lại các cuộc càn quét, đánh phá của địch, hai huyện Hòa Đa và Thuận Phong chủ trương đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh. Ta tăng cường công tác bố phòng quanh căn cứ, vận động nhân dân làm chông bàn, hầm chông nguy trang trong lòng đất, chông sắt treo trên cây, chông

ngắn chống bộ binh, chống dài chống máy bay đổ quân. Thời kỳ này, ta không còn làm được nhà trên mặt đất, mà phải xây dựng nhà hầm để ở. Lúc đầu làm hầm nổi, sau làm hầm bằng mặt đất, miệng hầm ngụy trang để máy bay trực thăng, loại "tàu gạo" của địch khó phát hiện. Không chỉ nhà ở, mà cả hội trường xã, lớp học cho trẻ em đều phải làm dưới lòng đất, có hầm chứa đến 70 - 80 người. Lúc bấy giờ, dụng cụ sinh hoạt thường xuyên đều phải che giấu trong lòng đất. Mỗi người dân cũng được "quân sự hóa", bồng trên vai, bi đông nước, cơm vắt bên lưng, ngày ngày trong tư thế sẵn sàng chống càn. Mỗi xã căn cứ đều xây dựng từ 1 đến 3 căn cứ dự phòng, tất cả đều dự trữ nước để dùng khi gặp địch càn quét dài ngày. Cuộc sống ở đây hết sức khó khăn và căng thẳng, nhưng nhân dân vẫn quyết tâm bám trụ, xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ cách mạng. Ban ngày địch đánh phá, việc sản xuất và đi lấy nước khó khăn, đồng bào tranh thủ làm vào ban đêm. Để khắc phục về lương thực, ngoài động viên nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, trồng các loại cây lương thực trên các rẫy phân tán trong rừng, ta còn tổ chức trao đổi với các vùng tạm bị chiếm, đưa lương thực về căn cứ để vừa đủ ăn và có phần dự trữ.

Dựa vào các tuyến bố phòng, nhân dân cùng với bộ đội, du kích huyện Hòa Đa, Thuận Phong liên tục chống địch càn quét, diệt nhiều tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giữ vững vùng căn cứ, giữ vững địa bàn đóng quân của lực lượng vũ trang. Ngày 31/01/1966, sau khi chiếm lại Lương Sơn, địch đánh ra vùng Trũng Bò (bìa ngoài xã Lương Sơn, bàn đạp ven căn cứ). Bộ đội C440 và du kích Lương Sơn chặn đánh, diệt gần 2 trung đội. Ngày 16/8/1966, địch dùng 2C biệt kích Mỹ ở Lương Sơn và 1B thám sát - lính người Nùng ở Sông Lũy chia làm 2 cánh càn vào vùng căn cứ Gũ Xà, với mục đích tìm diệt C440. Lực lượng C440 có 61 đồng chí và 10 du kích xã Hồng Liêm, chia làm 3 mũi chặn đánh địch. Sau 45 phút chiến đấu quyết liệt, ta diệt 93 tên, xóa phiên hiệu trung đội thám sát lính Nùng, đánh thiệt hại nặng 1C biệt kích Mỹ, tiêu hao 1C khác, thu 6 súng. Ta hy sinh 3, bị thương 1. Diệt lực lượng địch càn Gũ Xà, chẳng những nhân dân các xã căn cứ vui mừng phấn khởi, mà các đội công tác cũng có điều kiện đột áp xây dựng cơ sở, phát triển phong trào chính trị trong nhân dân. Với chiến thắng này, đơn vị C440 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng 3.

Sang năm 1967, Mỹ tiếp tục tổ chức nhiều cuộc càn lớn vào các xã căn cứ huyện Thuận Phong, với lực lượng từ 5 - 15 ngàn quân, kéo dài từ 3 đến 15 ngày. Đại đội 450 cùng du kích các xã căn cứ: Hồng Trung, Hồng Liêm, Hồng Thịnh vừa tổ chức cho nhân dân tránh lánh, vừa phân tán thành tổ nhỏ bám theo từng cánh quân địch, ngày đánh nhỏ tiêu hao từng tên, đêm dùng hỏa lực tập kích vào các cụm đóng quân để diệt địch.

Ở huyện Hòa Đa trong những ngày cuối tháng 02/1967, Mỹ sử dụng máy bay, phi pháo ném bom, bắn phá ác liệt vào các xã căn cứ như Hồng Lâm, Hồng Chính. Đồng thời, chúng dùng trực thăng đổ 6 tiểu đoàn lính Mỹ và chư hầu, kết hợp với xe tăng, xe bọc thép càn quét dài ngày vào các xã Hồng Tân, Hồng Thái, Hồng Lâm 1 và 2, Hồng Chính tàn phá hoa màu, giết hại đồng bào. Căm thù trước hành động của địch, bộ đội C440, B 2/9 và du kích các xã vùng căn cứ liên tục đánh địch. Ngày 23/02/1967, khi xe tăng Mỹ co cụm lại ở khu vực Giếng Chùa, bộ đội 440 và du kích do đồng chí Canh chỉ huy bất ngờ tập kích bắn cháy tại chỗ 2 xe tăng, diệt hơn 10 tên Mỹ. Trong suốt 7 ngày liên tục chiến đấu chống địch càn quét, các chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Hòa

Đa C440, B 2/9 và du kích các xã Hồng Lâm 1, Hồng Lâm 2, Hồng Chính, Hồng Tân và Đội công tác Hồng Thái đã diệt hơn 200 tên địch, bắn cháy 3 xe tăng Mỹ.

Ngày 14/5/1967, địch sử dụng 30 lượt máy bay trực thăng đổ quân xuống khu vực núi Hòn Hồng (xã Hồng Chính). Các cánh quân của địch vừa đánh vào ven rừng, vừa chốt giữ những nơi có nước. Sáng ngày 18/5/1967, địch ở núi Hòn Hồng chia làm 2 cánh đánh vào căn cứ Gò Cà (xã Hồng Chính), đồng thời tiếp tục dùng 16 lần trực thăng đổ thêm quân xuống khu vực Bàu Đế (sau lưng căn cứ Gò Cà), cũng chia làm 2 cánh đánh vào phía sau căn cứ Gò Cà. 11 giờ cùng ngày, 4 cánh quân Mỹ có máy bay yểm trợ liên tục tấn công vào căn cứ Gò Cà. Sau các đợt máy bay ném bom, bộ binh Mỹ lại tiến vào, đi đến đâu chúng bắn giết đến đó không chừa một ai. Lực lượng du kích chặn đánh và chuyển đồng bào về căn cứ thứ hai (T5), thứ ba (ở giữa căn cứ Gò Cà và rừng Ô Rô) tránh lánh. Tuy nhiên do thiếu cảnh giác, chỉ đạo không chặt chẽ trong lúc di chuyển, máy bay địch phát hiện và gọi bộ binh Mỹ bao vây, giết hại 48 người dân xã Hồng Chính, hầu hết là phụ nữ và trẻ em. Nhiều gia đình bị chúng giết hại như: gia đình

anh Dương Trục chết cả 2 vợ chồng và 2 đứa con; gia đình ông Nguyễn Thời chết vợ và 3 đứa con; gia đình anh Trần Bi chết vợ và 4 đứa con, chỉ còn lại 1 đứa con duy nhất. Dã man hơn, khi gặp ông Trần Hốt bị thương nặng, chúng đã dùng dây buộc vào cổ lôi đi. Nhân dân khu căn cứ không bao giờ quên tội ác tày trời của giặc Mỹ đã giết hại đồng bào Hồng Chính tại căn cứ Gò Cà ngày 18/5/1967 (tức ngày 10/4 âm lịch, Đinh Mùi 1967) và khắc sâu lời thề: "Thề cùng giặc Mỹ có tao không mày".

Trong lúc quân dân căn cứ đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, ác liệt hy sinh, quyết tâm chiến đấu chống quân Mỹ xâm lược, bảo vệ căn cứ cách mạng, thì cá biệt cũng có kẻ phản bội làm tay sai, chỉ điểm cho Mỹ đánh phá, giết hại đồng bào ta. Như tên Trần Minh (còn gọi là Minh Rỗ) người xã Hồng Lâm làm tay sai cho địch. Năm 1965, hắn được bọn địch cài cấy, giả trá hàng vào vùng căn cứ để phục vụ cho kế hoạch đánh phá của chúng. Lúc đầu Minh tỏ ra tích cực tham gia công tác kháng chiến, nên được chấp nhận vào du kích xã Hồng Lâm. Lợi dụng lúc đi tuần tra, hắn nắm tình hình, treo bong bóng chỉ điểm cho máy bay và pháo binh địch bắn vào căn cứ Hồng Lâm, Rừng Bú, Trạm xá Khu căn cứ T.10 và

ném bom vào hội trường huyện Hòa Đa ở căn cứ T.10 ⁽¹⁾. Tháng 10/1966, tên Minh đăng ký đi dân công, lợi dụng sơ hở của ta, hấn chỉ điểm cho quân Mỹ bất ngờ đánh vào lực lượng ta ở vùng căn cứ 102⁽²⁾. Hành động làm gián điệp của tên Minh bị nhân dân phát giác. Đầu năm 1967, tên Minh bị bắt và bị trừng trị đích đáng.

Trong tháng 7/1967, Mỹ sử dụng nhiều lượt máy bay Đa-cô-ta rải chất độc hóa học xuống các vùng thuộc xã Hồng Tân, Hồng Lâm, Hồng Chính (Hòa Đa) đến các xã Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Liêm, Hồng Sơn (Thuận Phong), hủy diệt sự sống trên vùng đất này, tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiêu diệt sức sống mãnh liệt và ý chí chiến đấu của nhân dân căn cứ.

Đầu tháng 8/1967, Mỹ tiếp tục mở cuộc hành quân càn quét dài ngày, quy mô lớn hơn vào hai xã Hồng Lâm 2 và Hồng Thắng thuộc huyện Hòa Đa, với 1.200 quân, có máy bay và xe bọc thép yểm trợ. Bộ đội địa phương huyện Hòa Đa (C440) phối hợp với lực lượng dân quân, du kích các xã căn cứ và tự

(1) Căn cứ T.10 ở một nơi giáp giữa xã Hồng Lâm và Hồng Trung.

(2) Căn cứ 102 ở trên tuyến đường giao liên huyện Thuận Phong, trong khu rừng giữa Hồng Liêm và Hồng Trung.



Hầm chống tăng trong kháng chiến chống Mỹ
ở căn cứ Khu Lê Hồng Phong.



vệ cơ quan huyện Hòa Đa quần bám đánh địch liên tục, bằng các loại vũ khí, công mìn. Ta diệt hơn 120 tên địch, phá hủy 4 xe bọc thép M.113, bể gãy cuộc càn của chúng, bảo vệ được cơ quan, kho tàng và tính mạng đồng bào. Bị thua đau, đến ngày 18/8/1967 địch phải rút quân.

Trong những năm tháng chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, biết bao đồng chí, đồng bào các xã căn cứ Hòa Đa (Lê Hồng Phong cũ) đã thể hiện chí kiên trung và lòng bất khuất, để lại những tấm gương sáng ngời, như Nguyễn Văn Hai, người con của xã Hồng Lâm kiên cường. Lúc mới 14 tuổi, Hai thoát ly làm giao liên huyện Hòa Đa, được phân công phụ trách đường dây (giao liên) từ rừng Dốc Găng xuống xã Hồng Lâm 1 (Hố Đất), đưa công văn của huyện chỉ đạo xã căn cứ và đơn vị công binh xưởng huyện (X30) đóng ở rừng Ô Rô. Ngày 16/3/1967, trong một lần từ huyện về đến khu rừng Trũng Lấu (thuộc xã Hồng Lâm), bị lọt vào ổ phục kích của địch, biết không thể vượt qua khỏi vòng vây của chúng, Hai đã rút chốt trái lựu đạn cầm sẵn trong tay. Bọn địch thấy em nhỏ nên chạy đến để bắt, Hai tung trái lựu đạn làm chết và bị thương hơn chục tên địch. Hai đã hy sinh anh dũng. Bọn Mỹ tức tối như một bầy thú điên cuồng, chúng đã mổ bụng và chặt đầu Hai, sau

đó đem xác em liệng dưới hầm đông, treo đầu em lên gốc cây sầm. Nguyễn Văn Hai hy sinh anh dũng để lại một tấm gương sáng ngời và tình cảm mến phục trong lòng người dân căn cứ.

Trước tình hình địch sử dụng máy bay bắn phá, giết hại cán bộ, đồng bào ta ở khu căn cứ, nhất là trực thăng "cán gáo" bất thành linh đổ chụp gây nhiều tổn thất cho đồng bào và lực lượng vũ trang. Huyện ủy Thuận Phong phát động phong trào thi đua bắn máy bay Mỹ, với giải thưởng: bắn rơi 01 chiếc được tặng danh hiệu "Dũng sĩ diệt máy bay" và thưởng 500đ. Hưởng ứng phong trào, trong năm 1966-1967 quân và dân căn cứ đã bắn rơi trên 20 máy bay các loại (hầu hết là trực thăng). Điển hình cho phong trào bắn máy bay Mỹ ở các xã căn cứ là trận phục kích máy bay của du kích xã Hồng Thanh. Ngày 17/9/1967, đồng chí Trần Văn Tiến (Tám Tiến) Xã Đội trưởng cùng 3 chiến sĩ đã dùng súng trường bắn rơi 02 chiếc HU1A của Mỹ trong lúc đang yểm trợ bộ binh càn vào căn cứ. Ngày 18/9/1967, với sự bình tĩnh và mưu trí, đồng chí Nguyễn Văn Xi du kích xã Hồng Thịnh đã bắn rơi 2 chiếc tàu gáo, khi chúng phát hiện ra anh đang ở trong rẫy và tìm cách bắt sống anh. Phát huy thắng lợi, sau đó du kích các xã Hồng Thịnh, Hồng Liêm,

Hồng Sơn... đều bắn rơi trực thăng, máy bay trinh sát của địch. Du kích Hồng Liêm bắn rơi 01 trực thăng ở Cầu Dĩ; du kích xã Hồng Thịnh bắn rơi 01 L19 khi bay quan sát ở khu vực Triền. Đơn vị C440 thuộc huyện Hòa Đa cũng bắn rơi nhiều máy bay, trong đó có 01 chiếc cần cầu (đồng bào quen gọi là con nái) rơi ở rừng Thái An, khi chúng đáp xuống để cướp lúa ở kho, vừa cất cánh được 100m bị bắn rơi, làm chết 22 tên địch.

Cùng với phong trào bắn máy bay, phong trào thi đua diệt xe bọc thép cũng được đẩy mạnh. Lúc đầu ta chưa có súng chống tăng, chưa biết đánh trái (mìn tự tạo), bộ đội, du kích đã dùng súng “bá đở” bắn hỏng xích xe bọc thép M.113, buộc địch phải bỏ dỡ nhiều cuộc càn. Đầu năm 1967, tỉnh chủ trương thành lập công binh xưởng để tận dụng bom, đạn địch chế tạo vũ khí, phục vụ phong trào du kích chiến tranh tại chỗ. Huyện Thuận Phong và Hòa Đa đều có đội công binh xưởng và tổ sửa chữa vũ khí, mỗi đội từ 5 đến 7 đồng chí. Đội Công binh xưởng huyện Thuận Phong được thành lập tháng 5/1967 do đồng chí Nguyễn Văn Phàn làm Xưởng trưởng, đóng quân ở rừng Diểu (xã Hồng Liêm). Đội Công binh xưởng huyện Hòa Đa do đồng chí Lợi (người xã Hồng Trung) làm Xưởng trưởng (khi đồng chí Lợi hy

sinh, đồng chí Trung thay), đóng quân ở Đường Gõ (rừng Ô Rô - giữa Hồng Lâm và Hồng Trung). Các đội công binh xưởng có nhiệm vụ lấy đầu đạn pháo 105 lép của địch về cải tạo thành trái nỏ dùng để đánh xe tăng, xe bọc thép của Mỹ... Ngoài ra, tổ sửa chữa và đội công binh còn làm nhiệm vụ hướng dẫn chế tạo mìn, trái nỏ đánh tăng cho dân quân du kích, đội công tác xã và trực tiếp đánh diệt xe tăng địch. Với vũ khí tự tạo, bộ đội và du kích thi đua diệt xe cơ giới địch, làm hạn chế sự đánh phá của chúng trong các cuộc càn.

Tháng 11/1967, bộ đội địa phương Hòa Đa phối hợp với Tiểu đoàn 840 (Khu VI) và cán bộ, chiến sĩ Trường Quân chính Quân khu, cùng lực lượng sản xuất của huyện tập kích vào điểm đóng quân dã ngoại của Mỹ-ngụy tại Bàu Ốc. Kết thúc trận đánh, ta diệt và làm bị thương gần 100 tên, bắn cháy và phá hủy 1 chi đoàn xe bọc thép, bắn rơi 4 trực thăng, buộc địch rút bỏ cứ điểm dã chiến. Trận đánh đã làm thối động mạnh đối với hàng ngũ địch và có tác dụng cổ vũ phong trào quần chúng.

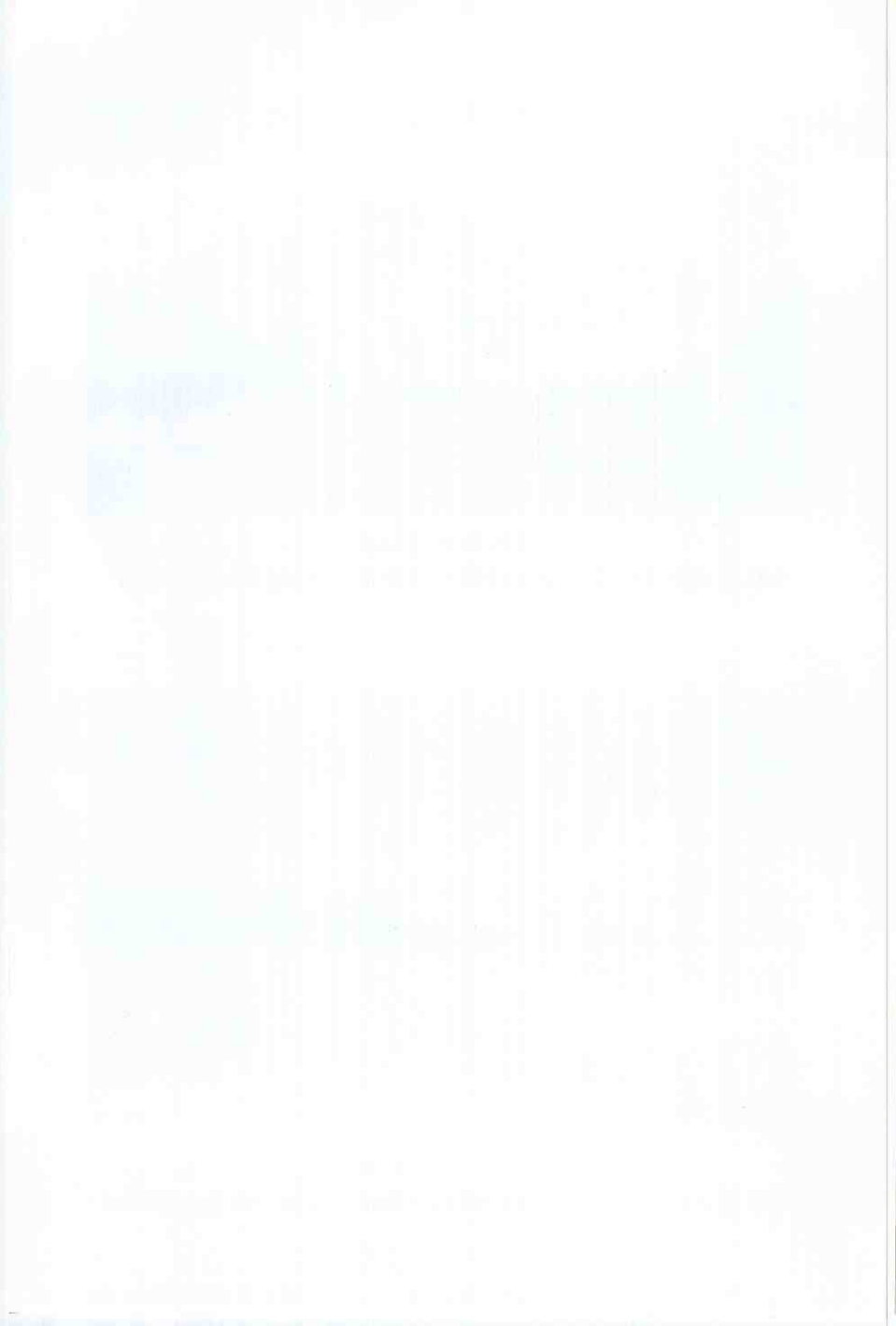
Ngoài nhiệm vụ đánh địch càn quét bảo vệ an toàn căn cứ, Cấp ủy, Chính quyền các xã căn cứ luôn chú ý lãnh, chỉ đạo phong trào sản xuất tự túc. Từ



Núi Bà Tàng,
nơi đóng căn cứ của xã Hồng Thịnh, trong kháng chiến.



Lũng "Lôn Cốc"
nơi đóng căn cứ của xã Hồng Thịnh, trong kháng chiến.



năm 1966 - 1967 trở đi, các xã căn cứ giải phóng đều thành lập Ban lương thực trực thuộc Phòng Tài chính huyện. Ban lương thực xã từ 6 đến 8 thành viên có nhiệm vụ nhận một khoản kinh phí của Huyện đi mua hàng hóa, lương thực, thực phẩm trong vùng địch, tải về hậu cứ, lập kho cất giữ và thực hiện cấp phát theo chỉ đạo của lãnh đạo Huyện và Tỉnh. Ban lương thực xã huy động nhân dân căn cứ làm công tác vận chuyển, bảo quản, cất giữ và trả công cho bà con. Ngoài ra, Ban lương thực còn giúp Cấp ủy, Chính quyền tổ chức cho nhân dân trực tiếp tăng gia sản xuất, phát triển chăn nuôi, thực hiện tự túc, tự cấp trong căn cứ.

Vào những tháng cuối năm 1967 "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam cũng như "chiến tranh phá hoại" bằng không quân của Mỹ ở miền Bắc nước ta đã lên đến đỉnh cao và bị thất bại nặng nề. Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 01/1968 nhận định "... Ta đã đánh thắng địch cả về chiến lược và chiến thuật, ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi. Địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn" và đề ra chủ trương mở cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt tết Mậu Thân 1968, nhằm giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Mỹ.

Thực hiện chủ trương của Trung Ương cục và Bộ Tư lệnh miền Nam, trong cuộc tiến công và nổi dậy vào tết Mậu Thân 1968, Quân khu VI chọn Phan Thiết tỉnh Bình Thuận là một trong 2 trọng điểm của Khu VI⁽¹⁾. Phối hợp với chiến trường trọng điểm của tỉnh Bình Thuận, lực lượng cán bộ, dân quân du kích các xã căn cứ huyện Hòa Đa và Thuận Phong được điều động ra phía trước. Đối với huyện Hòa Đa, từ năm 1965 đến cuối năm 1967 đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh phụ trách Ban Tổ chức - Tuyên huấn huyện, và các xã căn cứ: Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng. Đến cuối năm 1967, Huyện ủy Hòa Đa điều thêm đồng chí Nguyễn Khiêm - Huyện ủy viên làm Huyện Đội phó cùng với đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh phụ trách các xã căn cứ. Khi có lệnh tổng tấn công Mậu Thân 1968, cơ quan Huyện ủy Hòa Đa cũng được chuyển sang phía núi Ga Lãng để chỉ đạo phong trào tấn công địch ở phía trước. Từ đó sự chỉ đạo của huyện đối với các xã căn cứ có khó khăn nên năm 1968, huyện Hòa Đa thành lập Ban Cán sự căn cứ, để kịp thời chỉ đạo các xã căn cứ, do đồng chí Bùi Tấn Công, Huyện ủy viên làm Bí thư Ban Cán sự và các ủy viên gồm đồng chí Nguyễn Khiêm, Nguyễn

(1) Trong Mậu Thân 1968, Phan Thiết và Đà Lạt là 2 trọng điểm tấn công địch của Khu VI.

Thoang (Sáu Thoang). Còn huyện Thuận Phong thành lập Ban Cán sự căn cứ do đồng chí Hai Trương - Thường vụ Huyện ủy làm Bí thư, các ủy viên gồm: Hồ Văn Lợi (Ba Tân), Trần Văn Năm, Thừa, Ôn.

Trong khí thế tấn công địch Xuân Mậu Thân 1968, lực lượng cán bộ, du kích các xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng, Hồng Tân huyện Hòa Đa đã phối hợp cùng các đội công tác đánh địch, vũ trang hỗ trợ cho đồng bào các ấp Xóm Ruộng (Lương Sơn), Cầu Queo, Hiệp An, Hiệp Bình, Hiệp Hòa, Hiệp Thành (Hồng Thái), Xuân Hội (Chợ Lầu)... nổi dậy diệt ác, phá kềm giành quyền làm chủ; cùng các đơn vị bộ đội địa phương huyện vây ép đánh địch, lấy mục tiêu Chợ Lầu là điểm của huyện Hòa Đa. Riêng huyện Thuận Phong, du kích và đội công tác các xã Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh cùng C450 và lực lượng vũ trang tập trung của Tỉnh, của Khu VI tấn công vào hang ổ ngụy quân, ngụy quyền Bình Thuận ở Phan Thiết, giải phóng nhà lao, giải thoát hơn 700 cán bộ, chiến sĩ và nhân dân bị giam giữ. Trong đó có các đồng chí Đặng Tịnh Quang - Chính trị viên phó Huyện đội Thuận Phong, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Phương... được giải thoát trở về vùng căn cứ tiếp tục tham gia kháng chiến. Đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân,

phụ nữ và thanh niên hăng hái đi dân công, tải đạn, tải thương phục vụ chiến trường.

Thực hiện tinh thần "tấn công chính trị" hỗ trợ tấn công quân sự, trên 150 phụ nữ các xã Hồng Thanh, Hồng Trung, Hồng Liêm, Hồng Sơn tập trung về Hồng Sơn tổ chức hàng ngũ chính tề, với băng cờ khẩu hiệu tiến về Phan Thiết, khi đến Xa Ra, đoàn người tăng lên gần 200 người⁽¹⁾. Đoàn biểu tình đến Phú Long bị địch chặn lại, đành quay về Xa Ra (Hàm Đức), làm mít tinh.

Phối hợp với tấn công địch phía trước, nhân dân các xã căn cứ hăng hái, tích cực thực hiện mọi mặt công tác kháng chiến, vận động người thân trong các ấp chiến lược về tham gia bố phòng xây dựng căn cứ, động viên nam nữ thanh niên thoát ly, đóng góp sức người sức của cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Trong đợt tấn công Xuân Mậu Thân 1968, huyện Hòa Đa có 88 thanh niên thoát ly, trong đó hơn 20 nữ thanh niên là con em các xã căn cứ ở lứa tuổi mười chín, đôi mươi tham gia xây dựng đơn vị nữ B68 của huyện⁽²⁾.

(1) Theo thư Báo cáo một số tình hình của đồng chí Hiếu, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ký hiệu IIĐa26 (68): "... đến Xa Ra đoàn biểu tình khoảng 700 người bị địch ngăn lại".

(2) B68 là trung đội nữ bộ đội địa phương huyện Hòa Đa được thành lập đầu năm 1968.

Sau đợt tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, lãnh đạo huyện Hòa Đa rút kinh nghiệm, bổ sung củng cố lực lượng, tiếp tục tấn công địch. Bước vào đợt Hè -Thu 1968, được sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, bộ đội địa phương huyện Hòa Đa, đội công tác và du kích các xã đã liên tục tấn công Chợ Lầu, quận lỵ, chi khu Hòa Đa... Đặc biệt lần đầu tiên tham gia cùng bộ đội Quân khu VI tấn công vào cứ điểm Sông Mao, hậu cứ của Trung đoàn 44, Sư đoàn bộ binh 23 ngay vào đêm 25 rạng 26/11/1968, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn bộ binh, chi đoàn xe bọc thép 4/8, làm hoang mang quân địch trong khu vực, hỗ trợ cho phong trào phá ấp, mở vùng ở địa phương.

Những thắng lợi quân sự trong năm 1968 càng động viên cổ vũ nhân dân vùng căn cứ phấn khởi, hăng hái quyết tâm tập trung sức lực cao nhất phục vụ cho yêu cầu tấn công địch, với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Được sự chỉ đạo của huyện Hòa Đa, Thuận Phong, nhân dân các xã căn cứ tiếp tục củng cố, xây dựng căn cứ, ổn định thể ăn ở, phát triển bố phòng đánh địch với hình thức phù hợp. Ngoài các tuyến chông bố phòng quanh căn cứ và những hướng dự đoán địch có thể đến, ta tổ chức tiếp tục bố phòng từng cụm, vừa có hầm chông chống bộ binh địch, vừa gài trái nổ đánh xe tăng địch khi chúng càn vào căn cứ.

Cùng với hoạt động quân sự, giai đoạn này còn có 2 cuộc vận động chính trị ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân căn cứ. Đó là cuộc vận động xây dựng củng cố chính quyền cách mạng và học tập Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch nhân ngày Thương binh liệt sỹ 20/7/1968. Qua đó đã đẩy lên một không khí phấn khởi trong nhân dân, mọi người hăng hái sản xuất, phát triển chăn nuôi cải thiện đời sống, tham gia tích cực các mặt công tác kháng chiến như đi dân công, mua lương thực, thuốc men cho cách mạng...

Trong những năm 1966 - 1968, chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ - ngụy, với tinh thần cách mạng tiến công và với "khí thế Mậu Thân" dồn sức ra phía trước, quân dân các xã căn cứ đã vượt qua bao khó khăn, ác liệt, phát triển phong trào du kích chiến tranh, phối hợp cùng lực lượng tỉnh, huyện góp phần làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ", buộc Mỹ phải ngừng ném bom ở miền Bắc và đàm phán với ta ở Hội nghị Paris.

b) Vượt qua mọi gian khổ ác liệt, giữ vững vùng căn cứ, góp phần đánh bại một bước chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch (1969 - 1973).

Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ - ngụy bị thất bại, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược

"Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm dùng "người Việt đánh người Việt" với công thức "lính ngụy + hỏa lực Mỹ". Biện pháp chủ yếu của chiến lược này là tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch "bình định" miền Nam với chiến thuật "quét và giữ". Mỹ âm mưu vớt dần quân ngụy mạnh lên để thay thế quân Mỹ và rút dần quân về nước. Đồng thời tăng cường trang bị vũ khí, hậu cần cho quân ngụy, nhằm duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam.

Thực hiện âm mưu đó, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tăng cường bắt lính đôn quân, củng cố bộ máy ngụy quyền, phát triển mạng lưới do thám gián điệp, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi dụ hàng. Chúng còn mở các cuộc càn quét, đột kích, kết hợp bộ binh, pháo binh, cơ giới đánh phá các vùng căn cứ giải phóng của ta và ủi phá địa hình, lấn chiếm các vùng ven, vùng mới giải phóng. Bước đầu địch tạm thời gom được một số dân ở xã Hồng Liêm, thôn 3 (Hồng Sơn) vào ấp chiến lược Gộp.

Ngày 06/6/1969, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập. Trong những tháng cuối năm 1969, hai huyện Hòa Đa, Thuận Phong cũng tổ chức đại hội nhân dân

thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời. Sau đó các xã căn cứ tiến hành đại hội đại biểu nhân dân thành lập chính quyền cách mạng. Các xã căn cứ huyện Hòa Đa, các cơ quan lãnh đạo được củng cố một bước. Ở xã Hồng Chính, khi đồng chí Trần Phương - Bí thư Chi bộ được điều về huyện Hòa Đa, đồng chí Trần Hồng Trinh - Phó Bí thư lên thay làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hồ Ngọc Vĩnh làm Phó Bí thư và đồng chí Trần Khánh Mỹ làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời. Các đồng chí: Trần Bí làm Trưởng Công an, đồng chí Võ Thành làm Xã Đội trưởng, Trần Thị Ngọc làm Hội trưởng Phụ nữ, Trần Mão làm Hội trưởng Nông dân, Nguyễn Chiến làm Bí thư Đoàn thanh niên.

Xã Hồng Lâm I, do đồng chí Trần My làm Bí thư Chi bộ, sau đó chuyển về huyện, đồng chí Nguyễn Thị Lừa - Phó Bí thư lên thay làm Bí thư Chi bộ. Sau đồng chí Lừa chuyển về huyện, đồng chí Trần Hào và đồng chí Huỳnh Thị Nhiên thay nhau làm Bí thư, đồng chí Lê Điểm làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời, đồng chí Huỳnh Thắng làm Xã Đội trưởng ⁽¹⁾, đồng chí Trần

(1) Có ý kiến: Xã đội trưởng Hồng Lâm 1 là đồng chí Nguyễn Trung, còn đồng chí Huỳnh Thắng đã hy sinh tháng 2/1968.



Rừng Gũ,
căn cứ xã Hồng Thanh trong kháng chiến.



Tặng và Nguyễn Trung thay nhau làm Hội trưởng Nông hội, đồng chí Trần Thị Chúc làm Hội trưởng Phụ nữ và Nguyễn Thị Đào làm Bí thư Đoàn thanh niên.

Xã Hồng Lâm II do đồng chí Trần Hữu Nhân làm Bí thư Chi bộ, Trần Thị Ké làm Phó Bí thư, đồng chí Trương Đạt làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời. Các đồng chí: Nguyễn Lành làm Xã Đội trưởng, Nguyễn Thị Lạch làm Hội trưởng Phụ nữ, Huỳnh Thị Duyên làm Bí thư Đoàn thanh niên và Huỳnh Thích làm Chủ tịch Mặt trận.

Xã Hồng Thắng do đồng chí Võ Trường Sanh làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Lê Quang Vịnh làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời. Các đồng chí: Nguyễn Khanh thay đồng chí Nguyễn Chiến làm Xã Đội trưởng, Nguyễn Phiến làm Hội trưởng Nông hội, Nguyễn Thị Xá làm Hội trưởng Phụ nữ và Nguyễn Thị Chính làm Bí thư Đoàn thanh niên.

Xã Hồng Tân do đồng chí Nguyễn Hai (tức Nguyễn Kỳ) làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Thoang làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời.

Ở huyện Thuận Phong thời gian này các xã được tổ chức thành 4 mảng: Mảng 1 (từ Phú Long đến Phú Hải) do đ/c Sáu Long - Thường vụ Huyện ủy kiêm Bí thư Chi bộ; Mảng 2 (vùng Rạng- Mũi Né) do đ/c Thuận - Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Bí thư Chi bộ; Mảng 3 (vùng từ Tuy Hòa lên Hồng Liêm, Hồng Sơn) do đ/c Bùi Minh Huệ (Tám Hân) - Thường vụ Huyện ủy kiêm Bí thư và Mảng 4 (vùng căn cứ) do đ/c Lê Đình Nguyên - Huyện ủy viên, phụ trách Văn phòng Huyện ủy kiêm Bí thư Chi bộ.

Sau một thời gian, huyện giải thể 4 mảng, lập lại các xã: Hồng Trung do đồng chí Hà Minh Chánh làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Mười Sĩ làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời; Hồng Thanh do đồng chí Phạm Ngọc Đăng làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Xuân Điệp làm Chủ tịch; Hồng Sơn do đồng chí Võ Liên Đoàn làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Thị Bích làm Phó Bí thư; Hồng Liêm do đồng chí Đào Thanh Ngọc làm Bí thư Chi bộ; Hồng Thịnh do đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Phan Văn Thu là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời.

Dân số vùng giải phóng huyện Thuận Phong có 8.954 người gồm các xã: Hồng Trung, Hồng

Thanh, Hồng Thịnh có 786 người và vùng giải phóng mới gồm các xã: Hồng Liêm, Hồng Sơn, Xa Ra, Tuy Hòa có 8.168 người (trong đó xã Hồng Liêm 700, Hồng Sơn 2.970); Vùng giải phóng của huyện Hòa Đa có 6.988 người, gồm các xã: Hồng Lâm 1, Hồng Lâm 2, Hồng Chính, Hồng Tân, Hồng Thắng có 460 người, vùng giải phóng mới là Chợ Lầu (3 ấp) và Hồng Thái (4 ấp) có 6.528 người ⁽¹⁾.

Sau khi củng cố tổ chức, các xã đã phát động phong trào thi đua xây dựng căn cứ, phát triển lực lượng dân quân, du kích đánh địch, bảo vệ căn cứ và thực hiện các mặt công tác kháng chiến. Đối với địch, từ giữa tháng 5 đến tháng 7/1969, chúng thường xuyên dùng máy bay, pháo binh bắn phá và dùng lực lượng nhỏ đột kích, phục kích liên tục vào các xã căn cứ của 2 huyện Hòa Đa, Thuận Phong. Từ ngày 27/7 đến 08/10/1969, chúng sử dụng D2/320, Lữ đoàn 2/8 Mỹ dùng xe ủi phá phát quang địa hình, phá các khu rừng vùng căn cứ tạo thành những hành lang rộng 200 - 300m từ xã Lương Sơn, Hồng Thái ra đến bờ biển và từ các xã Hồng Trung, Hồng Thịnh ra đến xã Phú Hải, chia cắt các xã Hồng Lâm, Hồng Chính,

(1) Theo báo cáo tình hình dân số đến ngày 30/01/1969. Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.

Hồng Thắng, Hồng Tân thành nhiều ô vuông như bàn cờ. Cùm rừng nào không ủi phá được, chúng rải chất độc hóa học làm chết rụi cây cối. Hàng ngày trực thăng bay lượn trên vùng căn cứ tìm kiếm các vị trí bộ đội, đồng bào tránh lánh để đánh phá. Với cách này, Mỹ - ngụy tưởng rằng có thể tiêu diệt được lực lượng ta ở căn cứ.

Trước tình hình địch bắn phá ác liệt, một số người dân căn cứ có hoang mang, các đội công tác đứng chân hoạt động ở đây cũng gặp nhiều khó khăn. Nắm được quy luật hoạt động của địch, biện pháp đối phó của ta là địch đánh vào vùng này thì dân quân du kích đưa nhân dân chuyển sang vùng khác. Lực lượng dân quân du kích liên tục bám địch mà đánh. Ban ngày tổ chức bắn tỉa, gài trái, ban đêm ta tập kích vào nơi đóng quân của địch, tạo ra tình hình thường xuyên bất ổn đối với chúng. Phong trào thi đua diệt xe cơ giới lúc này tiếp tục nở rộ. Chỉ trong 10 ngày (từ ngày 10/8 - 20/8/1969) du kích hai xã Hồng Sơn, Hồng Thịnh dùng mìn tự tạo đánh địch tràn vào căn cứ, diệt trên 100 tên, phá hủy 15 xe tăng. Riêng trong ngày 05/9/1969, du kích các xã căn cứ phá 15 xe ủi đất của địch. Trong năm 1969, du kích xã Hồng Lâm dùng đầu đạn gài đánh vào các

cụm đầu xe trên đường đi càn, phá hỏng hàng chục xe cơ giới Mỹ. Đội công tác xã Lương Sơn đứng chân trên khu rừng phía Bắc xã Hồng Thắng đã đánh hỏng 6 xe tăng và xe bọc thép Mỹ. Với thành tích đó, đội công tác Lương Sơn (có 5 du kích) đạt danh hiệu “Dũng sĩ diệt cơ giới Mỹ” trong năm 1969. Nhiều chiến sĩ du kích như Hồ Ngọc Vĩnh, Nguyễn Sinh, Võ Thành (xã Hồng Chính)... đã lập nên những thành tích, phá hủy nhiều xe tăng và diệt nhiều lính Mỹ.

Được Mỹ tiếp sức, bọn ngụy quân, ngụy quyền đẩy mạnh hoạt động bình định, tiếp tục gom dân lập lại các ấp chiến lược trên quốc lộ I. Trong quý III năm 1969, địch càn, dồn dân xã Hồng Sơn hàng chục lần, chúng đốt nhà này, đồng bào cất nhà khác trên đống tro tàn, kiên quyết bám trụ không về vùng địch. Lực lượng du kích các xã Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hồng Thái, Hồng Tân vừa làm nhiệm vụ chiến đấu chống địch càn quét bảo vệ căn cứ, vừa đánh phá ấp chiến lược diệt ác ôn, diệt đồn bót để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh 2 chân 3 mũi của quần chúng. Ở xã Hồng Thái, đội vũ trang công tác thường xuyên vào ấp chỉ đạo phong trào bên trong, bảo vệ đồng bào căn cứ vào thu mua lương thực, hàng hóa đưa ra ngoài căn cứ. Các đồng chí hoạt động quân báo, binh

vận của tỉnh đứng chân ở Hồng Thái, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng vẫn tổ chức hoạt động tốt, liên lạc được với cơ sở các nơi.

Cùng với hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh chính trị cũng được đẩy mạnh. Đồng bào xã Hồng Sơn, Hồng Liêm nhiều lần chặn đầu xe tăng địch đấu tranh chống ủi phá hoa màu. Ngày 15/7/1969, một đoàn xe tăng địch từ Giếng Chanh lên ủi phá cánh đồng thôn 1, xã Hồng Sơn. Đồng chí Nguyễn Thị Bích - Phó Bí thư Chi bộ vận động trên 50 phụ nữ ra giăng hàng chặn xe địch. Trước áp lực, bọn Mỹ phải quay đầu xe chạy theo đường hướng dẫn của quần chúng. Kết hợp tấn công quân sự với binh địch vận, ta đã bức rút được đồn Bàu Ốc...

Địch đánh phá ác liệt, càn quét liên miên, lương thực, hàng tiêu dùng cần thiết dự trữ ở căn cứ đều bị đốt phá, những vùng có nước uống bị rải chất độc và phục kích thường xuyên. Nhân dân trong căn cứ lương thực không có để ăn, nước không có để uống. Trước tình hình đó, Chi bộ, Ủy ban nhân dân cách mạng, ban ngành, đoàn thể các xã căn cứ đã họp đồng viên tư tưởng và bàn kế hoạch giải quyết đời sống trước mắt cho nhân dân. Về lương thực, du kích phối hợp với đội công tác các xã tạm bị chiếm

vào áp chiến lược, thu mua lương thực giải quyết nhu cầu cấp thiết cho nhân dân căn cứ. Dân quân, du kích tổ chức chốt giữ các giếng nước bảo vệ nhân dân đi lấy nước. Để có nước uống, ta phải chịu nhiều hy sinh tổn thất. Có lần, vào mùa khô năm 1969, tổ du kích xã Hồng Thắng, do đồng chí Lê Phận làm tổ trưởng đi trình sát cho nhân dân đi lấy nước, bị lọt vào ổ phục kích của địch, cả tổ hy sinh tại Giếng Pi làng Hưng Long.

Để giải quyết những khó khăn gay gắt trước mắt về lương thực và nước uống, Huyện ủy Hòa Đa và Thuận Phong một lần nữa chủ trương chuyển số trẻ em, cụ già, phụ nữ yếu ra tạm sinh sống tạm vùng giáp ranh, vùng tranh chấp; đồng thời giữ liên lạc, khi có điều kiện sẽ đưa dân về lại căn cứ. Chủ trương Huyện ủy đưa ra, nhiều bà con và ngay cả một số cán bộ xã cũng không đồng tình, mọi người vẫn quyết tâm bám lại căn cứ. Nhưng sau khi được tuyên truyền và hiểu được quan điểm của huyện là nhằm bảo vệ nhân dân, thì bà con đồng tình thực hiện. Vùng căn cứ chỉ còn lại một số người khỏe mạnh và lực lượng dân quân, du kích. Tính đến tháng 6/1970, các xã căn cứ của huyện Hòa Đa còn 115 người (xã Hồng Thắng có 12, Hồng Tân 10, Hồng

Chính 38, Hồng Lâm I - 30, Hồng Lâm II - 25), trong đó có 53 dân quân du kích, 30 đảng viên. Các xã căn cứ của huyện Thuận Phong có 349 người (trong đó xã Hồng Trung 104, Hồng Thanh 95, Hồng Thịnh 85, Hồng Liêm 65). Mặc dù lực lượng còn ít, nhân dân vẫn bám trụ, xây dựng căn cứ chiến đấu chống Mỹ với quyết tâm "còn một người cũng xây dựng căn cứ, còn một người vẫn quyết tâm đánh Mỹ". Với quyết tâm đó, ta đã xây dựng căn cứ trên các vùng đất còn lại, tổ chức bố phòng, phát triển sản xuất ở những nơi thuận tiện.

Sang năm 1970, địch tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch bình định: Từ tháng 1 đến tháng 6/1970, bình định cấp tốc; từ tháng 7/1970, bình định đặc biệt với biện pháp "bình định" bên trong và "càn quét" ngăn chặn bên ngoài. Trong tháng 3/1970, địch thường xuyên cho máy bay, pháo binh bắn phá các vùng căn cứ xã Hồng Chính, Hồng Lâm I, Hồng Lâm II; đồng thời sử dụng xe tăng và bộ binh càn vào các xã Hồng Trung (huyện Thuận Phong), Hồng Lâm, Hồng Chính (huyện Hòa Đa). Chúng càn quét, đánh phá hết đợt này đến đợt khác. Nhân dân các xã căn cứ cùng với lực lượng dân quân, du kích liên tục chống địch càn quét, chặn đánh nhiều trận, diệt hàng chục tên Mỹ - ngụy, bảo vệ căn cứ.

Hồng Sơn là một xã làm chủ của huyện Thuận Phong, dân số 2.508 người, được chia thành 4 thôn. Ngoài nhân dân sinh sống ở Hồng Sơn lâu đời còn có nhân dân các xã căn cứ Hồng Liêm, Hồng Thịnh, Hồng Thạnh đến sinh sống tạm ở đây. Vì vậy, địch đánh phá ác liệt, bằng mọi cách dồn dân Hồng Sơn đi nơi khác, nhằm đẩy lùi lực lượng cách mạng ra xa, tạo nơi đây thành vành đai trắng, thực hiện âm mưu dồn dân. Chỉ trong một tháng, từ ngày 10/7 - 12/8/1970 chúng tổ chức 3 cuộc càn quét vào xã Hồng Sơn gồm D3/E4 lính cộng hòa, lính bảo an, các đoàn bình định và tề xã. Cuộc càn lần thứ nhất vào ngày 10/7/1970, địch chia làm 3 cánh đánh vào thôn 1, 2 và 4. Địch càn phá cây ăn trái của dân, đốt nhà, cướp phá tài sản, bắn chết 2 phụ nữ và làm bị thương 2 nông dân. Cuộc càn lần hai từ ngày 27/7 đến 02/8/1970, chúng chiếm đóng thôn 2 và nửa thôn 1. Cuộc càn lần ba từ ngày 06/8 đến 12/8/1970, chúng bắt ép một số dân cùng đồ đạc ra xe chở về Gộp. Qua 3 đợt chống càn, du kích thôn, xã chặn đánh địch 47 trận, diệt và làm bị thương 96 tên (có 5 lính Mỹ, 85 lính cộng hòa), phá hủy 3 súng. Địch bắt 42 người dân, đến Xa Ra chúng thả 20, còn lại 22 người chúng bắt đi. Quần chúng đấu tranh chúng buộc phải thả hết số dân nói trên.

Ngày 10/10/1970, địch tổ chức đợt càn lần thứ hai vào xã Hồng Sơn, có trực thăng bắn phá và đổ biệt kích càn vào thôn 1, 2 để đánh phía sau căn cứ xã (do 8 tên đầu hàng chỉ điểm). Khi chúng vào thôn 1 bị du kích chặn đánh diệt 8 tên, bị thương 4 tên. Địch đốt 22 nhà của nhân dân thôn 1 và 49 nóc nhà của thôn 2, bắt đi 7 chị em phụ nữ. Đến 4 giờ chiều ngày 12/10, 2 C bảo an từ quốc lộ 1 chia làm nhiều cánh đánh vào thôn 2, bị lực lượng C450 bộ đội địa phương huyện và du kích chặn đánh quyết liệt, địch tháo chạy, phải gọi pháo bắn chi viện. Trong hai đêm 13, 14/10/1970, chúng bắn hàng trăm quả pháo vào thôn làm chết 1, bị thương 4 người dân; chết và bị thương 24 con trâu bò. Ngày 16/10, D202 bảo an chia làm nhiều cánh tập trung đánh vào thôn 1, 2. Chúng xả súng xuống hầm ẩn nấp của đồng bào bắn chết 2 người, đốt 120 nóc nhà. Du kích xã, thôn cùng C450 - bộ đội địa phương huyện Thuận Phong chặn đánh diệt 13 tên, bị thương 9 tên. Nhờ bám sát dân, ta phát hiện 12 gián điệp của địch để loại trừ chúng.

Ngày 20/10, địch liên tiếp mở 5 cuộc càn quét có phi pháo yểm trợ vào xã Hồng Sơn, với khẩu hiệu

đề ra: "đốt sách, phá sách, quét sạch, gom hết dân Hồng Sơn về ấp Gộp". Bọn chúng đã đốt phá nhà cửa, cướp tài sản của đồng bào, bắn chết những người chống lại chúng và dồn 38 gia đình chở về Gộp. Đến nơi do thiếu nơi ăn chốn ở, bà con đấu tranh trở về lại đất cũ.

Trong chống càn đợt 2, du kích và bộ đội đánh 24 trận, làm chết và bị thương 139 tên địch, phá 2 xe, bắn bị thương 1 trực thăng, bắt 12 tề điệp. Sau đợt chống càn, lãnh đạo xã tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm và đề ra chủ trương tiếp tục chuẩn bị chống phá âm mưu càn gom dân, bình định sắp đến của địch.

Qua nhiều đợt càn quét thất bại, nhưng địch quyết không để mất Hồng Sơn, nên sáng ngày 05/11/1970, chúng tập trung lực lượng gồm 2D cộng hòa, 4C bảo an, 3b cảnh sát tiểu khu, 12 đoàn bình định, 4 xe bọc thép tiếp tục đánh vào thôn 1, 2 xã Hồng Sơn, mở đầu cuộc càn lần thứ ba. Địch phá nhà cửa, chở của cải, bắt dân dồn ra xóm Gò. Trong chống càn đợt 3, du kích và bộ đội đã chặn đánh 4 trận, làm chết 70 tên địch, bị thương 59 tên, phá hỏng 4 xe bọc thép M 113 của địch.

Bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, địch đã dồn được một số dân Hồng Sơn vào ấp chiến lược. Nhưng với quyết tâm bám đất giữ làng, kiên trì chống địch dồn dân lập ấp, quân và dân xã Hồng Sơn đã chiến đấu liên tục, gây cho địch nhiều tổn thất, bảo vệ nhân dân. Dân số xã Hồng Sơn sau các đợt càn quét của địch còn 1.912 người, trong đó lực lượng thoát ly có 44 người (19 cán bộ (2 nữ) và 9 đảng viên). Ta củng cố lại xã căn cứ chia thành 2 thôn 1 và 2.

Đi đôi với tổ chức đánh địch càn quét bảo vệ căn cứ, lực lượng dân quân du kích các xã căn cứ coi trọng việc phối hợp cùng các đội công tác, bộ đội địa phương đột áp vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ cho nhân dân các ấp tạm bị chiếm đấu tranh chính trị, binh vận với địch. Các ấp Hiệp An, Hiệp Hòa, Hiệp Thành (xã Hồng Thái) không những là nơi cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm, thuốc men... cho cách mạng, mà còn là địa bàn liên lạc, móc nối cơ sở cách mạng với các nơi khác, là nơi nuôi dưỡng, che chở cán bộ hoạt động hợp pháp hoặc bán hợp pháp.

Trong hai năm 1971 và 1972, Mỹ - ngụy tiếp tục thực hiện kế hoạch "bình định đặc biệt". Chúng tăng cường bắt lính, đôn quân, củng cố bộ máy kèm

tại chỗ, tăng cường lực lượng cảnh sát, bảo an đến các ấp chiến lược, uy hiếp, khống chế quần chúng. Đồng thời chúng dùng máy bay, pháo binh, bộ binh đột kích, phục kích đánh phá các vùng căn cứ, vùng giải phóng hỗ trợ cho việc ủi phá địa hình lẩn chiếm vào các vùng tranh chấp, vùng giáp ranh giữa ta và địch, đánh vào các bàn đạp đứng chân của ta, nhất là bàn đạp căn cứ huyện, xã.

Để củng cố, trấn an nguy quân, nguy quyền và tăng cường hoạt động bình định, từ tháng 8/1971 địch đưa D233 pháo binh và Thiết đoàn 8 về Bình Thuận làm lực lượng cơ động đánh phá căn cứ của ta ở các huyện phía Bắc tỉnh. Tuy nhiên, từ năm 1971 mật độ càn quét của địch vào căn cứ giảm hơn các năm trước, nên nhân dân có điều kiện để ổn định thế ăn ở và phát triển sản xuất. Trong thời gian này, Huyện ủy Hòa Đa và Thuận Phong đã chỉ đạo các xã tiếp tục xây dựng căn cứ, xây dựng thế ăn ở, tổ chức bố phòng, động viên nhân dân tích cực lao động sản xuất. Đồng thời vận động nhân dân ở ấp chiến lược về tham gia xây dựng căn cứ, xây dựng dân quân du kích sẵn sàng tấn công địch ở phía trước và phục vụ tiền tuyến.

Quán triệt tinh thần đoàn kết cùng nhau ổn định thế ăn ở, theo chủ trương của Huyện ủy, đầu năm 1971 xã Hồng Chính xây dựng lại căn cứ Gò Cà, Hồng Lâm I xây dựng lại căn cứ Hồ Đất... Trên các trục đường địch thường đi càn quét, đột kích, các khu rẫy sản xuất được bố phòng bằng chông mìn, trái nổ và có hầm chống pháo. Từ việc lập lại thế ăn ở, xây dựng căn cứ, hình thành thế liên hoàn giữa các xã Hồng Lâm, Hồng Chính (huyện Hòa Đa) đến Hồng Trung, Hồng Thanh (huyện Thuận Phong) đã tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ lẫn nhau trong chiến đấu đánh địch, xây dựng căn cứ và tổ chức sản xuất.

Công tác bố phòng được các xã chú ý. Chỉ riêng các xã của huyện Thuận Phong, đã bố phòng xung quanh căn cứ 5.100 cây chông, đào 50 hầm chông và gài 13 trái nổ; nộp cho huyện 8.000 cây chông và 22 đầu đạn để bố phòng phía trước. Đồng thời, các xã chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, đưa giống mỳ Ấn Độ về trồng, cho năng suất cao. Các rẫy ở Hồ Đất, Gò Cà, Trũng Tây... được trồng các loại hoa màu ngắn ngày như khoai lang và đậu các loại. Việc trao đổi mua bán giữa nhân dân vùng căn cứ với quần chúng trong

ấp chiến lược vẫn được giữ vững. Nhờ vậy đời sống nhân dân vùng căn cứ từng bước được cải thiện, yên tâm bám căn cứ, tích cực tham gia các mặt công tác kháng chiến.

Năm 1972, ta mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam, nhằm đánh bại một bước "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch. Khu ủy và Quân khu VI chọn đoạn đường Quốc lộ I từ xã Lương Sơn đến ấp Tà Nung - xã Hồng Sơn là trọng điểm tấn công và thu hút lực lượng địch để tiêu diệt, tạo thuận lợi cho phong trào phá ấp, phá kềm giành quyền làm chủ, đưa thêm dân về khôi phục và mở rộng vùng căn cứ. Du kích các xã căn cứ được điều động ra phía trước tham gia phối hợp đánh địch, phá hoại cầu đường, phá hoại giao thông, gây cho địch nhiều trở ngại. Du kích Hồng Thái (có du kích xã căn cứ bổ sung) đắp 13 mô lớn nhỏ gài mìn trên Quốc lộ I, cách ấp Hiệp Hòa khoảng 500m, làm ngưng trệ giao thông của địch hơn 2 giờ. Trong tháng 4 và đầu tháng 5/1972, du kích các xã căn cứ và cơ quan huyện đã phối hợp cùng bộ đội địa phương, các đội công tác liên tục vũ trang tuyên truyền vào các ấp Cầu Queo, Hiệp Thành, Hiệp An, Hiệp Bình..., cắm 4 cờ Mặt trận

Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam ở Hiệp Bình, Xuân Hội, Cầu Queo và khu II Liêm Bình. Đêm cao điểm 08/5/1972, ta tiếp tục treo 4 cờ trong 4 ấp: Hiệp Hòa, Hiệp Thành, Hiệp An và Khu I Liêm Bình. Qua hoạt động, ta đưa ra được 12 gia đình gồm 35 người ở Cầu Queo mang theo tài sản và dụng cụ sản xuất về lại vùng căn cứ. Tác động qua thắng lợi trong đợt hoạt động Xuân Hè 1972, đồng bào tạm lánh đi các nơi trước đây, nay lần lượt trở về căn cứ ngày một nhiều hơn.

Sau Đại hội Đại biểu nhân dân huyện Hòa Đa (tháng 7/1972), bầu Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời huyện, khoảng tháng 9/1972, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định chia huyện Hòa Đa thành 2 huyện: huyện Hòa Đa Bắc do đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh làm Bí thư và huyện Hòa Đa Nam (gồm các xã căn cứ của huyện Lê Hồng Phong cũ) do đồng chí Đặng Bá Sang làm Bí thư Ban Cán sự.

Cuộc tiến công chiến lược của ta trong năm 1972 ở miền Nam và thắng lợi của quân dân miền Bắc trong 12 ngày đêm đánh bại đợt phá hoại của không quân Mỹ, đã buộc chúng phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt

Nam vào ngày 27/01/1973. Cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi to lớn, hoàn thành nhiệm vụ "đánh cho Mỹ cút" và tiếp tục chuyển sang giai đoạn "đánh cho ngụy nhào".

4. Tái lập huyện Lê Hồng Phong, tăng cường xây dựng căn cứ cách mạng, góp phần giải phóng quê hương (1973 - 1975).

Hiệp định Pari về Việt Nam đánh dấu kết thúc một thời kỳ có mặt quân Mỹ và chư hầu tại miền Nam nước ta. Với Hiệp định này, đế quốc Mỹ buộc phải rút quân về nước, song chúng vẫn chưa từ bỏ âm mưu "Việt Nam hóa chiến tranh" bằng công thức "quân ngụy + viện trợ kinh tế, trang bị và cố vấn Mỹ".

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết (27/01/1973), Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố "không thực hiện ngừng bắn". Từ tháng 4/1973, địch tiến hành "bình định tái thiết" với khẩu hiệu "cộng đồng tự vệ, tự túc và phát triển". Để thực hiện âm mưu đó, địch tiếp tục ử phá địa hình, đánh phá chiếm vùng giải phóng, đánh chiếm đến đâu chốt giữ đến đó. Trước tình hình Mỹ cắt giảm viện trợ kinh tế, không cấp đủ các nhu cầu và phương tiện chiến tranh cho

ngụy quân và ngụy quyền, chúng đã đề ra chính sách kinh tế tự túc, hậu chiến tại chỗ với khẩu hiệu "tay cuốc, tay cày" tiến hành khai khẩn ủi phá địa hình để chia đất cho bọn sĩ quan và công chức. Ở Thuận Phong, chúng cho các nhà tư sản ra khai khẩn đất dọc Quốc lộ IA từ thôn 4 - Hồng Liêm đến Bàu Ốc khoảng 200 ha, lập nông trường nuôi bò giống, trồng cây công nghiệp và ủi đất quanh Bàu Sen, Hòn Một, Giồng Thầy Ba (dự định 100 ha) để chia cấp cho gia đình binh lính, cho dân trồng bông và cây thầu dầu. Cùng với việc hô hào đẩy mạnh sản xuất, chúng ra lệnh phong tỏa kinh tế vùng ta.

Về ta, trong đợt "chôm lên" tối ngày 26 rạng ngày 27/01/1973, các tổ du kích phối hợp cùng các đội công tác, bộ đội địa phương huyện tấn công địch chiếm nhiều ấp chiến lược như: Xóm Ruộng (xã Lương Sơn), Cầu Queo, Hiệp An, Hiệp Thành, Hiệp Hòa, Hiệp Thành (xã Hồng Thái), Xuân Hội (xã Chợ Lầu), thôn 2 (xã Hồng Liêm), thôn 1, 2, 4 (xã Hồng Sơn), thôn 3 (Xa Ra), Bàu Bèo, Bàu Gủ, Láng Im, Bàu Me... và trụ lại giữ địa bàn. Có thể nói, trong suốt thời gian này, các tổ du kích căn cứ cùng các đội công tác, bộ đội địa phương liên tục ngày đêm bám trụ trên các địa bàn đã được phân công, giữ cờ, giữ

đất, đánh địch bung dũi phản kích; đồng thời áp sát xuống các ấp phát động quần chúng bung ra ngoài làm ăn, đưa dân về tham gia xây dựng căn cứ. Nhiều nơi, nhân dân còn cất chòi để ở lại như: Hồng Sơn, Hồng Liêm, Xa Ra, Tuy Hòa. Có nơi, ta tấn công binh vận mạnh, sau những vụ diệt ác ở Hồng Thái, Chợ Lầu, ta vận động lính bỏ ngũ ra vùng ta làm ăn. Thanh niên trốn lính ra vùng giải phóng cùng với số lính đào ngũ lập thêm căn cứ mới ở Hồng Thái, giáp ranh với phía trước. Nhờ đó, dân số vùng căn cứ đến cuối năm 1973 có tăng lên, huyện Hòa Đa có 249 người và huyện Thuận Phong có 363 dân⁽¹⁾.

Tháng 3/1973, Khu ủy Khu VI đề ra nhiệm vụ xây dựng căn cứ và giải phóng trong thời gian tới là "đẩy mạnh cả 3 mặt chính trị, kinh tế và quốc phòng, nhưng lại phải nắm vững yêu cầu cấp bách trước mắt và cả sau này là tăng cường xây dựng thực lực kinh tế của căn cứ, phát huy đến mức cao nhất tiềm lực của căn cứ trong việc cải thiện đời sống nhân dân, ổn định, củng cố về chính trị, đáp ứng yêu cầu to lớn

(1) Theo Báo cáo năm 1973 của huyện Hoà Đa (IIDd77 -1973) và Xác định vùng đến 12/1973 của Tỉnh Bình Thuận (IIDd45 -1973)
- Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.

của cách mạng và trên thế mạnh của chính trị, kinh tế mà xây dựng quốc phòng vững mạnh, phát huy tác dụng hiệu triệu chung của căn cứ"⁽¹⁾.

Quán triệt tinh thần đó, các huyện Thuận Phong, Hòa Đa đã ra Nghị quyết về xây dựng căn cứ. Tháng 5/1973, lãnh đạo các xã triển khai nghị quyết xây dựng căn cứ của huyện cho cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể và nhân dân trong căn cứ; đồng thời, phát động nhân dân tập trung xây dựng căn cứ theo 3 yêu cầu lớn về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Mặt khác các xã củng cố lại một số ngành giới, chọn thêm cán bộ để đủ sức thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện Chỉ thị 08 của Tỉnh ủy Bình Thuận về việc xây dựng chính quyền cách mạng các cấp, trong tháng 5 và tháng 6/1973 các xã căn cứ của 2 huyện Hòa Đa, Thuận Phong đã tiến hành bầu cử Ủy ban Nhân dân cách mạng. Xã Hồng Chính do đồng chí Trần Khánh Mỹ làm Chủ tịch, đồng chí Hồ Ngọc Vĩnh, Trần Mão làm Ủy viên Ủy ban. Xã Hồng Lâm do đồng chí Lê Điểm làm Chủ tịch, Trương Hữu Đạt

(1) Trích trong "phương hướng nhiệm vụ kế hoạch xây dựng vùng căn cứ và giải phóng năm 1974" của Ban KH Đồ Sơn - Ký hiệu II C33 (74).

làm Phó Chủ tịch, Huỳnh Sen - Ủy viên Ủy ban. Xã Hồng Thắng do đồng chí Lê Quang Vịnh làm Chủ tịch. Xã Hồng Trung do đồng chí Hồ Văn Lai làm Chủ tịch. Xã Hồng Thanh do đồng chí Nguyễn Văn Hiên làm Chủ tịch. Xã Hồng Thịnh do đồng chí Nguyễn Văn Thanh làm Chủ tịch. Xã Hồng Liêm do đồng chí Nguyễn Hữu Hải làm Chủ tịch. Xã Hồng Sơn do đồng chí Nguyễn Huy Hoàng làm Chủ tịch.

Qua bầu cử chính quyền cách mạng lần này làm cho quần chúng rất phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Khí thế quần chúng được khơi dậy, các mặt công tác cũng được đẩy mạnh. Công tác xây dựng củng cố, tổ chức Đảng phát triển theo chiều hướng tốt. Phần lớn chi bộ các xã đã triển khai học tập và củng cố theo tinh thần Chỉ thị 03 của Tỉnh ủy, về nội dung xây dựng chi bộ 4 tốt⁽¹⁾. Tổng số đảng viên các xã căn cứ có 97 đồng chí sinh hoạt trong 6 chi bộ (Hồng Lâm có 3 chi bộ, Hồng Thắng 1 chi bộ,

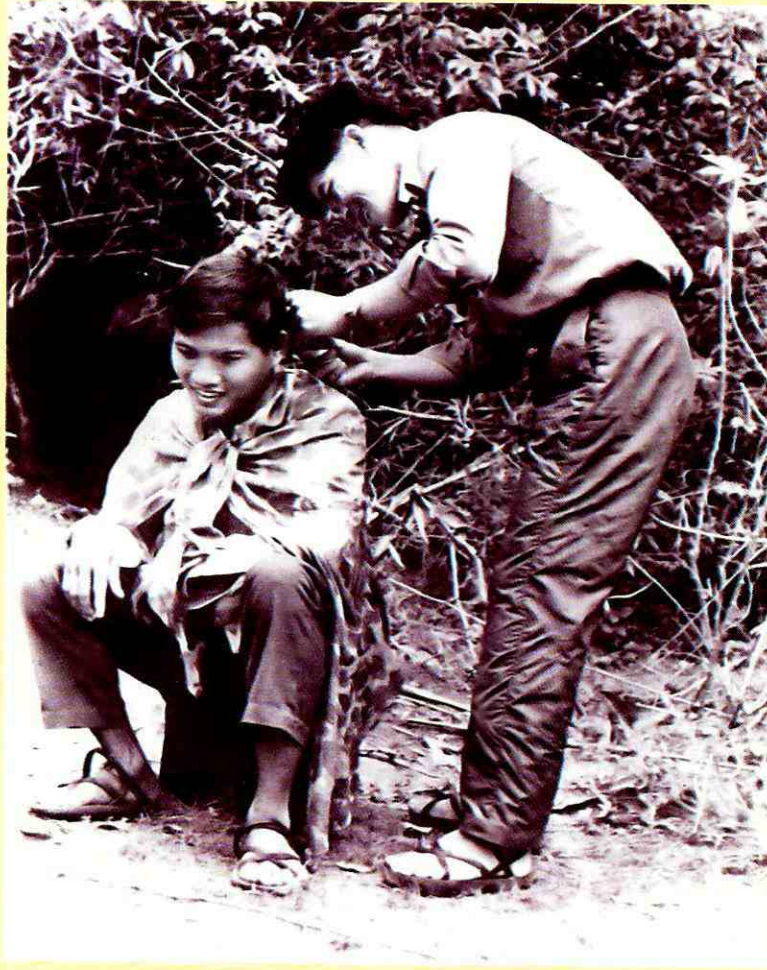
(1) Tiêu chuẩn chi bộ 4 tốt:

- Xây dựng nội bộ tốt.
- Tấn công địch, xây dựng ta tốt.
- Quan hệ quần chúng tốt.
- Xây dựng nghị quyết và thực hiện nghị quyết tốt.

Hồng Chính 1 chi bộ, có 52 đảng viên và 5 xã Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Trung, Hồng Sơn, Hồng Liêm có 1 chi bộ, 45 đảng viên).

Các tổ chức đoàn thể quần chúng cách mạng như phụ nữ, thanh niên, nông hội cũng được củng cố và kiện toàn, bước đầu đi dần vào nề nếp. Các xã căn cứ có 5 chi đoàn thanh niên với 36 đoàn viên, 237 hội viên nông hội và 98 hội viên phụ nữ.

Để có lực lượng tham gia đánh địch ở phía trước, đồng thời bảo đảm việc sản xuất lương thực, chi bộ Đảng, chính quyền và ban ngành đoàn thể cách mạng các xã căn cứ đã phát động phong trào làm ăn tập thể, hỗ trợ nhau trong sản xuất, được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Các xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng đã tổ chức được 14 tổ vận đối công, có 68 hội viên. Diện tích trồng trọt được mở rộng thêm. Vụ mùa năm 1973 sản lượng thu hoạch đạt khá, đảm bảo lương thực cho gia đình và đóng góp cho cách mạng. Riêng các xã Hồng Thanh, Hồng Trung, Hồng Liêm lương thực đủ ăn hơn hai năm. Chăn nuôi gia cầm cũng được phát triển góp phần cải thiện đời sống nhân dân trong căn cứ. Việc giao lưu kinh tế với các ấp chiến lược có dễ dàng



Sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ An ninh vũ trang tại Râm Tre,
Bàu Thiêu - Căn cứ Khu Lê Hồng Phong trong chống Mỹ.



hơn. Trong căn cứ, ta tiếp tục hình thành các chợ kháng chiến để trao đổi mua bán hàng hóa, giải quyết được một phần về nhu yếu phẩm, làm cho đời sống vật chất ở căn cứ có khá hơn.

Công tác văn hóa, văn nghệ, y tế, thể dục thể thao được củng cố và phát triển như huyện Hòa Đa Nam, mặc dù còn nhiều khó khăn thiếu thốn, đồng bào đã đóng góp gạo nuôi giáo viên dạy học tại 3 trường trong các xã căn cứ (có 60 học sinh vỡ lòng và lớp 1). Trong đó học sinh lớp 1 có 9 lớp (xã Hồng Chính có 3 lớp, Hồng Lâm 1 có 4 lớp, thôn 2 có 2 lớp). Xã Hồng Thịnh tổ chức 5 nhóm học tại gia đình, có 18 người theo học. Huyện cử đồng chí Vũ Hoàng Xuyên, cán bộ giáo dục của huyện phụ trách chỉ đạo công tác giáo dục ở căn cứ.

Từ giữa năm 1973, đội văn nghệ các xã được củng cố, duy trì luyện tập và phục vụ nhân dân trong ngày lễ, tết và các đợt mít tinh phát động quần chúng. Các đội văn nghệ không chỉ biểu diễn phục vụ cho nhân dân trong xã mà còn phục vụ cho đồng bào ở các ấp chiến lược ra làm ăn. Thôn xóm giữ được nề nếp phổ biến tin tức, tình hình cho quần chúng. Ta lập các chòi thông tin (Hồng Trung), "cốc" tuyên

truyền ở rừng Hồng Thái⁽¹⁾ để tuyên truyền chủ trương đường lối của cách mạng cho nhân dân căn cứ cũng như đồng bào trong ấp ra làm ăn.

Công tác y tế, phòng bệnh, trị bệnh, giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe có được chú ý. Huyện tiến hành củng cố lại các ban y tế xã và đào tạo đội ngũ cấp cứu viên, cứu thương..., tổ chức tiêm phòng dịch tả, mắt hột. Ban y tế các xã thực sự là nơi chăm lo sức khỏe cho nhân dân. Ngoài ra, ta còn vận động xây dựng tủ thuốc của xã, túi thuốc gia đình, túi thuốc cá nhân, để mỗi người tự chăm sóc sức khỏe cho gia đình và bản thân.

Tuy tình hình còn rất nhiều khó khăn, nhưng phong trào thể dục thể thao cũng được phát triển. Các xã thành lập đội bóng đá, bóng chuyền, tổ chức thi đấu giao hữu, tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong nhân dân, trong vùng căn cứ.

Sang năm 1974, địch tiếp tục bình định lấn chiếm và ráo riết triển khai kế hoạch hậu chiến một cách khẩn trương, quyết liệt. Với khẩu hiệu "trên

(1) "Chòi thông tin" và "Cốc tuyên truyền" là những nơi ta đọc các chủ trương, đường lối cách mạng cho nhân dân.

hòa bình, dưới chiến tranh", địch tập trung sức mở rộng phạm vi kiểm soát, khai khẩn đất hoang, di dân lập ấp, nhằm đẩy lực lượng của ta ra xa vùng kiểm soát của chúng. Địch tiếp tục ủi phá địa hình, lấn chiếm các khu vực Sông Lũy, phía Bắc Lương Sơn, khu vực Bàu Ốc, phía Nam Triều... cố hình thành vành đai trắng, ngăn chặn sự tấn công của ta vào vùng tạm bị chiếm.

Bên cạnh đó, địch liên tiếp mở các cuộc càn quét đánh phá ác liệt vào vùng căn cứ. Chúng sử dụng lực lượng thám báo, biệt kích đột kích vào Hồng Lâm, Hồng Thanh, Hồng Chính... gây thiệt hại cho ta về người và tài sản. Chúng tổ chức cài cắm gián điệp, thám báo giả dạng trốn lính, giả đồng bào trong ấp ra làm ăn để nắm tình hình phục vụ cho đợt càn quét, đột kích, đánh sâu vào vùng ta. Mặt khác, địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, phao tin hù dọa, chiêu hồi, chiêu hàng, bao vây kinh tế; kết hợp trực thăng, hải thuyền từng lúc bắn vào những nơi sản xuất của đồng bào. Âm mưu của địch, cố gây tình hình không ổn định ở vùng căn cứ giải phóng, gây không khí căng thẳng trong quần chúng, khi có điều kiện thì dùng lực lượng quân sự tấn công vào vùng căn cứ.

Thực hiện Nghị quyết Khu ủy Khu VI và dựa vào đặc điểm tình hình, tháng 12/1973 Tỉnh ủy Bình Thuận mở hội nghị ra Nghị quyết về nhiệm vụ xây dựng vùng căn cứ, giải phóng trong năm 1974 là: "Trên cơ sở kết quả của năm 1973, ra sức phát huy những thuận lợi mới và khả năng mới tiếp tục đẩy mạnh khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, lấy sản xuất lương thực, thực phẩm làm trung tâm để đủ ăn và có dự trữ, trên cơ sở đó củng cố và nâng cao các mặt chính trị và quân sự, văn hóa, y tế, xã hội, tổ chức lại lao động, từng bước đưa quần chúng vào con đường làm ăn tập thể; vận động đồng bào phía trước về thêm để tăng cường dân số"⁽¹⁾.

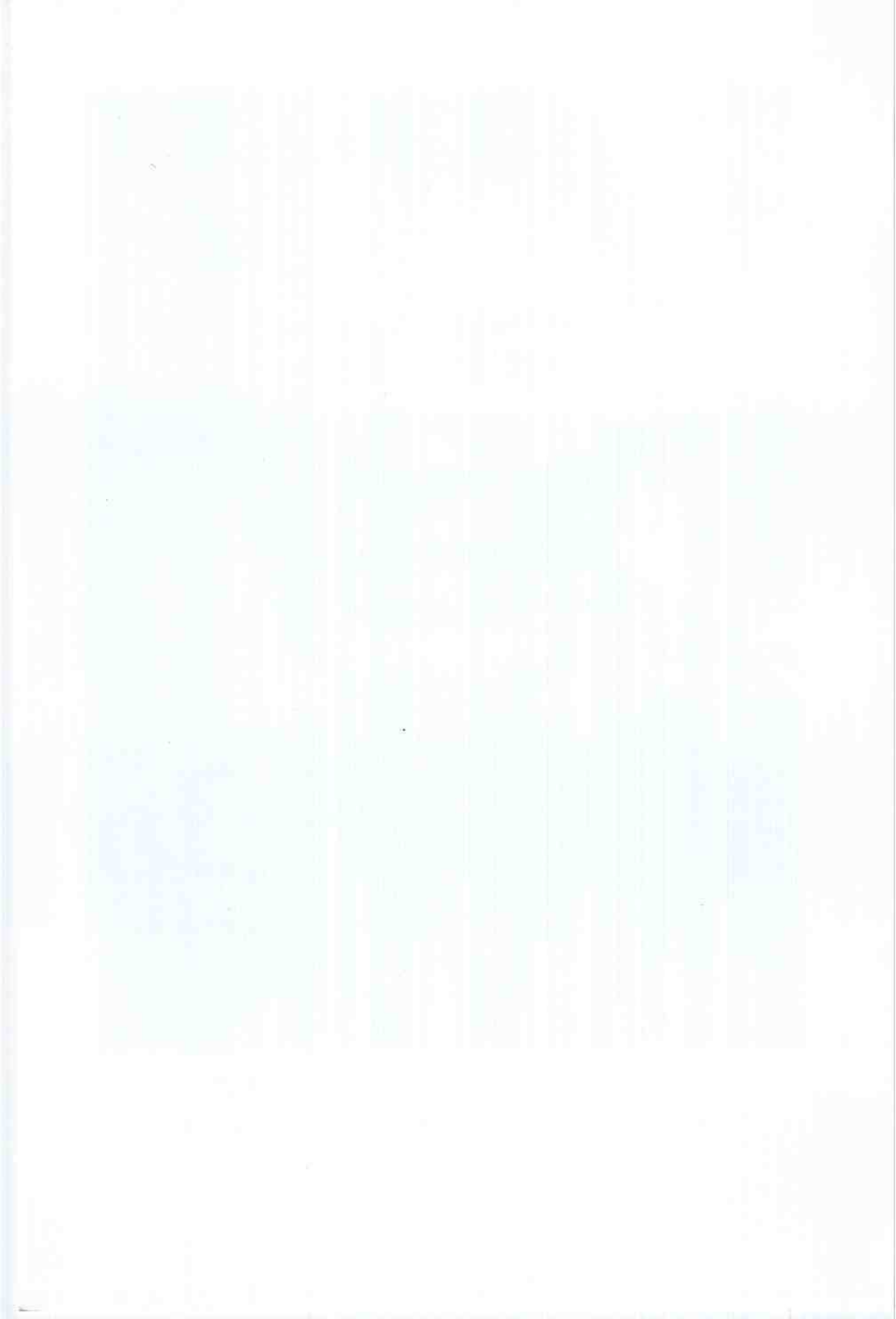
Sau khi được quán triệt Chỉ thị 12 của Trung ương Cục về xây dựng căn cứ, để đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, đầu năm 1974, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định tách các xã căn cứ của hai huyện Hòa Đa và Thuận Phong tái lập lại Huyện căn cứ Lê Hồng Phong⁽²⁾ để chỉ đạo trực tiếp xây dựng căn cứ. Nhằm đẩy mạnh sản xuất, phát

(1) Nghị quyết Tỉnh ủy Bình Thuận mở rộng tháng 12/1973 - ký hiệu II Db2 (73) - lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.

(2) Theo Báo cáo tổng kết hoạt động MK 6 tháng đầu 1974 của Bình Nam (20/12/1973 - 20/6/1974) - Ký hiệu Da 20 (1974) - Lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận.



Đồng chí Nguyễn Đức Lương (Sáu Thiết),
Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong năm 1974.



triển du kích chiến tranh, bảo đảm an ninh trật tự, xây dựng văn hóa - xã hội, hình thành dần một bước chế độ dân chủ nhân dân thực sự, làm ngọn cờ hiệu triệu đối với quần chúng vùng địch kiểm soát.

Huyện ủy Lê Hồng Phong gồm 5 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Đức Lương (Sáu Thiết) làm Bí thư, đồng chí Võ Tấn Trương (Hai Trương) làm Ủy viên Thường vụ, các đồng chí Nguyễn Văn Thoan, Nguyễn Khiêm, Trần Văn Năm (Năm Bụi), Hồ Văn Lợi, Phan Hòa Bình là Huyện ủy viên. Các đồng chí phụ trách các ngành, giới huyện như: đồng chí Nguyễn Văn Thừa (Mười Thừa) làm Chánh văn phòng, Trần Cửu Nhị phụ trách Thông tin, Nguyễn Khiêm phụ trách Quân sự, Nguyễn Được phụ trách Nông hội, chị Nguyễn Thị Khởi (Năm Khởi) phụ trách Phụ nữ, Nguyễn Văn Tân (Ba Tân) phụ trách Kinh tài, Vũ Hoàng Xuyên phụ trách Giáo dục... Toàn huyện có 8 xã gồm Hồng Lâm (gồm xã Hồng Lâm I, II và Hồng Tân nhập lại), Hồng Thắng, Hồng Chính (của huyện Hòa Đa), Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Sơn, Hồng Liêm (của huyện Thuận Phong). Dân số toàn huyện 717 người. Đến tháng 7/1974, tỉnh quyết định tách 2 xã Hồng Sơn, Hồng Liêm chuyển giao cho huyện Thuận Phong quản lý.

Cùng với việc xây dựng bộ máy cấp huyện, các xã tiến hành củng cố, kiện toàn cấp ủy và các ngành giới. Trong tháng 5 và tháng 6/1974, chi bộ Đảng các xã thuộc huyện Lê Hồng Phong tổ chức đại hội để đánh giá kiểm điểm vai trò lãnh đạo thời gian qua và bầu cấp ủy mới. Chi bộ xã Hồng Trung có 13 đảng viên do đồng chí Nguyễn Tấn Đạt làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Thị Cân và Hồ Văn Lai là Chi ủy viên. Chi bộ xã Hồng Thịnh có 14 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Thị Sang làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Văn Lộc là Chi ủy viên. Chi bộ xã Hồng Thanh có 17 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Hữu Khanh làm Bí thư, đồng chí Trần Thị Nhị - Phó bí thư, các đồng chí Nguyễn Thị Huân, Nguyễn Văn Hiên, Nguyễn Văn Giải là Chi ủy viên. Chi bộ xã Hồng Chính có 8 đảng viên, do đồng chí Hồ Ngọc Vĩnh làm Bí thư và Trần Banh làm Phó Bí thư. Chi bộ xã Hồng Thắng có 6 đảng viên, do đồng chí Lê Quang Vịnh làm Bí thư. Riêng xã Hồng Lâm có 43 đảng viên sinh hoạt trong 3 chi bộ, ngày 26/6/1974 đã tiến hành Đại hội bầu 5 đồng chí vào Đảng ủy xã và phân công đồng chí Trần Hào làm Bí thư, các đồng chí Lê Diễm, Nguyễn Văn Xê, Lê Dũ, Huỳnh Thị Thi là Ủy viên.

Chi bộ cơ quan Văn phòng Huyện ủy bầu lại cấp ủy có 5 đồng chí: đồng chí Trần Cửu Nhị làm Bí thư, đồng chí Ba Tân làm Phó Bí thư, các đồng chí Bùi Tiến Công, Nguyễn Văn Thừa (Mười Thừa), Theo là Ủy viên. Đồng thời, Huyện ủy cũng đã ra quyết định thành lập chi bộ Huyện đội và Bệnh xá huyện.

Đến cuối năm 1974, toàn huyện có 130 đảng viên, sinh hoạt trong 11 chi bộ⁽¹⁾. Sau khi được học tập Chỉ thị 12, Chỉ thị 01, 04 của Trung ương Cục, tư tưởng đảng viên trong Đảng bộ có chuyển biến một bước, giữ vai trò nòng cốt trong việc lãnh đạo quần chúng vào làm ăn tập thể (có 37% đảng viên vào tổ hợp tác, 38% vào tổ đổi công) và tham gia phong trào du kích chiến tranh, đi dân công phục vụ chiến đấu.

Các ngành giới trong các xã căn cứ cũng được củng cố như: Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên.

Từ ngày 05 đến 06/4/1974, Huyện Đoàn tổ chức hội nghị để kiểm điểm phong trào xây dựng Đoàn và Thanh niên năm 1973, đề ra phương hướng công tác Đoàn quý II/1974.

(1) Hồng Thanh 1 chi bộ, Hồng Thịnh 1 chi bộ, Hồng Trung 1 chi bộ, Hồng Lâm 3 chi bộ, Hồng Chính 1 chi bộ, Hồng Thắng 1 chi bộ, Văn phòng Huyện ủy 1 chi bộ, Bệnh xá 1 chi bộ, Huyện đội 1 chi bộ.

Cũng trong tháng 4/1974, các xã Hồng Thanh, Hồng Trung, Hồng Thịnh tiến hành tổ chức đại hội Phụ nữ để kiểm điểm công tác nhiệm kỳ qua và đề ra công tác nhiệm kỳ tới. Đại hội đã đánh giá: Đa số phụ nữ tích cực hăng say sản xuất, đoàn kết, tương trợ lúc khó khăn, tham gia các tổ chức sản xuất tập thể như luân đổi công và hợp tác; tham gia dân quân du kích tuần tra canh gác bảo vệ căn cứ. Đại hội Phụ nữ các xã đã bầu ban chấp hành. Ban Chấp hành Phụ nữ xã Hồng Thanh có 3 người: chị Nguyễn Thị Nhi làm Hội trưởng, chị Nguyễn Thị Cúc làm Hội phó, chị Nguyễn Thị Quảng làm Ủy viên. Ban chấp hành Phụ nữ xã Hồng Thịnh có 3 người: chị Nguyễn Thị Ngư làm Hội trưởng, chị Nguyễn Thị Đông làm Hội phó, chị Hường làm Ủy viên. Ban Chấp hành Phụ nữ xã Hồng Trung có 3 người: chị Nguyễn Thị Sinh làm Hội trưởng, chị Nguyễn Thị Hiệp làm Hội phó, chị Nguyễn Thị Châu là Ủy viên.

Đến tháng 9 và 10/1974, các xã Hồng Thanh, Hồng Trung, Hồng Thịnh, Hồng Lâm... tiến hành Đại hội Hội Nông dân và Đoàn viên Thanh niên, bầu lại Ban chấp hành.

Trong xây dựng chi bộ, củng cố các ngành, giới đều tập trung vào việc lãnh đạo thực hiện 2 phong trào lớn: nhân dân du kích chiến tranh và sản xuất tập thể. Qua đó, phát động quần chúng tham gia phong trào toàn dân đánh giặc và vận động nông dân vào làm ăn tập thể.

Về quân sự, huyện tiến hành củng cố 6 ban chỉ huy xã đội (Hong Trung, Hong Thịnh, Hong Thanh, Hong Chinh, Hong Lam, Hong Thang), có 22 cán bộ (15 đảng viên, 2 đoàn viên). Từ ngày 25 đến 29/8/1974, Hội nghị Du kích chiến tranh huyện Lê Hong Phong được tổ chức tại căn cứ, có 25 đồng chí tham dự, gồm lãnh đạo Huyện ủy, Ban Quân sự huyện, ban chỉ huy xã đội 6 xã, đại biểu các đoàn thể xã: nông hội, phụ nữ, thanh niên. Hội nghị đã đánh giá tình hình âm mưu bình định lấn chiếm của địch; tình hình xây dựng phong trào nhân dân du kích chiến tranh của địa phương và bàn nhiệm vụ về chống địch lấn chiếm, chống càn, chống đột kích. Sau hội nghị du kích chiến tranh, các xã tiếp tục củng cố đội ngũ du kích và dân quân.

Lực lượng vũ trang huyện có 6 tiểu đội và 1 tổ du kích; xã có 58 đồng chí (15 nữ) tăng 17 đồng chí;

du kích thôn 2 xã Hồng Thịnh, Hồng Trung có 17 đồng chí (5 nữ). Về dân quân, các xã có 5 trung đội và 1 tiểu đội quân số 195 đồng chí (tăng 63 đồng chí).

Trong năm 1974, bộ đội địa phương huyện phối hợp với du kích đánh 25 trận, diệt và làm bị thương 35 tên địch. Riêng du kích các xã độc lập tác chiến chống càn 6 trận. Ngoài ra du kích xã, thôn hằng ngày tuần tra canh gác, bảo vệ cho đồng bào sản xuất; tổ chức dân quân làm nhiệm vụ canh gác, bố phòng bảo vệ căn cứ. Các tuyến bố phòng được hình thành liên thôn, liên xã; củng cố các tuyến hàng rào nội địa và rào chống lấn chiếm dài hàng nghìn mét, rộng từ 30 đến 80m; cắm 159.545 cây chông, 131 hầm chông, 25 bàn chông sắt và 102 đầu đạn, chất nổ. Trong đó, tuyến bố phòng liên xã từ Nam Triều đến đường Cộng Đồng dài 800m, rộng 15 mét, cắm 7.500 mũi chông; tuyến bố phòng nội địa ở Gò Cà dài 1000m, cắm 7.150 chông và tuyến chông chống lấn chiếm ở xã Hồng Chính, có 2.400 chông... Nhờ bố phòng chặt chẽ nên phần nào ngăn chặn được địch đột kích đánh phá căn cứ.

Công tác an ninh từ huyện đến xã được củng cố. Trong 6 xã có 5 cán bộ an ninh hoạt động theo

hướng đi sâu vào chuyên nghiệp. Công tác giáo dục bảo mật phòng gian trong quần chúng được tăng cường thực hiện; bảo mật nơi ăn ở, kiểm soát giấy tờ người lạ mặt, thẩm tra lính trốn ra vùng ta; đồng thời cải tạo và trấn áp những phần tử chống đối chủ trương của Đảng và hoạt động phản cách mạng. Tuy nhiên, đôi lúc ta còn sơ hở mất cảnh giác trong việc kiểm tra đi lại giữa hai vùng để địch lợi dụng đưa tề điệp vào dân nắm tình hình, phục vụ càn quét, chỉ điểm đánh phá căn cứ, gây cho ta nhiều tổn thất.

Sản xuất nông nghiệp là yêu cầu cấp bách để có lương thực, nhằm xây dựng căn cứ giải phóng, ổn định đời sống nhân dân. Huyện ủy phát động nông dân căn cứ tổ chức lại các hình thức đổi công, hợp công hay hợp tác, lấy tổ đổi công thường xuyên làm hình thức tổ chức sản xuất chính. Đồng thời, dựa vào Nghị quyết Ban Cán sự căn cứ tháng 02/1974 để từng bước xây dựng kinh tế vùng giải phóng, lấy việc khôi phục và phát triển nông nghiệp làm trọng tâm. Tiến hành đẩy mạnh trồng cây lương thực, thực phẩm, tăng mức sản xuất lên một bước nhằm đảm bảo cung cấp tại chỗ, bảo đảm đời sống nhân dân và nội bộ, vừa tạo nguồn dự trữ theo yêu cầu cách mạng.

Thực hiện chủ trương trên, cấp ủy các xã cùng các ban ngành đoàn thể tiến hành vận động nông dân tăng cường đoàn kết trong sinh hoạt, lao động sản xuất, đưa nông dân vào làm ăn tập thể. Trong đó, đảng viên là lực lượng nòng cốt, đầu tàu gương mẫu. Tính đến cuối năm 1974 đã có 75% nông dân căn cứ vào làm ăn tập thể (tổ hợp tác lao động và tổ đổi công), trong đó có 37% đảng viên vào tổ hợp tác và 38% vào tổ đổi công. Toàn huyện xây dựng được 6 tổ hợp tác lao động ⁽¹⁾ có 57 hộ, 204 nhân khẩu và 11 tổ đổi công thường xuyên ⁽²⁾. Mỗi tổ hợp tác đều có ban quản trị (từ 3 đến 5 người); riêng Ban Quản trị Hợp tác xã Hồng Thanh có 5 người (1 đội trưởng, 1 đội phó, 01 ban kiểm toán 3 người) và Hợp tác xã chia thành 3 đội sản xuất. Các tổ hợp tác và vãn đổi công đã thực hiện bình công chấm điểm, đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất; mọi người yên tâm, hăng hái tham gia công tác kháng chiến. Nhờ tổ chức tốt lao động, các xã vừa đạt chỉ tiêu tăng diện tích sản xuất (diện tích sản xuất năm 1974 là

(1) Hồng Thanh 1 tổ, Hồng Lâm 1, Hồng Trung 1, Hồng Thịnh 1, Hồng Chính 1, Hồng Thắng 1.

(2) Hồng Thịnh 2 tổ, Hồng Chính 1, Hồng Trung 2, Hồng Lâm (1,2) 2, Hồng Thắng 1, Hồng Liêm 3.

320 ha), vừa đảm bảo ngày công phục vụ kháng chiến như: đi dân công, xay lúa, giã gạo phục vụ tiền tuyến... Không chỉ tăng diện tích sản xuất, cây màu, đồng bào căn cứ còn trồng lúa tại Hưng Long, do đó lương thực, thực phẩm đã cơ bản giải quyết được nhu cầu tại chỗ. Các xã Hồng Thắng, Hồng Lâm sản xuất có dư, đặc biệt hai xã Hồng Sơn và Hồng Thái không những trang trải cho đồng bào, bộ đội căn cứ, mà còn cung cấp cho bộ đội tỉnh, bộ đội Quân khu VI khi đứng chân hoạt động ở đây.

Đối với công tác giáo dục, đầu năm 1974 tỉnh cử đồng chí Lương Minh Bôn về huyện căn cứ Lê Hồng Phong cùng với đồng chí Vũ Hoàng Xuyên, mở lớp sư phạm 2 tháng tại xã Hồng Thanh, có 12 giáo sinh dự học. Sau khi học xong, số giáo sinh này về mở lớp dạy học tại các xã căn cứ. Đến cuối năm 1974, căn cứ Lê Hồng Phong đã có 7 trường, với 150 học sinh theo học từ lớp vỡ lòng đến lớp 2, do 7 giáo viên giảng dạy ⁽¹⁾. Ngoài Trường Bồ túc văn hóa của huyện, các xã Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Lâm còn tổ chức các lớp bồ túc văn hóa từ lớp 1 đến lớp 3 cho 64 người là cán bộ, đảng viên, đoàn viên, du kích

(1) Vùng căn cứ, giải phóng toàn tỉnh có 14 trường cấp 1 và 1 lớp độc lập, với 338 học sinh.

theo học. Mọi nhu cầu sinh hoạt và dạy học của giáo viên do nhân dân đóng góp, nên đời sống giáo viên còn gặp rất nhiều khó khăn. Tuy vậy, các thầy cô giáo đã đem hết nhiệt tình để truyền đạt kiến thức cho học sinh.

Về công tác y tế, Ban Y tế huyện và một số ban y tế xã được củng cố lại như: Hồng Lâm, Hồng Thanh, Hồng Thịnh. Mỗi ban y tế có 3 cán bộ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Ban Y tế huyện đã mở phòng khám và phối hợp với y tế xã tổ chức đoàn y tế lưu động khám và trị bệnh cho đồng bào. Riêng trong tháng 7/1974 đoàn đã khám và trị bệnh cho 316 người và phổ biến cách giữ vệ sinh phòng bệnh cho 548 người. Bệnh xá huyện điều trị cho trên 100 bệnh nhân.

Như vậy, từ khi thành lập cho đến cuối năm 1974, lãnh đạo huyện cùng cán bộ các xã đã đưa phong trào cách mạng trong căn cứ Lê Hồng Phong chuyển lên một bước mới. Xây dựng căn cứ phát triển toàn diện, làm tốt các nhiệm vụ sản xuất, bố phòng và đi dân công phục vụ chiến trường. Nổi bật là công tác vận động đưa nông dân vào làm ăn tập thể, sản xuất theo phương hướng xây dựng kinh tế của chế độ mới. Các mặt khác như văn hóa, giáo

dục, y tế, trật tự an toàn xã hội đều có bước phát triển mới, khá toàn diện. Lê Hồng Phong là một huyện căn cứ có tầm quan trọng, ngoài ý nghĩa là ngọn cờ hiệu triệu đối với nhân dân vùng địch tạm chiếm, còn có tính chất chiến lược, xây dựng chế độ cách mạng.

Tuy nhiên trước yêu cầu để các huyện Hòa Đa, Thuận Phong có căn cứ làm bàn đạp tấn công phía trước, tháng 12/1974, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định giải thể huyện Lê Hồng Phong, giao các xã Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh cho huyện Thuận Phong và giao xã Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng cho huyện Hòa Đa. Đồng thời, Tỉnh ủy quyết định thành lập ban cán sự căn cứ của 2 huyện. Lãnh đạo Ban Cán sự căn cứ huyện Thuận Phong gồm có các đồng chí Võ Tấn Trương, Trần Văn Năm (Năm Bụi), Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Văn Thừa, On. Đầu năm 1975, Ban Cán sự căn cứ huyện Thuận Phong bổ sung thêm các đồng chí: Phan Hòa Bình, Lê Hùng Vương⁽¹⁾, Nguyễn Tấn Đạt, Nguyễn Thị

(1) Đồng chí Lê Hùng Vương - Bí thư Chi bộ xã bị địch bắt ngày 03/11/1972, đến ngày 07/3/1973 được trao trả về lại căn cứ.

Khởi, Trịnh Văn Lụa, do đồng chí Trần Văn Năm - Huyện ủy viên làm Bí thư Ban Cán sự. Còn Ban Cán sự căn cứ huyện Hòa Đa gồm các đồng chí Bùi Tiến Công, Nguyễn Khiêm, Nguyễn Văn Thoan. Bệnh xá huyện Lê Hồng Phong cũ chuyển giao cho huyện Thuận Phong. Huyện Hòa Đa có trách nhiệm quản lý trường cấp 2 vừa được mở ở Hồng Lâm 1 để con em các xã căn cứ có điều kiện đi học.

Các xã căn cứ của huyện Hòa Đa có 414 người (Hồng Lâm 158 người, Hồng Chính 147, Hồng Thắng 44, thôn giải phóng Hồng Thái 65). Thực lực chính trị có 6 chi bộ, 65 đảng viên, (trong đó xã Hồng Lâm thành lập 1 xã ủy, 3 chi bộ, 43 đảng viên) các xã khác và thôn giải phóng Hồng Thái đều có 1 chi bộ. Tổ chức Đoàn có 4 chi đoàn với 23 đoàn viên. Xã Hồng Lâm và Hồng Chính thành lập 2 Hội đồng nhân dân; 5 ủy ban của 5 xã có 18 cán bộ; 1 ban chấp hành Nông hội có 8 cán bộ, 10 tổ, 107 hội viên; 1 ban chấp hành Phụ nữ xã có 3 cán bộ, chia thành 9 tổ có 99 hội viên. Ban Chỉ huy Xã đội Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thắng có 11 đồng chí (có 6 đảng viên, 3 đoàn viên); 3 tiểu đội du kích xã có 28 đội viên; 2 tiểu đội du kích thôn có 20 đội viên và 90 dân quân; 8 tổ đổi công và hợp tác gồm 50 hộ, 187 nhân

khẩu (2 tổ hợp tác, 16 hộ, 56 nhân khẩu).

Các xã căn cứ huyện Thuận Phong có số dân 477 người; 5 chi bộ với 61 đảng viên (24 nữ); 4 chi đoàn, 31 đoàn viên; 3 hội đồng nhân dân và 6 ủy ban nhân dân gồm 31 cán bộ; 2 Ban chấp hành phụ nữ, 8 cán bộ, chia 8 tổ, với 94 hội viên; 5 Ban chỉ huy xã đội, có 16 cán bộ (8 đảng viên, 2 đoàn viên); có 5 tiểu đội du kích xã có 39 đội viên; 4 tiểu đội du kích thôn với 45 đội viên và 142 dân quân; 6 tổ vận động công, hợp tác gồm 82 hộ, 105 nhân khẩu (có 2 tổ hợp tác 40 hộ, 148 nhân khẩu).

Sang năm 1975, nhiệm vụ đặt ra đối với các xã căn cứ là: Tăng cường công tác chính trị tư tưởng trong nội bộ và nhân dân, làm cho mọi người nhận rõ tình hình mới, thấy được âm mưu thủ đoạn của địch, thông suốt nhiệm vụ, ra sức xây dựng căn cứ, giải phóng theo yêu cầu 3 mạnh ⁽¹⁾. Ra sức phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh. Đẩy mạnh sản xuất, phát triển vận động công, hợp tác, củng cố kiện toàn các chi bộ, chi đoàn, các ngành đoàn thể, xây dựng chính quyền cách mạng. Tích cực xây

(1) Yêu cầu 3 mạnh là mạnh về chính trị, kinh tế, quốc phòng.

dựng các mặt thông tin, y tế, văn hóa... đảm bảo yêu cầu vững mạnh toàn diện; dốc sức phục vụ cho phía trước.

Mùa khô năm 1974 - 1975, phối hợp với chiến trường toàn miền Nam, quân dân trong tỉnh liên tục tấn công tiêu diệt địch. Ngày 24/12/1974, ta giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh và ngày 23/3/1975, huyện Hoài Đức hoàn toàn được giải phóng. Ngày 08/4/1975, ta tiêu diệt Chi khu quận lỵ Thiệu Giáo, giải phóng thị trấn Ma Lâm.

Ngày 17 và 18/4/1975, được cánh quân Duyên Hải - Quân đoàn II, bộ đội chủ lực hỗ trợ, bộ đội địa phương, dân quân du kích và các đội công tác đồng loạt tấn công địch, giải phóng hoàn toàn huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, Hải Ninh. Trước sức mạnh tấn công của quân và dân ta, Tiểu đoàn Bảo an 112 do tên Thiếu tá Bá chỉ huy đóng giữ đồn Cây Táo - xã Hồng Liêm (trên quốc lộ 1) cùng một số tên tề ngụy ở xã Lương Sơn hoảng hốt tháo chạy về Bàu Trắng (Hồng Lâm) xuống Hồng Chính, chạy dọc biển về Mũi Né. Trên đường rút chạy, chúng bị dân quân du kích các xã căn cứ Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Thanh chặn đánh tại Hồng Chính, Hòn Nghè, Long Sơn, Suối Nước.

Đêm 18/4/1975, cùng với cánh quân chủ lực, các đơn vị bộ đội tỉnh Bình Thuận tấn công và giải phóng thị xã Phan Thiết vào sáng ngày 19/4/1975. Sau đó ta tiếp tục truy quét đánh địch, giải phóng Chi khu Hải Long (Mũi Né), giải phóng Ngã Hai - quận lỵ Chi khu Hàm Thuận. Ngày 23/4/1975, giải phóng huyện Hàm Tân. Đến 27/4/1975, đảo Phú Quý và tỉnh Bình Thuận đã hoàn toàn giải phóng.

Trong những ngày tiến công và nổi dậy tháng 4/1975, quân và dân các xã căn cứ đã dốc sức ra phía trước, sát cánh cùng bộ đội huyện, tỉnh, bộ đội chủ lực giải phóng quê nhà. Đồng bào đã làm tốt nhiệm vụ hậu cần, không thương tải đạn, phục vụ chiến trường. Từ ngày 19/4/1975 đến ngày 10/5/1975 hai huyện Thuận Phong, Hòa Đa thành lập xong chính quyền ở các xã mới giải phóng.

Như vậy, trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), nhân dân các xã căn cứ Lê Hồng Phong đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, cùng bộ đội, du kích kiên cường bám trụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ vững chắc xóm làng, xây dựng căn cứ vững mạnh về mọi mặt, góp phần cùng quân và dân trong tỉnh giải phóng hoàn toàn quê hương, thống nhất Tổ quốc.

IV. PHÂN KẾT LUẬN.

Khu Lê Hồng Phong là một căn cứ lõm của tỉnh Bình Thuận nằm trên phần đất của hai huyện Hòa Đa và Hàm Thuận (nay thuộc huyện Bắc Bình và Hàm Thuận Bắc) được thành lập từ tháng 10/1950. Nơi đây là vị trí đứng chân các cơ quan lãnh đạo kháng chiến của Ban Cán sự Cục Nam Trung bộ, của tỉnh trong chống Pháp và là căn cứ của huyện trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trải qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, căn cứ Khu Lê Hồng Phong luôn nằm trong thế bị bao vây phong tỏa, uy hiếp của địch. Chúng đã dùng mọi lực lượng, mọi phương tiện chiến tranh hiện đại với nhiều thủ đoạn thâm độc hòng xóa bỏ căn cứ, tiêu diệt lực lượng kháng chiến và phong trào cách mạng của nhân dân. Nhưng, với truyền thống anh hùng, bất khuất, quân và dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong đã kiên trì bám trụ, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, ác liệt, hy sinh, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của địch, bảo vệ an toàn các cơ quan lãnh đạo của Tỉnh, của huyện và Ban Cán sự Cục Nam Trung bộ; giữ vững đường giao thông liên lạc Bắc - Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xây dựng căn cứ ngày càng vững mạnh, phát triển các mặt: quân sự,

chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội. Căn cứ Khu Lê Hồng Phong là ngọn cờ hiệu triệu phong trào kháng chiến ở Bình Thuận, có ảnh hưởng tích cực đến phong trào chung của các tỉnh Cực Nam Trung bộ; là hậu phương trực tiếp đối với tiền tuyến, một vùng căn cứ vừa là tiền tuyến vừa là hậu phương.

Căn cứ Khu Lê Hồng Phong - vùng đất chỉ rộng khoảng 600 km nhưng không ngày nào là không có bom đạn giặc và không tháng nào không có địch càn quét, đột kích, phục kích. Có những trận càn chúng dùng lực lượng từ 10 đến 15 ngàn quân, có xe tăng, pháo binh và máy bay yểm trợ, nhưng căn cứ Khu Lê Hồng Phong vẫn đứng vững, vẫn là bàn đạp vững chắc cho các lực lượng của ta chiến đấu tiêu diệt địch, bảo vệ căn cứ; đồng thời tạo thế tấn công ra phía trước, góp phần vào thắng lợi chung của toàn tỉnh trong những năm tháng lịch sử: Đông Xuân 1953- 1954 và mùa Xuân năm 1975, góp phần giải phóng quê hương.

Căn cứ Khu Lê Hồng Phong với dân số lúc đông nhất có 18.000 người, ít nhất hơn 200 người, điều kiện sống hết sức khắc nghiệt. Những năm địch đánh phá ác liệt, không có nước uống, không có lương thực để ăn, không có chỗ để ở (thời kỳ 1962-1963, 1967-1971), nhưng quân dân căn cứ vẫn kiên

trì bám trụ, chịu đựng vượt qua những thời điểm lịch sử cam go nhất để sống, chiến đấu giữ đất, giữ làng, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Dù khó khăn gian khổ, ác liệt hy sinh vẫn không làm nhụt ý chí của người dân nơi đây, cha trước, con sau, hàng trăm thanh niên lên đường cầm súng đánh giặc; hàng trăm thanh niên nam nữ lên đường nhập ngũ tham gia quân giải phóng, vào lực lượng dân quân du kích. Hàng trăm thanh niên nam nữ khác thay phiên nhau vận tải vũ khí, lương thực, đóng góp hàng chục vạn ngày công phục vụ trong hai cuộc kháng chiến.

Là vùng đất nghèo, ăn không đủ no, nhưng tấm lòng người dân căn cứ đối với Đảng, với cách mạng không bờ bến. Từ hũ gạo nuôi quân đến rẫy mì, rẫy khoai kháng chiến không lúc nào thiếu; từ chén cơm manh áo, đến lon sữa, lít nước của các má, các chị đối với cán bộ, chiến sĩ khi đau ốm, khi giặc càn quét dài ngày. Nghĩa tình quân dân như cá với nước càng đậm ấm, thủy chung, sâu sắc mặn nồng.

Chiến tranh càng ác liệt thì lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo của những người nông dân giàu lòng yêu nước nơi đây càng phát huy cao độ. Trong kháng chiến chống Pháp, dân quân du kích Khu Lê

Hồng Phong chống giặc càn bằng chông tre, chông sắt, lựu đạn gài. Trong chống Mỹ, giặc dùng pháo lớn, pháo bảy để giết hại đồng bào và lực lượng cách mạng; dùng xe tăng, xe bọc thép chà đi, xát lại để san bằng căn cứ. Quân và dân Khu Lê Hồng Phong đã lấy đạn bom của giặc cải tiến thành mìn, thành trái nổ để tiêu diệt chúng. Không chỉ bộ đội mà ngay cả dân quân, du kích, đội vũ trang công tác đều biết cải tiến, sử dụng bom mìn diệt nhiều xe tăng, xe bọc thép địch. Máy bay địch, từ phản lực cho đến trực thăng một thời từng là tai họa khủng khiếp đối với nhiều người, nhưng với khẩu súng trường "bá đở" (K44), dân quân du kích đã bắn rơi và còn nhử cho chúng đến để tiêu diệt. Bắn máy bay địch đã trở thành phong trào thi đua của dân quân du kích căn cứ từ những năm 1967-1970, đã bắn rơi và làm bị thương hàng chục máy bay các loại.

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhiều tấm gương sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng của cán bộ, chiến sỹ và đồng bào căn cứ, tiêu biểu cho ý chí kiên cường vùng đất Lê Hồng Phong bất khuất anh hùng.

Trải qua 2 cuộc kháng chiến, quân và dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong đã làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của một hậu phương tại chỗ, góp phần quan

trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Thực tiễn đó là những bài học kinh nghiệm quý báu cần được trân trọng và phát huy.

1. Tin dân, dựa vào dân, xây dựng khối đoàn kết toàn dân là chỗ dựa vững chắc của cuộc cách mạng.

Tin dân và dựa vào dân là quan điểm xuyên suốt của Đảng bộ tỉnh trong quá trình lãnh đạo cách mạng. Quan điểm đó được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của cán bộ và nhân dân Khu căn cứ Lê Hồng Phong.

Niềm tin và sự gắn bó của Đảng với nhân dân không phải là tự nhiên mà có, mà nó được xây dựng đầy thử thách bằng sự hy sinh quên mình của cán bộ, đảng viên và nhân dân vì mục đích cao cả: Giành độc lập tự do cho dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

Thực tiễn cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra trên địa bàn căn cứ Khu Lê Hồng Phong, trải qua những thời kỳ hết sức khó khăn, tưởng chừng không thể vượt qua, bởi sự đánh phá khốc liệt của kẻ thù. Đã là kẻ thù xâm lược thì dù thực dân hay đế quốc cũng đều là những tên gian ác và khát máu, nhất là bọn xâm lược Mỹ và ngụy Sài Gòn. Không một âm mưu, thủ đoạn độc ác và quỷ quyệt nào mà chúng không thực hiện ở đây. Luật 10/59, tố cộng, diệt

cộng; bình định dồn dân lập ấp, đàn áp khủng bố, tù đày tra tấn, càn quét đánh phá, bom đạn, chất độc hóa học... Chúng đã gây ra biết bao đau thương, tang tóc cho nhân dân ở vùng đất nhỏ bé này. Những tên đất, tên làng của căn cứ Khu Lê Hồng Phong, gần như nơi nào cũng thấm máu cán bộ, chiến sỹ và nhân dân. Những gia đình đã từng sống và chiến đấu nơi đây đều có người hy sinh, thương tật, tàn phế do bom đạn giặc hoặc bị giam cầm, tra tấn. Tất cả những thủ đoạn điên cuồng đó chỉ nhằm mục đích là tách Đảng ra khỏi quần chúng, chia rẽ sự gắn bó máu thịt giữa nhân dân với Đảng, làm mất chỗ dựa của cách mạng. Tuy nhiên, một quy luật tất yếu hoàn toàn trái ngược với hành động đầy tội ác của quân xâm lược và tay sai. "Nợ máu càng lớn, căm thù càng cao", càng nung nấu ý chí căm thù không đội trời chung với quân xâm lược, càng khẳng định niềm tin của nhân dân đối với Đảng, thôi thúc những người dân chất phác, cần cù, bất chấp hiểm nguy, đoàn kết gắn bó, một lòng theo Đảng, sống chết có nhau, quyết không để căn cứ rơi vào tay giặc. Tấm lòng son sắt, chung thủy ấy càng tiếp thêm sức mạnh cho cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng xiết chặt đội ngũ, kê vai sát cánh cùng nhân dân chiến đấu, bảo vệ vững chắc vùng căn cứ kháng chiến.

Niềm tin của Đảng đối với nhân dân và lòng trung thành của nhân dân đối với Đảng đã làm cho mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân càng thêm sâu sắc, trở thành nền tảng tinh thần cho cán bộ và nhân dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của địch, góp phần cùng nhân dân trong tỉnh giải phóng quê hương.

2. Phát huy truyền thống đoàn kết, truyền thống cần cù lao động, tự lực tự cường, xây dựng căn cứ địa vững mạnh làm hậu phương tại chỗ cho cách mạng.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, ác liệt hy sinh, đòi hỏi cán bộ, đảng viên và những người yêu nước phải kiên trì chịu đựng và vượt qua dù bất kỳ hoàn cảnh nào.

Bình Thuận là vùng đất nằm sâu trong vùng địch hậu, xa sự chỉ đạo và chi việc của Trung ương. Điều đó càng có ý nghĩa hơn khi ý chí, tinh thần tự lực, tự cường thấm nhuần trong cán bộ và nhân dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong.

Những người nông dân trở thành cán bộ, chiến sỹ, dân quân du kích, đã từng chân lấm tay bùn, đầu trần chân đất, chưa bao giờ có được những ngày sống

yên bình, hạnh phúc, thì khó khăn, gian khổ chẳng là gì, bởi họ có thừa dũng khí và nghị lực để vượt qua, để chiến thắng bản thân mình.

Kẻ thù muốn giết chết sự sống ở đây, muốn tiêu diệt cách mạng và những người yêu nước. Để tồn tại không có con đường nào khác là bảo vệ khu căn cứ kháng chiến, bảo vệ sự sống còn của Đảng và cách mạng. Ý chí và lòng quyết tâm đã tạo nên sức mạnh cho cán bộ, nhân dân phải chịu đựng và vượt qua những thử thách, cam go, ác liệt nhất để sống, chiến đấu đánh địch, bảo vệ căn cứ. Thiếu cái ăn thì ăn khoai, ăn củ và rau rừng. Không có nước uống thì uống nước bọng cây. Thiếu vũ khí thì làm chông tre, cạm bẫy, mìn tự do để đánh địch, lấy vũ khí trang bị cho mình. Mỗi người dân là một chiến sỹ, tay súng, tay cuốc; mỗi xóm thôn là một pháo đài chiến đấu, vừa sản xuất, vừa đánh giặc. Địch đánh ban ngày, ta sản xuất ban đêm; địch phá nơi này, ta làm nơi khác. Giữa vùng đất cát khô cằn, một màu xanh tươi tốt vẫn vươn mình như thách thức với đạn bom, làm nản lòng quân hiếu chiến. "Một tấc không đi, một ly không rời", kiên trì chịu đựng, biến khó khăn thành điều kiện thuận lợi là phương châm sống của cán bộ và nhân dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong, quyết giữ đất, giữ làng, xây dựng căn cứ, củng cố tổ chức, phát

triển lực lượng để chống trả sự đánh phá điên cuồng của địch.

Không trông chờ, ỷ lại, bằng sức mình là chính, cán bộ và nhân dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vượt lên chính mình. Đã phá tan sự bao vây phong tỏa kinh tế của địch, từng bước đảm bảo hậu cần tại chỗ cho cuộc kháng chiến thắng lợi. Đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo; tự lực, tự cường - phẩm chất cao đẹp đó đã được vun đắp, nuôi dưỡng thành lẽ sống của người dân Bình Thuận và căn cứ Khu Lê Hồng Phong cho đến ngày nay.

3. Xây dựng căn cứ phát triển toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, trong đó xây dựng hệ thống chính trị là cơ bản bao gồm xây dựng chính quyền cách mạng, mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

Xây dựng toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế... là quan điểm chỉ đạo xuất phát từ đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến mà Đảng ta đã phát động trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược.

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, đảng viên, cán bộ trung kiên của Đảng quá ít ỏi, không đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng.

Vấn đề cơ bản và cấp bách lúc bấy giờ là xây dựng thực lực chính trị tại chỗ vững mạnh, đặc biệt là tổ chức Đảng. Những người dân vốn căm thù địch và tin yêu Đảng, sống chết với cách mạng, được Đảng giác ngộ đã nhanh chóng thành đảng viên, cán bộ ưu tú của Đảng. Các tổ chức Đảng qua nhiều lần xây dựng, cũng đã bám chắc trong dân, không chỉ ở khu căn cứ giải phóng mà cả một số nơi trong vùng địch tạm chiếm. Đảng viên tuy không nhiều, nhưng các tổ chức Đảng ở Khu căn cứ thực sự là hạt nhân lãnh đạo, là chỗ dựa của nhân dân trong hai cuộc kháng chiến.

Sự vững mạnh về chính trị không chỉ đơn thuần Đảng có nhiều đảng viên dám hy sinh quên mình vì dân, vì nước mà quan trọng hơn là biết giáo dục, tập hợp và tổ chức các tầng lớp nhân dân đoàn kết thành một khối dưới ngọn cờ của Đảng đấu tranh chống địch. Các tổ chức quần chúng lần lượt được xây dựng rộng khắp trong Khu căn cứ. Từ Mặt trận Liên Việt đến Mặt trận Dân tộc giải phóng, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên và các hội quần chúng khác. Chính lực lượng đông đảo này, họ đã xiết chặt hàng ngũ, đấu tranh ngăn chặn các cuộc đàn áp khủng bố, dồn dân lập ấp, bắt bớ giam cầm, càn quét đánh phá của địch. Và họ cũng chính là những người

trực tiếp vận động binh lính địch trở về với nhân dân; vận động nhân dân vùng địch tạm chiếm ra xây dựng vùng căn cứ giải phóng.

Sức mạnh chính trị được nhân lên gấp bội khi chính quyền cách mạng của nhân dân được thành lập có hệ thống từ cơ sở. Từng bị kềm kẹp áp bức, bóc lột, giờ đây nhân dân trở thành người chủ của chính quyền cách mạng - chính quyền mới của một xã hội mới. Những tên phản động đầu hàng, bọn ác ôn, tay sai có nợ máu bị chính quyền và nhân dân trừng trị đích đáng. Trước muôn vàn khó khăn, chính quyền cách mạng vẫn chăm lo đến đời sống vật chất, văn hóa, giáo dục, y tế...

Tuy nhiên, dù thực lực chính trị có mạnh đến đâu cũng khó duy trì và giữ vững phong trào cách mạng, càng không thể đập tan bộ máy kềm kẹp cùng tiềm lực quân sự và phương tiện chiến tranh hiện đại của địch, nếu không có lực lượng vũ trang đủ mạnh được xây dựng từ những năm đầu của cuộc kháng chiến.

Cùng với sự trưởng thành của lực lượng vũ trang tỉnh, bộ đội, du kích, dân quân căn cứ Khu Lê Hồng Phong ngày càng phát triển về số lượng, chất lượng và trang bị vũ khí; vừa phối hợp đánh địch có

hiệu quả, vừa có đủ khả năng độc lập tác chiến tiêu diệt địch, phá vỡ nhiều cuộc càn quét, bắn rơi, phá hủy xe tăng và xe bọc thép; tổ chức diệt nhiều tên ác ôn ngay tại sào huyệt của chúng. Bộ đội, du kích Lê Hồng Phong chính là chỗ dựa trực tiếp của nhân dân trước sức mạnh vũ lực về quân sự của địch, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị tại chỗ.

Căn cứ Khu Lê Hồng Phong thực sự trở thành hậu phương vững chắc không chỉ là sức mạnh về chính trị và quân sự mà một nhiệm vụ quan trọng nữa, đó là xây dựng, phát triển kinh tế cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trước những khó khăn chồng chất, lại bị địch bao vây, phong tỏa đánh phá về kinh tế, nhưng nhân dân căn cứ Khu Lê Hồng Phong không bị quan giao động, vẫn bền bỉ lao động sản xuất tự túc, đồng thời móc nối cơ sở bên trong đưa hàng hóa, lương thực, thuốc men ... ra vùng căn cứ. Từ chỗ thiếu ăn, cán bộ, nhân dân căn cứ không những trang trải cho cuộc sống hàng ngày, mà còn dự trữ, đảm bảo hậu cần tại chỗ cho bộ đội và các cơ quan của tỉnh đứng chân trên địa bàn.

Xây dựng toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế... đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để căn cứ Lê

Hồng Phong đứng vững, trở thành hậu phương vững chắc trong hai cuộc kháng chiến đến ngày thắng lợi.

25 năm, kể từ ngày thành lập (1950) cho đến ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1975), căn cứ Khu Lê Hồng Phong đã trải qua 2 cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, trong điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ. Trong hoàn cảnh đó, Đảng bộ tỉnh Bình Thuận sớm nhận rõ ý nghĩa việc xây dựng căn cứ, để phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, dựa vào dân xây dựng hậu phương vững chắc, kiên trì chiến đấu chống giặc ngoại xâm, anh dũng hy sinh, góp phần giải phóng quê hương, thống nhất Tổ quốc. Việc xây dựng căn cứ làm hậu phương tại chỗ là vấn đề sống còn bảo đảm nhiều mặt cho cuộc kháng chiến giành thắng lợi, là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của cách mạng. Bài học dựa vào sức mình là chính không chỉ giúp Bình Thuận vượt qua khó khăn trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, mà còn giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân Bình Thuận vượt qua mọi trở ngại, những thách thức trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bắc Bình, lịch sử truyền thống Lực lượng Vũ trang nhân dân, 1945 - 1975. Xuất bản năm 1999.
2. Bắc Bình, truyền thống đấu tranh cách mạng, 1930 - 1975. Xuất bản năm 1993.
3. Hàm Thuận bất khuất - kiên cường, tập I, 1930 - 1945. Xuất bản năm 1988.
4. Hàm Thuận bất khuất - kiên cường, tập II, 1954 - 1975. Xuất bản năm 1993.
5. Hội nghị thông qua bản thảo "Chiến khu Lê Hồng Phong" lần 1 (năm 2001), lần 2 (2006).
6. Hội nghị tọa đàm tư liệu lịch sử huyện Bắc Bình, thời kỳ 1946 - 1954.
7. Hồng Thái những chặng đường lịch sử, 1945 - 1975. Xuất bản năm 1994.
8. Khu căn cứ kháng chiến Lê Hồng Phong của đồng chí Bùi Minh Huệ viết năm 2001.
9. Khu Lê - một kỷ niệm không thể nào quên - Hồi ký của đồng chí Hồ Viết Hách viết năm 1989.
10. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập I, thời kỳ 1930 - 1954. Xuất bản năm 1994.

11. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập II, thời kỳ 1954 - 1975. Xuất bản năm 2000.

12. Lịch sử truyền thống Khu Lê Hồng Phong, do đ/c Phan Kế Toán ghi theo lời kể của đ/c Phạm Đình Hoè, năm 2000.

13. Lược ghi hồi ký của đồng chí Phạm Đình Hoè viết về Chiến khu Lê Hồng Phong, do đ/c Phan Kế Toán thực hiện năm 1999.

14. Nhận xét phong trào nhân dân du kích chiến tranh huyện Lê Hồng Phong - Bình Thuận, do Đảng ủy và BCH Quân sự tỉnh Thuận Hải biên soạn năm 1989.

15. Những ngày tháng không quên - Hồi ký của đồng chí Phạm Đình Hoè.

16. Những trận đánh tiêu biểu trên đất Bắc Bình, 1945 - 1975. Xuất bản năm 1991.

17. Quá trình xây dựng căn cứ địa kháng chiến Khu Lê Hồng Phong, tỉnh Bình Thuận của đồng chí Bùi Minh Huệ.

18. Tài liệu thành văn trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954) lưu tại BTG TU.

19. Tài liệu thành văn trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) lưu tại BTG TU.

20. Thành tích kháng chiến Khu căn cứ Lê Hồng Phong, do Đảng ủy và BCH Quân sự tỉnh Thuận Hải biên soạn năm 1989.

21. Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân xã Hòa Thắng, 1945 - 1975. Xuất bản năm 1994.

22. Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân xã Hồng Phong, 1945 - 1975. Xuất bản năm 2005.

23. Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân xã Lương Sơn, 1945 - 1975. xuất bản năm 1995.

24. Tư liệu lịch sử về Khu căn cứ Lê Hồng Phong trong kháng chiến chống pháp và huyện Lê Hồng Phong trong kháng chiến chống Mỹ của đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh.

25. Vài nét về Khu Lê Hồng Phong của đồng chí Đặng Bá Sang.

*

* *

PHỤ LỤC

Những thành tích của quân và dân Khu Lê Hồng Phong trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng những phần thưởng cao quý cho tập thể và cá nhân:

+ Đơn vị Anh hùng LLVT nhân dân:

- Dân quân du kích xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận.

- Dân quân du kích xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, Bình Thuận.

- Nhân dân và LLVTND xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Bình Thuận.

- Nhân dân và LLVTND xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình, Bình Thuận.

- Nhân dân và LLVTND xã Lương Sơn, huyện Bắc Bình, Bình Thuận.

+ Anh hùng LLVT nhân dân:

- Anh hùng liệt sĩ Võ Hữu quê ở xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận.

- Anh hùng liệt sĩ Huỳnh Thị Khá quê ở xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận.

- Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thanh Hùng quê ở xã Hồng Thái, Bắc Bình, Bình Thuận.

Ngoài ra còn có Anh hùng Lê Văn Bảng và Anh hùng Nguyễn Hội, là con rể của xã Hồng Lâm (nay là xã Hòa Thắng), Bắc Bình, Bình Thuận, đã chiến đấu trởng thành trên vùng đất Khu Lê kiên cường bất khuất.

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, XÃ HỘI CỦA CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG.	7
1. Sự hình thành tổ chức hành chính căn cứ Khu Lê Hồng Phong.	7
2. Đặc điểm tự nhiên, xã hội căn cứ Khu Lê Hồng Phong.	13
II. CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC.	20
1. Căn cứ Khu Lê Hồng Phong - địa bàn đứng chân các cơ quan lãnh đạo kháng chiến.	20

2. Nhân dân căn cứ Lê Hồng Phong tích cực tham gia kháng chiến, hình thành thế trận nhân dân du kích chiến tranh, góp phần đánh thắng thực dân Pháp xâm lược. 34

III. NHÂN DÂN CĂN CỨ KHU LÊ HỒNG PHONG TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN, CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1954 - 1975). 54

1. Sắp xếp lại lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đòi dân sinh dân chủ (1954 - 1961). 54

2. Thành lập lại huyện Lê Hồng Phong, làm căn cứ kháng chiến, góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy (1962 - 1966). 88

3. Giải thể huyện Lê Hồng Phong, các xã giải phóng trở thành căn cứ của huyện Hòa Đa, Thuận Phong tiếp tục tấn công địch (1966 - 1973). 121

a) Nhân dân các xã căn cứ tiếp tục góp phần đánh bại "chiến tranh cục bộ" của Mỹ - ngụy (1966 - 1968). 121

b) Vượt qua mọi gian khổ ác liệt, giữ vững vùng căn cứ, góp phần đánh bại một bước chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch (1969 - 1973). 144

4. Tái lập huyện Lê Hồng Phong, tăng cường xây dựng căn cứ cách mạng, góp phần giải phóng quê hương (1973 - 1975). 163

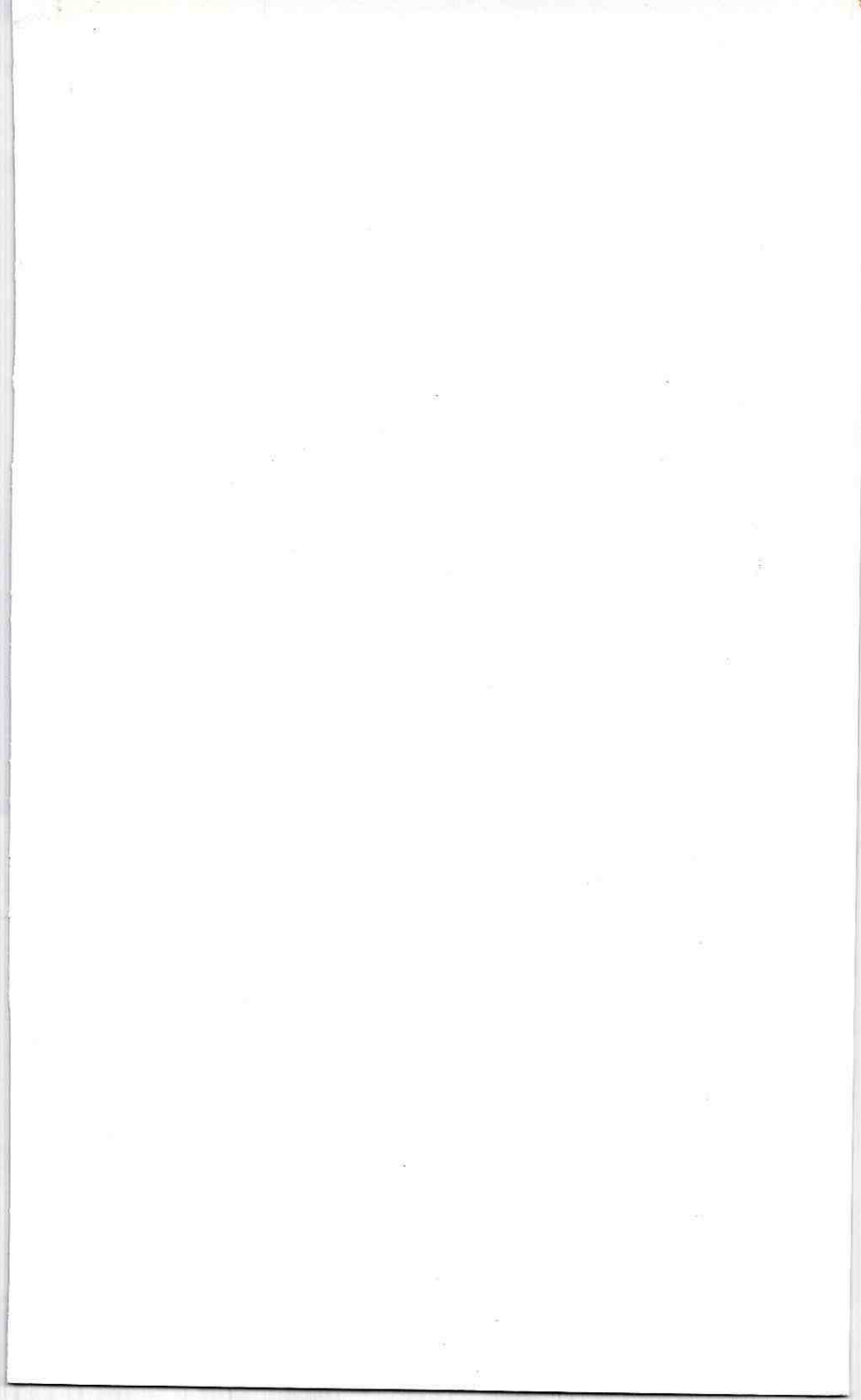
IV. PHẦN KẾT LUẬN. 188

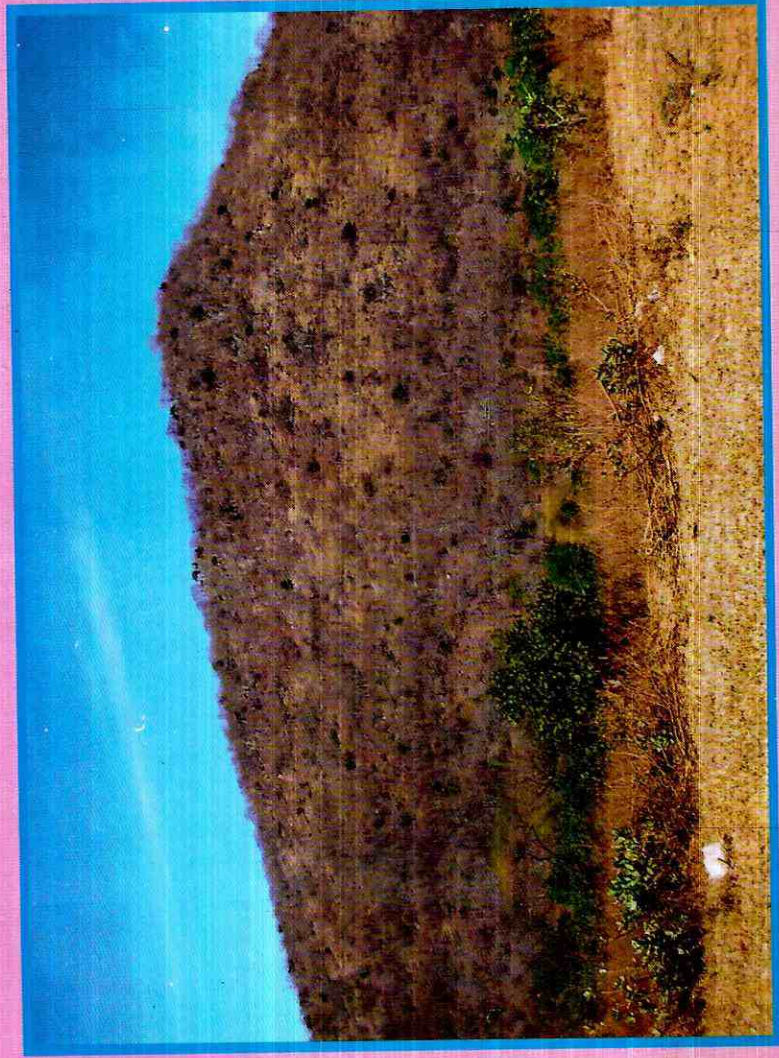
TÀI LIỆU THAM KHẢO 201

PHỤ LỤC 204

MỤC LỤC 206

In 500 bản tại Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Thuận theo giấy phép số 35 GPXB do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/6/2008.





Núi Bà Thiêu (xã Hồng Phong).